TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

Số: 525 /TB-VIMICO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: Quý cổ đông Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (ĐHĐCĐ) của Tổng công ty như sau:

1. Thời gian: 08h00, ngày 25 tháng 3 năm 2020 (*Thứ tư*).

2. Địa điểm: Hội trường tầng II Nhà B - Trụ sở Tổng công ty Khoáng sản - TKV
Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, P.Thanh Xuân Trung, Q.Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 024.62836666 Fax: 024.62873333

3. Nội dung:

- Thông qua thay đổi Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.
- Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2019 và giai đoạn 2016 - 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.
- Thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ 2019
- Thông qua việc thực hiện chi trả tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2019 và kế hoạch năm 2020.
- Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
- Về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025.
- Thông qua về việc trích lập quỹ KHCN Tổng công ty năm 2020.
- Thông qua chủ trương tiếp tục niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Thông qua việc tiêu thụ phôi thép sản xuất tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng năm 2020 và các năm tiếp theo.

Ghi chú: *Khi đến tham dự ĐHĐCĐ, Quý Cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo và xuất trình các giấy tờ sau: thư mời, CMND hoặc hộ chiếu (bản chính) hoặc bản sao Giấy CNĐKDN và giấy ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ (nếu là người được ủy quyền) để Ban Tổ chức kiểm tra tư cách cổ đông*

Signature Not Verified
Ký bởi: NGÔ QUỐC TRUNG
Ký ngày: 11/3/2020 16:29:02

- Thông qua nội dung Phương án sản xuất kinh doanh tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa.

- Thông qua hợp đồng phối hợp kinh doanh và cơ chế mua bán sản phẩm năm 2020 với TKV.

- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Điều kiện tham dự :

- Là cổ đông của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP có mặt trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 03/3/2020 theo Thông báo của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).

- Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự ĐHĐCĐ. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản (theo mẫu gửi kèm).

5. Đăng ký tham dự và góp ý nội dung ĐHĐCĐ:

Để ĐHĐCĐ được tổ chức thành công, đề nghị Quý cổ đông vui lòng gửi: Đăng ký tham dự/Giấy ủy quyền; Ý kiến đóng góp về chương trình, nội dung và các dự thảo trình ĐHĐCĐ theo các mẫu đính kèm trước 16h00' ngày 24/3/2020 tới địa chỉ:

- Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tổng công ty - Địa chỉ: P.209 - Trụ sở Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, P.Thanh Xuân Trung, Q.Thanh Xuân, Hà Nội. ĐT: 024.62856503 Fax: 024.62873333

6. Tài liệu Đại hội: Toàn bộ tài liệu ĐHĐCĐ được đăng tải trên website của Tổng công ty Khoáng sản - TKV tại địa chỉ: http://www.vimico.vn.

Thông báo này thay cho Thư mời họp trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận được Thư mời họp.

Trân trọng kính mời!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT;

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100[illegible] - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải

Ghi chú: *Khi đến tham dự ĐHĐCĐ, Quý Cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo và xuất trình các giấy tờ sau: thư mời, CMND hoặc hộ chiếu (bản chính) hoặc bản sao Giấy CNĐKDN và giấy ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ (nếu là người được ủy quyền) để Ban Tổ chức kiểm tra tư cách cổ đông*

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

1. Thời gian: 08h00' ngày 25/3/2020 (thứ tư)

2. Địa điểm: Hội trường tầng II Nhà B - Trụ sở Tổng công ty Khoáng sản - TKV Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Thời gian	TT	Nội dung	Thực hiện
07h30-08h00	**I**	**Công tác chuẩn bị:**	
	1	Đón tiếp đại biểu và cổ đông	Ban Tổ chức
	2	Cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu	Ban KT tư cách cổ đông
08h00-12h00	**II**	**Khai mạc:**	
	1	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ban Tổ chức
	2	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ	Ban KT tư cách cổ đông
	3	Giới thiệu Chủ tọa điều hành ĐHĐCĐ	Ban Tổ chức
	4	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban Thư ký	Chủ tọa
	5	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban kiểm tra kết quả biểu quyết	Chủ tọa
	6	Thông qua Chương trình ĐHĐCĐ	Chủ tọa
	7	Thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ	Chủ tọa
	III	**Nội dung ĐHĐCĐ:**	
	1	Thông qua nội dung thay đổi thành viên HĐQT	
	2	Thông qua tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2019 và giai đoạn 2016 - 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.	Tổng Giám đốc
	3	Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị	Chủ tịch HĐQT
	4	Thông qua Báo cáo của BKS về thẩm tra tình hình hoạt động và tài chính năm 2019 tổng kết nhiệm kỳ 2015-2020 và định hướng nhiệm kỳ năm 2020-2025.	Trưởng BKS

Thời gian	TT	Nội dung	Thực hiện
	5	Bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025	Chủ tọa
		Trình bày và biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử HĐQT, BKS	Chủ tọa
		Giới thiệu và biểu quyết thông qua số lượng thành viên HĐQT và Kiểm soát viên của Ban Kiểm soát	Chủ tọa
		Giới thiệu danh sách đề cử, ứng cử HĐQT, BKS	Chủ tọa
		Hướng dẫn và tiến hành bầu cử	Ban KT kết quả biểu quyết
	6	Thông qua BCTC Công ty mẹ - Tổng công ty đã được kiểm toán năm 2019; Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019; Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao 2020 của HĐQT, BKS Tổng công ty	Chủ tọa
	7	Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020	Chủ tọa
	8	Thông qua về việc trích lập quỹ KHCN Tổng công ty năm 2020	Chủ tọa
	9	Thông qua chủ trương tiếp tục niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.	Chủ tọa
	10	Thông qua việc tiêu thụ phôi thép sản xuất tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng năm 2020 và các năm tiếp theo.	Chủ tọa
	11	Thông qua nội dung Phương án sản xuất kinh doanh tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa	Chủ tọa
	12	Thông qua hợp đồng phối hợp kinh doanh và cơ chế mua bán sản phẩm năm 2020 với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.	Chủ tọa
	13	Công bố kết quả kiểm phiếu bầu HĐQT, BKS	Ban KT kết quả biểu quyết
	14	Nghỉ giải lao (HĐQT, BKS họp phiên đầu tiên)	
	15	Ra mắt Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025	HĐQT, BKS
	16	Báo cáo kết quả biểu quyết	Ban KT kết quả biểu quyết
	17	Trình bày Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ	Ban Thư ký
	18	Thông qua Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ	Chủ tọa
12h00	19	Bế mạc ĐHĐCĐ	Chủ tọa

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

Số: 524 /GM-VIMICO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

GIẤY MỜI THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Trân trọng kính mời cổ đông:

Địa chỉ:

Số CMTND/Hộ chiếu hoặc ĐKKD:

Tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

1. **Thời gian: 08h00 ngày 25/3/2020 (Thứ tư)**
2. **Địa điểm: Hội trường tầng II nhà B - Trụ sở Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội**
3. **Điều kiện tham dự ĐHĐCĐ:**

- Là cổ đông của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP có mặt trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 03/03/2020 theo Thông báo của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).
- Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự ĐHĐCĐ. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản (theo mẫu gửi kèm).

4. **Nội dung chính của ĐHĐCĐ:**

- Thông qua thay đổi Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.
- Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2019 và giai đoạn 2016 - 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.
- Thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ 2019
- Thông qua việc thực hiện chi trả tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2019 và kế hoạch năm 2020.
- Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
- Về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025.
- Thông qua về việc trích lập quỹ KHCN Tổng công ty năm 2020.
- Thông qua chủ trương tiếp tục niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ghi chú: *Khi đến tham dự ĐHĐCĐ, Quý Cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo và xuất trình các giấy tờ sau: thư mời, CMND hoặc hộ chiếu (bản chính) hoặc bản sao Giấy CNĐKDN và giấy ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ (nếu là người được ủy quyền) để Ban Tổ chức kiểm tra tư cách cổ đông*

- Thông qua việc tiêu thụ phôi thép sản xuất tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng năm 2020 và các năm tiếp theo.

- Thông qua nội dung Phương án sản xuất kinh doanh tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa.

- Thông qua hợp đồng phối hợp kinh doanh và cơ chế mua bán sản phẩm năm 2020 với TKV.

- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

5. Đăng ký tham dự và góp ý nội dung ĐHĐCĐ:

Để ĐHĐCĐ được tổ chức thành công, đề nghị Quý cổ đông vui lòng gửi: Đăng ký tham dự/Giấy ủy quyền; Ý kiến đóng góp về chương trình, nội dung và các dự thảo trình ĐHĐCĐ theo các mẫu đính kèm trước 16h00' ngày 25/3/2020 tới địa chỉ:

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tổng công ty - Địa chỉ: P.209 - Trụ sở Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, P.Thanh Xuân Trung, Q.Thanh Xuân, Hà Nội. ĐT: 024.62856503 Fax: 024.62873333.

6. Tài liệu ĐHĐCĐ:

Toàn bộ tài liệu ĐHĐCĐ được đăng trên website của Tổng công ty Khoáng sản - TKV tại địa chỉ http://www.vimico.vn.

Trân trọng kính mời!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100[illegible]087 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải

Ghi chú: *Khi đến tham dự ĐHĐCĐ, Quý Cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo và xuất trình các giấy tờ sau: thư mời, CMND hoặc hộ chiếu (bản chính) hoặc bản sao Giấy CNĐKDN và giấy ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ (nếu là người được ủy quyền) để Ban Tổ chức kiểm tra tư cách cổ đông*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CỦA TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Kính gửi: **Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Tên cổ đông/đại diện cổ đông: .....

Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN:.....cấp ngày: ...../...../..... tại .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP vào ngày 25 tháng 3 năm 2020 với số cổ phần biểu quyết là: ..... cổ phần.
Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu: ..... cổ phần phổ thông
- Số cổ phần được ủy quyền (nếu có):..... cổ phần phổ thông

(Kèm theo Giấy ủy quyền tương ứng với số cổ phần nhận ủy quyền)

Đề nghị Ban Tổ chức ĐHĐCĐ xác nhận vào danh sách cổ đông/đại diện cổ đông tham dự họp.

Hà nội, ngày tháng năm 2020

CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

Nếu cổ đông là pháp nhân phải có văn bản xác nhận tham dự ĐHĐCĐ.

*Cổ đông xin vui lòng gửi Giấy xác nhận tham dự ĐHĐCĐ về Ban Tổ chức ĐHĐCĐ theo địa chỉ trên thông báo và thư mời họp trước **16h00 ngày 24/3/2020**.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY UỶ QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CỦA TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

1. Bên ủy quyền

Tên cổ đông/nhóm cổ đông: Nhóm cổ đông

CMTND/Hộ chiếu/ĐKDN số: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ: .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

(bằng chữ: .....)

2. Bên nhận ủy quyền

Ông (Bà): .....
CMTND/Hộ chiếu số: : ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: .....

Số cổ phần được ủy quyền: ..... CP (Bằng chữ: .....)

3. Nội dung ủy quyền

Thay mặt người ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP tương ứng số cổ phần được uỷ quyền theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Điều lệ của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP và quy định của pháp luật.

4. Thời hạn ủy quyền

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

5. Trách nhiệm của các bên

Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho bên thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này.

Các bên cam kết chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật.

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2020

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu cổ đông là tổ chức)*

Ghi chú: 1. cổ đông là pháp nhân thì có văn bản ủy quyền/giao người đại diện thực hiện quyền, nghĩa vụ cổ đông tại ĐHĐCĐ. Tổ chức là cổ đông của TCty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Trường hợp cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần, cho mỗi người đại diện. Bản sao Giấy ủy quyền xin vui lòng gửi cho BTC ĐHĐCĐ theo địa chỉ trên thông báo và giấy mời họp trước 16h00' ngày 24/3/2020 (01 ngày làm việc trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ).
2. Trường hợp bên ủy quyền là nhóm cổ đông thì Mục 1 ghi là "Nhóm cổ đông" và bổ sung thêm danh sách cổ đông ủy quyền theo mẫu kèm theo.
Người được ủy quyền khi đi tham dự ĐHĐCĐ cần mang theo CMND/Hộ chiếu, thư mời, tài liệu dự họp và giấy ủy quyền bản chính

DANH SÁCH NGƯỜI ỦY QUYỀN KÈM THEO GIẤY ỦY QUYỀN

STT	Họ và tên	Số CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp	Số CP sở hữu	Số CP ủy quyền	Ký tên
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
	Tổng số					

Ghi chú: 1. cổ đông là pháp nhân thì có văn bản ủy quyền/giao người đại diện thực hiện quyền, nghĩa vụ cổ đông tại ĐHĐCĐ. Tổ chức là cổ đông của TCty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Trường hợp cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần, cho mỗi người đại diện. Bản sao Giấy ủy quyền xin vui lòng gửi cho BTC ĐHĐCĐ theo địa chỉ trên thông báo và giấy mời họp trước 16h00' ngày 24/3/2020 (01 ngày làm việc trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ).

2. Trường hợp bên ủy quyền là nhóm cổ đông thì Mục 1 ghi là "Nhóm cổ đông" và bổ sung thêm danh sách cổ đông ủy quyền theo mẫu kèm theo.

Người được ủy quyền khi đi tham dự ĐHĐCĐ cần mang theo CMND/Hộ chiếu, thư mời, tài liệu dự họp và giấy ủy quyền bản chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

PHIẾU ĐẶT CÂU HỎI

Họ và tên cổ đông/Đại diện theo ủy quyền (nếu có): .....

Mã số: .....

Số cổ phần sở hữu: .....

Số cổ phần được ủy quyền.....

Địa chỉ thường trú:.....

Email: .....

Điện thoại: .....

Câu hỏi:

.....

.....

.....

.....

.....

Cổ đông

(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Trường hợp nội dung câu hỏi nằm ngoài Chương trình ĐHĐCĐ, hoặc không đủ thời gian để Chủ tọa trả lời tất cả câu hỏi của Cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ trả lời cổ đông thông qua: Gửi thư tay, email hoặc điện thoại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN THAM GIA Ý KIẾN

Kính gửi: Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Họ và tên cổ đông:

Số cổ phần sở hữu:

Sau khi đọc các tài liệu chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP (Đại hội), tôi xin đóng góp các ý kiến như sau:

1. **Tham gia ý kiến về dự thảo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ.**

   .....

   .....

   .....

2. **Tham gia ý kiến về chương trình ĐHĐCĐ.**

   .....

   .....

   .....

3. **Tham gia ý kiến về Thông qua thay đổi Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.**

   .....

   .....

   .....

4. **Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2019 và giai đoạn 2016 - 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.**

   .....

   .....

   .....

5. **Tham gia ý kiến về Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.**

   .....

   .....

   .....

6. **Tham gia ý kiến về Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.**

   .....

   .....

   .....

7. **Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019.**

   .....

   .....

   .....

8. **Tham gia ý kiến về Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2019; Dự kiến thù lao của HĐQT, BKS năm 2020.**

.....

.....

9. **Tham gia ý kiến về việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.**

.....

.....

10. **Tham gia ý kiến về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025.**

.....

.....

11. **Tham gia ý kiến về hợp đồng phối hợp kinh doanh và cơ chế mua bán sản phẩm đồng tấm năm 2019 với TKV.**

.....

.....

12. **Thông qua việc tiếp tục niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.**

.....

.....

13. **Thông qua về việc trích lập quỹ KHCN Tổng công ty năm 2020.**

.....

.....

14. **Thông qua việc tiêu thụ phôi thép sản xuất tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng năm 2020 và các năm tiếp theo.**

.....

.....

15. **- Thông qua nội dung Phương án sản xuất kinh doanh tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa.**

.....

.....

16. **Các ý kiến khác:**

.....

.....

.....

Hà Nội, ngày .....tháng ..... năm 2020

Cổ đông đóng góp ý kiến

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV- CTCP

Số: 510 /BC-VIMICO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2019 và giai đoạn 2016 - 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2020 và giai đoạn 2021 – 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SXKD, ĐTXD NĂM 2019, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2020

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2019

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tổng công ty triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 trong điều kiện phải đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức, đó là:

- Giá bán các sản phẩm chính như: tinh quặng đồng, đồng tấm, kẽm thỏi, phôi thép,… trên thị trường giảm sâu và thấp hơn so với giá bán kế hoạch và cùng kỳ năm 2018, đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả SXKD của các đơn vị trong Tổng công ty; Giá than cốc tăng cao làm tăng chi phí sản xuất phôi thép tại Nhà máy Gang thép Cao Bằng,...

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng chậm, chi phí đền bù lớn làm ảnh hưởng đến sản xuất (mỏ đồng Sin Quyền); Dự án Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai do Nhà thầu thay đổi thông số kỹ thuật thiết bị dẫn đến bị chậm tiến độ,…

- Tài nguyên khoáng sản tại một số mỏ giảm do chủ yếu là khai thác nạo vét (các mỏ thiếc); Thủ tục xin gia hạn, cấp phép khai thác tại một số mỏ gặp nhiều vướng mắc (mỏ chì kẽm Lang Hít, mỏ thiếc Tĩnh Túc,…);

- Tại Mỏ đồng Sin Quyền, điều kiện khai thác ngày càng khó khăn do khai thác xuống sâu, vị trí đổ thải xa, cung độ kéo dài, chiều cao nâng tải lớn, do vậy đã ảnh hưởng đến khả năng vận tải toàn mỏ.

- Công tác tiêu thụ tinh quặng đồng gặp nhiều khó khăn do giá bán xuống thấp, khả năng hấp thụ của thị trường yếu, dẫn đến Tổng công ty gặp nhiều khó khăn về tài chính.

Với những khó khăn nêu trên, trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua tại Nghị quyết số 716/NQ-VIMICO ngày 28/3/2019, trong năm 2019, HĐQT đã phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2019 tại QĐ số 1335/QĐ-VIMICO ngày 31/12/2019 và kế hoạch ĐTXD năm 2019 tại QĐ số 1120/QĐ-VIMICO ngày 31/10/2019 của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP để điều hành nhằm duy trì sản xuất ổn định, đảm bảo đạt được mục tiêu kế hoạch lợi nhuận, cổ tức, bảo toàn và

phát triển vốn. Do vậy, các chỉ tiêu thực hiện năm 2019 được đưa ra phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh đã được HĐQT phê duyệt như sau:

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2019

1.1. Các chỉ tiêu về giá trị

- Tổng doanh thu hợp nhất toàn TCT: 6.202 tỷ đồng, bằng 94,86% KH điều chỉnh và bằng 108,77% cùng kỳ năm trước (Trong đó: Doanh thu khoáng sản các SP Công ty mẹ: 2.670,97 tỷ đồng/2.621 tỷ đồng KH điều chỉnh, bằng 101,91%KH điều chỉnh).

- Lợi nhuận trước thuế: 15,51 tỷ đồng (trong đó: Cty mẹ - Tcty: 137,67 tỷ đồng).

- Nộp ngân sách: 970,75 tỷ đồng.

- Tổng số lao động: 4.453/ 4.812 người KH, đạt 92,54%KHN và 97,87% TH 2018

- Thu nhập BQ: 8,258 tr.đồng/người/tháng, bằng 91,29%KHN và 95,35% năm trước.

1.2. Các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất - tiêu thụ khoáng sản

Các dây chuyền công nghệ khai thác, tuyển khoáng, luyện kim quặng đồng, thiếc, kẽm, tinh quặng sắt,... hoạt động tương đối ổn định, đảm bảo các chỉ tiêu công nghệ, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tổng công ty đã có nhiều biện pháp linh hoạt, theo dõi sát diễn biến giá cả thị trường trong nước và thế giới để lựa chọn thời điểm, phương án tiêu thụ đảm bảo giá bán cạnh tranh, có lợi nhất cho doanh nghiệp.

Kết quả sản lượng sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm chủ yếu như sau:

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	KHĐC 2019	TH 2019	SS TH 2019 VỚI (%)	
					CK 2018	KHĐC2019
A	B	C	1	2	3	4=2/1
I	**Sản xuất**					
1	TQ đồng 24%Cu	Tấn	70.304	71.334	135,60	101,46
2	Đồng tấm Ka tốt	Tấn	11.800	12.500	106,06	105,93
3	Kẽm thỏi	Tấn	11.000	11.616	103,71	105,60
4	Thiếc thỏi	Tấn	200	178	59,98	89,05
5	Tinh quặng sắt (60%Fe)	Tấn	162.000	168.527	119,07	104,03
6	Axit Sunfuric	Tấn	58.400	61.066	105,23	104,56
7	Vàng	Kg	457	541	93,79	118,18
8	Bạc	Kg	415	500	101,54	120,48
9	Phôi thép GTCB	Tấn	220.000	220.368	118,77	100,17
II	**Tiêu thụ**					
1	Tinh quặng đồng (VIMICO)		11.000	15.129	-	137,54
2	Đồng tấm Ka tốt	Tấn	11.600	12.122	99,92	104,50
3	Kẽm thỏi	Tấn	11.000	11.998	110,26	109,07
4	Thiếc thỏi	Tấn	226	148	50,52	65,65
5	Tinh quặng sắt (60%Fe)	Tấn	190.000	142.073	100,88	74,78
6	Axit Sunfuric	Tấn	56.099	57.683	98,29	102,82
7	Vàng	Kg	456	544	86,84	119,14
8	Bạc	Kg	460	535	102,94	116,32
9	Phôi thép GTCB	Tấn	220.000	229.375	142,23	104,26

1.3. Thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản

*** Tổng giá trị thực hiện ĐTXD năm 2019:** 1.121.974 triệu đồng, bằng 96,66% KH năm 2019, đó:

- Trả nợ khối lượng năm trước: 0 công trình.

- Thực hiện đầu tư năm 2019: Thực hiện đầu tư cho 38 dự án/công trình với tổng giá trị dự kiến 1.121.974 triệu đồng, đạt 96,66% kế hoạch 2019, (bao gồm: 14 dự án/công trình chuyển tiếp, 24 dự án/công trình khởi công mới, 04 dự án/công trình chuẩn bị dự án).

- Cơ cấu đầu tư:

+ Xây lắp: 519,953 tỷ đồng

+ Thiết bị: 443,304 tỷ đồng

+ Quản lý, tư vấn, GPMB và khác: 158,717 tỷ đồng

Tổng giá trị giải ngân trong kỳ ước đạt 569.623 tỷ đồng.

*** Tình hình thực hiện kế hoạch ĐTXD một số dự án/công trình trọng điểm Công ty mẹ - Tổng công ty**

a. Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (Dự án nhóm A do Công ty mẹ - Tcty làm Chủ đầu tư)

Dự án đã hoàn thành xây dựng tất cả các hạng mục công trình chính; trừ 02 hạng mục/gói thầu: Nắn suối Nậm Chỏn + Xây dựng cầu qua đoạn nắn suối Nậm Chỏn, Xây dựng bãi thải quặng đuôi giai đoạn 2; triển khai thi công chậm do vướng mắc trong công tác đền bù, GPMB.

Nhà máy tuyển khoáng (số 2) đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ ngày 01/02/2019. Giá trị thực hiện đầu tư năm 2019 chủ yếu là công tác GPMB, thực hiện các công việc tư vấn, thực hiện thi công Xây dựng bãi thải quặng đuôi giai đoạn 2 là 110,634 tỷ đồng (tương đương 103% kế hoạch năm 2019). Lũy kế thực hiện đến 31/12/2019: 2.218,373 tỷ đồng (tương đương 86,5% tổng mức đầu tư được phê duyệt).

Giá trị giải ngân năm 2019: 110,634 tỷ đồng (tương đương 100% giá trị thực hiện). Lũy kế giải ngân đến 31/12/2019: 1.864,7 tỷ đồng.

b. Dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai (Dự án nhóm A do Công ty mẹ - Tcty làm Chủ đầu tư)

Dự án triển khai còn chậm do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan tồn tại từ những năm trước như: tỉnh Lào Cai thực hiện thu hồi apatit trên mặt bằng nhà máy; thực hiện điều chỉnh quy hoạch và thu hồi một phần đất của dự án để xây dựng khu vực cửa khẩu Bản Vược; điều chỉnh thiết kế cho phù hợp trong quá trình thi công xây dựng; công tác giải ngân thanh toán cho các hợp đồng chậm, ảnh hưởng đến nguồn lực và tiến độ thi công của các nhà thầu... Năm 2019, Chủ đầu tư tiếp tục triển khai thực hiện công việc của gói thầu số 8 (HH - Thiết kế, cung cấp thiết bị, vật tư và lắp đặt Nhà máy luyện đồng công suất 20.000 tấn/năm) chủ yếu công tác điều chỉnh thiết kế và giám sát tác giả, thiết bị cho nhà máy hiện tại nhà thầu đang vận chuyển đến công trường để lắp đặt; triển khai thi công Xây dựng các nhà xưởng thuộc Nhà máy luyện đồng, Xây dựng khu điều hành sản xuất, Hệ thống kho chứa và xưởng cơ khí…; và tiếp tục thực hiện các hạng mục: Thẩm tra thiết kế;

giám sát thi công xây lắp; quản lý mua sắm, tiến độ, chất lượng công trình; Bảo hiểm công trình; Tư vấn kiểm tra an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng; Tư vấn giám định các thiết bị quan trọng; Tư vấn GSTC các hạng mục phụ trợ; Tư vấn kiểm toán quyết toán các HMCT và DA hoàn thành của dự án theo kế hoạch được giao.

Giá trị thực hiện năm 2019: 836,856 tỷ đồng, đạt 99,62% kế hoạch năm 2019. Lũy kế thực hiện đến 31/12/2019: 2.092,658 tỷ đồng (tương đương 53,28% tổng mức đầu tư được phê duyệt).

Giá trị giải ngân năm 2019: 833,658 tỷ đồng (tương đương 100% giá trị thực hiện). Lũy kế giải ngân đến 31/12/2019: 1.391,249 tỷ đồng.

c. Dự án đầu tư Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai (Dự án nhóm B do Công ty mẹ - Tcty làm Chủ đầu tư).

Tiếp tục thực hiện công tác thống kê bồi thường, giải phóng mặt bằng, mặc dù hiện tại còn gặp nhiều khó khăn. Tổ chức tự thực hiện gói thầu số 13 "Xây dựng đường lò khai thông +150 và đường lò chuẩn bị +110", gói thầu số 10 "Giám sát thi công xây dựng công trình", số 11 "Bảo hiểm công trình", số 15 "Mua sắm máy khoan đào lò" và số 16 "Xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị trạm PP-6kV, trạm biến áp 6/0,4kV và kho thuốc nổ". Tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng để thực hiện các gói thầu số 18b, số 9… và triển khai các công việc tiếp theo. Giá trị thực hiện năm 2019 là 41,914 tỷ đồng, bằng 112,44%KH năm. Lũy kế đến 31/12/2019 tổng giá trị thực hiện là 102,895 tỷ đồng, bằng 20,97% tổng mức đầu tư phê duyệt. Trong năm 2019 đã thực hiện giải ngân 41,914 tỷ đồng. Lũy kế đến 31/12/2019 đã thực hiện giải ngân 83,088 tỷ đồng.

3. Đánh giá tình hình thực hiện các mặt công tác năm 2019

3.1. Về công tác điều hành

Đã quyết liệt chỉ đạo các đơn vị bám sát kế hoạch điều hành, các phương án sản xuất năm 2019 để triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế từng đơn vị, đảm bảo sản xuất hiệu quả với mục tiêu tổng quát là: **AN TOÀN - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN**.

Thực hiện quyết liệt giải pháp **"1 tập trung"** tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng, đã tiếp tục hỗ trợ nhân lực cán bộ có kinh nghiệm, máy móc thiết bị, hỗ trợ xây dựng các quy trình vận hành, quản lý và triển khai các biện pháp quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất tại Nhà máy và nâng cao hiệu quả SXKD của đơn vị.

3.2. Về thực hiện đề án tái cấu trúc của Tcty

Về tái cơ cấu mô hình tổ chức doanh nghiệp: Tiếp tục rà soát cơ cấu tổ chức, định biên lao động tại các phòng ban, chi nhánh khi triển khai các công việc mới.

Về cơ cấu vốn góp tại các doanh nghiệp: do nhiều đơn vị còn gặp vướng mắc về quy định thoái vốn đối với Công ty đại chúng nên không thực hiện thoái vốn bằng hình thức chào bán đấu giá công khai, vấn đề này Tổng công ty kịp thời báo cáo TKV, Bộ Tài chính, đến nay vẫn chưa có hướng dẫn đầy đủ về pháp lý để thực hiện. Do vậy trong năm 2019 mới thực hiện thoái vốn xong Cty CP vàng Lào Cai và Cty CP Địa ốc Khoáng sản. Kết quả thoái vốn đảm bảo thu hồi đủ công nợ và bảo toàn vốn.

3.3. Về công tác thăm dò, phát triển tài nguyên

Đã chỉ đạo các Công ty con tích cực thực hiện công tác xin cấp GPKT, tuy nhiên do gặp nhiều khó khăn, vướng mắc nên tiến độ thực hiện còn chậm.

- Các mỏ làm thủ tục xin cấp GPKT:

+ Mỏ kẽm chì Lang Hít - CTCP KLM Thái Nguyên (TMC): Trong năm 2019, Kim loại màu Thái Nguyên (TMC) đã tiếp tục có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành, tỉnh Thái Nguyên. Cty CP KLM Thái Nguyên đang làm việc với Tổng cục ĐCKS về tiền sử dụng tài liệu địa chất và chuẩn bị làm việc về tiền cấp quyền khai thác mỏ.

+ Mỏ kẽm chì Chợ Điền: TMC đã nộp lại hồ sơ xin cấp mỏ tại Tổng cục ĐCKS và đang hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định; làm việc với Sở KHĐT Thái Nguyên để được cấp lại Giấy chứng nhận đầu tư.

+ CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã nộp giải trình sửa đổi bổ sung của hồ sơ Đóng cửa mỏ (ĐCM) thiếc Tĩnh Túc và làm việc với Tổng cục ĐCKS để có ý kiến trình Bộ TNMT duyệt Đề án ĐCM nhưng tiến độ chậm. Công ty đã lập xong Dự án khai thác tận thu khu Tây để có thể xin phép khai thác tận thu ngay sau khi đóng cửa xong toàn mỏ.

- Công tác lập báo cáo kết quả thăm dò:

+ Báo cáo địa chất TDBS NCTL phần sâu đến mức -600m mỏ đồng Sin Quyền, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai: Báo cáo tổng kết đã được lập xong, đã được Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đánh giá xác nhận chất lượng tài liệu nguyên thuỷ. Hiện Tổng công ty đang tích cực hoàn thiện các thủ tục để trình duyệt Báo cáo với Bộ TNMT, Văn phòng HĐTL.

+ Báo cáo Đề án thăm dò BSNCTL mỏ sắt Nà Lũng, Cao Bằng: Báo cáo tổng kết đã được lập xong và trình Hội đồng trữ lượng phê duyệt từ tháng 9/2019. Quý IV/2019 báo cáo đã được thông qua Hội nghị kỹ thuật và dự kiến được Hội đồng ĐGTLKS phê duyệt trữ lượng trong quý I/2020.

- Lập đề án thăm dò:

+ Lập Đề án, thi công, giám sát thăm dò quặng đồng khu Lùng Thàng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai: Kế hoạch năm 2019 được duyệt: 1.000 mk với giá trị 8.500 triệu đồng; Đề án đã lập xong, nhưng Tổng cục ĐCKS chưa tiếp nhận hồ sơ. Tổng công ty và TKV đang đề nghị Bộ TNMT trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh mục các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, do vậy Kế hoạch năm 2019 không thể thực hiện được.

+ Lập Đề án +Thi công + giám sát Đề án "Thăm dò bổ sung NCTL phần sâu toàn mỏ đồng Sin Quyền, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai": Kế hoạch năm 2019 được duyệt: 7.500 mk với giá trị 38.200 triệu đồng. Hiện tại Đơn vị tư vấn đang lập đề án, để có cơ sở thiết kế xin cấp phép thăm dò phải chờ kết quả Báo cáo thăm dò - 600 m mỏ đồng Sin Quyền được Hội đồng ĐGTLKS phê duyệt nên kế hoạch đối với đề án này không thể thực hiện được.

3.4. Về thực hiện các giải pháp kỹ thuật công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, thực thu khoáng sản góp phần giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả SXKD

3.4.1. Công tác khai thác mỏ

Công tác khai thác mỏ trong năm 2019 có nhiều cố gắng, đã bám sát kế hoạch kỹ thuật công nghệ, kế hoạch sản lượng điều hành và các giải pháp kỹ thuật

ban hành để triển khai có hiệu quả, đảm bảo an toàn trong khai thác mỏ, đáp ứng cung cấp đủ quặng nguyên khai cho khâu tuyển. Tuy nhiên nhiều mỏ thực hiện kế hoạch đạt thấp, nguyên nhân chủ yếu là do:

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều vướng mắc làm chậm một số dự án so với tiến độ đề ra (như nắn suối Nậm Chỏn, đền bù bãi thải Tây Nam mỏ Sin Quyền, khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa);

- Nhà máy Luyện đồng Sin Quyền số 2 không đi vào sản xuất theo kế hoạch và do giá Cu kim loại giảm sâu, Tổng công ty đã điều chỉnh kế hoạch kỹ thuật năm 2019 tại mỏ đồng Sin Quyền để đảm bảo hiệu quả SXKD của toàn Tổng công ty.

- Mỏ thiếc Tĩnh Túc đã hết hạn GPKT và Đề án đóng cửa mỏ tại Tổng cục ĐCKS đang được thẩm định. Mỏ thiếc Bản Cô đang làm các thủ tục đóng cửa mỏ, mỏ thiếc Suối Bắc chưa được cấp phép khai thác lại; Mỏ Núi Pháo đã triển khai XDCB mỏ từ ngày 31/8/2019 sau khi được cấp phép.

- Tình hình an ninh, trật tự tại một số mỏ vẫn có diễn biến phức tạp, công tác bảo vệ mỏ gặp nhiều khó khăn; Thiết bị huy động phục vụ khai thác tại một số mỏ chưa đủ đáp ứng yêu cầu sản xuất.

3.4.2. Công tác tuyển khoáng

Các dây chuyền tuyển quặng đồng, kẽm - chì, sắt… hoạt động tương đối ổn định, đảm bảo các chỉ tiêu công nghệ, chỉ tiêu tiêu hao đạt kế hoạch, đã thực hiện các giải pháp cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.Công nghệ nhà máy tuyển đồng số 2 - Chi nhánh MĐV đã đạt và vượt các chỉ tiêu thiết kế ngay từ năm đầu tiên đi vào SX. Trong năm 2019 đã thực hiện thành công giải pháp kỹ thuật giảm lưu huỳnh trong tinh quặng sắt xuống dưới 1%không sử dụng axit sulfuric; Nhà máy tuyển số 1 đang thử nghiệm dùng tấm lót cao su thay thế tấm lót thép mangan đối với máy nghiền bi; Thực hiện bổ sung thiết bị Cell tuyển tại khâu tuyển chì xưởng tuyển Chợ Điền, Bắc Cạn; Bổ sung thiết bị tuyển trọng lực xưởng tuyển sắt Kíp Tước để giảm tạp chất silic, riêng các xưởng tuyển thiếc hoạt động cầm chừng, chỉ tiêu công nghệ không ổn định nguyên nhân do hết giấy phép khai thác, đất quặng vào tuyển chủ yếu khai thác tận thu các bãi thải.

3.4.3. Công tác luyện kim

Các nhà máy luyện đồng cathode, kẽm thỏi, phôi thép hoạt động năng suất cao, đạt sản lượng cao nhất từ trước tới nay, hầu hết các chỉ tiêu công nghệ đạt cao, tiêu hao giảm, đã thực hiện nhiều giải pháp cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, điển hình như: trong sản xuất đồng cathode đã tăng năng suất luyện, đảm bảo thời gian hoạt động, nâng cao chất lượng tinh quặng đồng vào luyện ≥ 25,5%Cu, tăng thêm 04 bể điện phân để gia tăng sản lượng, lò điện hồ quang 1.500 KVA hoạt động tiết giảm sử dụng điện năng giờ cao điểm, thực hiện thay thế vật liệu thanh treo dẫn điện điện phân và vật liệu nồi cô bay hơi chân không, cải tiến cơ cấu vận chuyển tấm dương cực đồng,…

Sản xuất kẽm thỏi đã sử dụng tấm dương cực chì 3 nguyên (Pb-Ag-Ca) và thực hiện tái chế tấm dương cực, bổ sung tăng 32 bể điện phân để chủ động sản lượng và giảm chi phí điện năng, sử dụng bã đồng thu hồi để khử tạp chất thay thế vật tư mua ngoài...

Công nghệ sản xuất phôi thép đã nâng cao đáng kể năng suất, khắc phục khó khăn do nguồn quặng sắt đa dạng, hàm lượng sắt giảm (đầu vào thiêu kết ~ 59,35%Fe/62,5%Fe), thực hiện phối trộn nhiều loại quặng, trong đó có trên 30.000 tấn tinh quặng sắt mỏ Sin Quyền, tiếp tục hoàn thiện tự vận hành để giảm thuê chuyên gia, phun than antraxit~ 126 kg/tấn gang, tăng tỉ lệ sử dụng quặng thiêu kết vào lò cao đạt ~ 90%, lắp đặt thêm thiết bị rải liệu lót để giảm tiêu hao ghi thiêu kết, xây dựng hệ thống thiết bị công nghệ và đã thực hiện tuyển tận thu thép trong xỉ lò thổi đạt kết quả tốt, sản phẩm được dùng ngày làm liệu nguội để tiết giảm chi phí..., hầu hết các chỉ tiêu kỹ thuật đạt tốt hơn, riêng tiêu hao than cốc chưa đạt kỳ vọng, dự kiến ~ 450 kg/tấn gang, tăng 4,6% do nguyên liệu quặng đầu vào giảm so kế hoạch (quặng thiêu kết ~ 54,23%/KH 56,2%Fe), sự cố mất điện đột ngột, hỏng quạt gió lò cao....

3.4.4. Công tác cơ điện, tin học hóa, tự động hóa

**** Công tác huy động và sử dụng thiết bị:***

- Công ty mẹ - Tổng công ty: thực hiện tốt kế hoạch huy động thiết bị vào sản xuất và sử dụng thiết bị hiệu quả.Công tác huy động thiết bị khai thác, vận tải tại Chi nhánh Mỏ tuyển trong năm 2019 được huy động tối đa cho sản xuất, sản lượng vận tải thực hiện xấp xỉ 78 triệu T.km. Thiết bị tuyển khoáng được huy động hợp lý cho sản xuất. Sản lượng quặng nguyên khai đưa vào tuyển năm 2019 đối với dây chuyền Tuyển khoáng 1 đạt 1.079.883 tấn, khối lượng dây chuyền tuyển khoáng 2 là 1.103.206 tấn. Hệ thống thiết bị công nghệ Nhà máy luyện đồng được huy động đồng bộ vào sản xuất tỷ lệ huy động đạt tối đa cho sản xuất. Thiết bị hoạt động ổn định sản xuất đạt và vượt công suất thiết kế nhà máy.

- Các Công ty con:

+ Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng trong năm 2019 hoạt động SXKD cơ bản ổn định (Phân xưởng Tuyển Khoáng hoạt động 5.397h; Phân xưởng Thiêu kết hoạt động 6.428h; Phân xưởng Luyện Gang hoạt động 8.248h; Phân xưởng Luyện thép hoạt động 5.579h).

+ Công ty Cổ phần KLM Thái Nguyên tỷ lệ huy động thiết bị và năng suất đều đạt trên 98% (dây chuyền thiết bị Xí nghiệp Kẽm chì Làng Hích được đưa vào sản xuất trở lại từ tháng 5 năm 2019).

+ Các đơn vị khác năng suất và hệ số huy động thiết bị đạt thấp như Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng: Hệ số huy động thiết bị chỉ đạt ~30% do sản xuất gặp nhiều khó khăn về tài nguyên, về điều kiện khai thác như chiều cao nâng tải lớn, địa hình phức tạp, thiết bị cũ không đáp ứng được điều kiện sản xuất.

+ Thiết bị động lực, thiết bị phụ trợ sản xuất: Các thiết bị điện như máy biến áp trung thế, hạ thế; trạm phân phối điện trung thế 6 kV, 10 kV; các mạng điện trung áp, hạ áp tại các đơn vị hoạt động ổn định, đáp ứng đủ yêu cầu về cung cấp năng lượng điện cho các thiết bị, dây chuyền, nhà máy hoạt động sản xuất. Các thiết bị phục vụ, phụ trợ cho sản xuất ở các đơn vị được huy động và sử dụng hiệu quả, cơ bản đáp ứng yêu cầu cho sản xuất. Một số công việc phục vụ phụ trợ do không có thiết bị phục vụ được thực hiện qua hình thức thuê trong nội bộ hoặc thuê ngoài.

**** Công tác trung đại tu thiết bị***

- Giá trị TĐT TSCĐ toàn Tổng công ty dự kiến thực hiện: 257,014 tỷ đồng/KH 348,390 tỷ đồng KH, bằng 74% KH năm, trong đó: Công ty mẹ: 213,325 tỷ đồng/277,100 tỷ đồng KH, bằng 77% KH năm, giá trị thực hiện tại Công ty mẹ thấp là do đã thực hiện một số giải pháp nhằm tiết giảm chi phí và một số nội dung thiết bị không thực hiện do chưa đủ định ngạch sửa chữa trong năm 2019.

- Việc thực hiện định ngạch TĐT được đưa vào sửa chữa theo đúng số giờ hoạt động, có theo dõi số lần đã TĐT, giờ hoạt động lũy kế, giờ hoạt động sau lần TĐT gần nhất đối với từng công trình, thiết bị, hệ thống và theo Quyết định số 1374/QĐ-VIMICO ngày 11/12/2018 về việc ban hành Quy định công tác sửa chữa TSCĐ của Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Tình hình hoạt động của thiết bị sau TĐT: đảm bảo các thông số kỹ thuật, đảm bảo thời gian hoạt động và năng suất định mức. Hồ sơ TĐT đối với mỗi công trình đều được lập đầy đủ theo đúng trình tự, nội dung và quản lý theo quy định.

**** Công tác sửa chữa thường xuyên (SCTX)***

Công tác SCTX được duy trì, thực hiện tốt theo đúng chu kỳ, đúng nội dung sửa chữa, thay thế. Các đơn vị đều có nhiều cố gắng, phục hồi sử dụng phụ tùng cũ, giảm giá trị SCTX. Thực hiện nghiêm túc quy định về công tác SCTX của Tập đoàn. Trong bối cảnh giá bán các sản phẩm đồng loạt giảm, Tổngcông ty đã chủ động tiết giảm chi phí SXTX, giá trị SCTX, gia công chế tạo phục hồi trong năm 2019 tại Công ty mẹ thực hiện là:125,26 tỷ đồng/162,772 tỷ đồng KH, bằng77%KH năm, trong đó: Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai thực hiện được: 84,73 tỷ đồng/106,162 tỷ đồng KH = 79,81% KH năm. Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai thực hiện: 40,53 tỷ đồng/56,560 tỷ đồng KH = 71,66% KH năm.

**** Công tác quản lý, sử dụng nguyên nhiên vật liệu, điện năng:***Thực hiện công tác sử dụng vật tư cơ điện trên cơ sở phấn đấu giảm tiêu hao trong sản xuất, cơ bản đảm bảo định mức tiêu hao. Tổng lượng điện sử dụng toàn Tổng công ty năm 2019 đạt 290 triệu kWh/ 314 triệu kWh, bằng 93% KH năm.

**** Công tác tin học hóa - tự động hóa:***

- Hoàn thành xong dự án Đầu tư xây dựng phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP giai đoạn 1) tại Công ty mẹ - Tổng công ty với các phân hệ: Quản trị hệ thống; Quản lý Tài chính kế toán; Quản lý vật tư, kho, Quản lý lao động tiền lương; Quản lý kinh doanh (mua hàng, bán hàng) tổng giá trị thực hiện của năm 2019 là 3 tỷ đồng. Việc ứng dụng phần mềm đã giúp các chi nhánh theo dõi và quản lý tốt hơn các nghiệp vụ liên quan của mình, giúp lãnh đạo Tổng công ty dần kiểm soát được chi phí, mức tồn kho vật tư,... Ngoài ra toàn bộ các báo cáo nội bộ và báo cáo TKV của Công ty mẹ đều được chiết xuất tự động trên phần mềm, giảm thời gian lập báo cáo, giảm sai xót về số liệu. Việc tính giá thành (kế toán) và tính lương tự động của Công ty mẹ cũng đã được Tổng công ty triển khai trên ERP.

- Thực hiện trang bị thiết bị tin học văn phòng, phần mềm bản quyền cho Cơ quan Tổng công ty và phần mềm bản quyền cho các chi nhánh với tổng giá trị gần 407 triệu đồng. Duy trì tốt các dịch vụ CNTT thuê ngoài và sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị CNTT, giá trị thực hiện gần 787 triệu đồng.

- Hoàn thiện xong việc nâng cấp phần mềm Văn phòng điện tử từ phiên bản 7.0 lên phiên bản 8.0 tại Cơ quan Tổng công ty và các chi nhánh với nhiều tính năng mới. Tổng giá trị thực hiện 185 triệu đồng.

- Thực hiện dự án Đầu tư nâng cấp hệ thống mạng nội bộ cho Chi nhánh MĐV, LĐV, năm 2019 giá trị thực hiện dự kiến gần 2 tỷ đồng; Báo cáo đề xuất xin chủ trương đầu tư xây dựng phần mềm quản lý bảo trì, bảo dưỡng, trung đại tu đối với các phương tiệnvận tải, khai thác tại Chi nhánh MĐV và đã được phê duyệt để đưa vào kế hoạch đầu tư xây dựng trong thời gian tới.

3.4.5. Công tác An toàn - Môi trường

Tổng công ty đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác ATVSLĐ; triển khai hưởng ứng Tháng hành động về ATVSLĐ cùng với Tháng công nhân năm 2019; tổ chức Hội thi ATVSV giỏi từ cấp cơ sở đến cấp Tổng công ty đạt hiệu quả thiết thực; Tổng công ty tham gia Hội thi ATVSV giỏi cấp Tập đoàn TKV 3/3 ATVSV đạt danh hiệu xuất sắc, đạt giải ba toàn đoàn. Trong năm, Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động tại 08 đơn vị và Công ty mẹ Tổng công ty; Cục Phòng cháy và Chữa cháy (C07) và Tập đoàn TKV kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về PCCC tại 02 đơn vị; Cục Cảnh sát môi trường (C05) kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường tại 05 đơn vị. Các đơn vị cơ bản chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về ATVSLĐ và BVMT.

Ước giá trị thực hiện công tác ATVSLĐ năm 2019: đạt 37,5 tỷ đồng/40,513 tỷ đồng, bằng 93% kế hoạch; thực hiện công tác PCTT-PNƯCSC đạt 1,8 tỷ đồng/2,948 tỷ đồng, bằng 60% kế hoạch; chi phí thực hiện các nội dung BVMT thường xuyên đạt 12,0 tỷ đồng /15,242 tỷ đồng, bằng 80% kế hoạch năm 2019.

Hạn chế: tại các đơn vị còn để xảy ra 01 vụ sự cố cháy tại Xưởng luyện thiếc Công ty CP Kim loại màu Nghệ Tĩnh; xảy ra 02 vụ TNLĐ nặng làm bị thương 02 công nhân tại Mỏ hầm lò Chợ Điền thuộc Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên; xảy ra 01 vụ TNLĐ nghiêm trọng làm tử vong 01 công nhân tại PX Luyện thép Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

3.4.6. Công tác tiêu thụ, quản lý mua sắm vật tư

- Về công tác tiêu thụ sản phẩm: Các sản phẩm do Công ty mẹ sản xuất và sản phẩm phôi thép do Công ty CP GTCB sản xuất được tiêu thụ tại Công ty mẹ - Tcty thông qua phương thức đấu giá, chào giá cạnh tranh nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch lựa chọn được khách hàng có giá mua tốt nhất góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Tcty.

Trong năm đã chú trọng việc sử dụng sản phẩm nội bộ TKV cũng như định hướng phát triển vào thị trường nội bộ TKV và Vimico. Sản lượng và giá trị hàng hóa mua bán trong nội bộ TKV tăng 11% tương ứng 106 tỷ đồng.

- Về công tác quản lý mua sắm vật tư: đã có nhiều biên pháp để đảm bảo cung ứng vật tư phục vụ sản xuất, sửa chữa kịp thời đồng thời hạn chế tối đa tồn kho vật tư, ứ đọng vốn. Tuân thủ quy trình, trình tự mua sắm theo đúng quy định và các văn bản hướng dẫn của TKV.Tăng cường kiểm tra công tác quản lý vật tư tại các đơn vị, đảm bảo việc thực hiện Quy chế quản lý vật tư tại các đơn vị phù hợp với tình hình thực tiễn,... Tỷ lệ tồn kho toàn VIMICO năm 2019 là 6% (Năm 2018: 8,1%).

3.4.7. Công tác kế hoạch, quản trị chi phí - giá thành

Tổ chức giao kế hoạch giá khoán và thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát chi phí, giá thành sản xuất, công tác mua sắm vật tư tại các đơn vị. Chỉ đạo tăng cường thu hồi vật tư đã qua sử dụng, đánh giá chất lượng vật tư thu hồi từ đó có biện pháp xử lý để tái sử dụng nhằm tiết giảm chi phí mua vật tư, phụ tùng mới.

Hạn chế: Công tác kiểm soát chi phí, đánh giá thực hiện giá thành chưa được thực hiện thường xuyên, một số chỉ tiêu định mức tiêu hao, chi phí SCTX, SCCC khâu khai thác tại Mỏ đồng Sin quyền (bóc xúc, khoan, nổ vận tải) thực hiện còn chưa sát so với quy định của TKV (đơn giá công đoạn 199 của TKV) dẫn đến hiệu quả kinh tế công tác khoán quản trị chi phí chưa đạt được như kỳ vọng theo kế hoạch đề ra.

3.4.8. Công tác tổ chức đào tạo, lao động tiền lương

- Thực hiện các thủ tục tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, ký kết HĐLĐ, HĐ thuê khoán, hỗ trợ lao động, chấm dứt HĐLĐ, nghỉ hưu tại Cơ quan Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Trong đó: hoàn thành quy trình bổ nhiệm 02 Phó TGĐ Tcty; miễn nhiệm và bổ nhiệm 04 Giám đốc Cty con, đơn vị trực thuộc, bổ nhiệm 01 GĐ cty cấp 3 trực thuộc công ty con; bổ nhiệm 05 PGĐ cty con; Bổ nhiệm lại 01 GĐ Trung tâm, 01 PGĐ cty con; kéo dài thời gian giữ chức vụ 01 GĐ, 01 PGĐ, 01 KTT cty con; hoàn thành quy trình bổ nhiệm 01 TP, 02 Phó TP, tiếp nhận và bổ nhiệm 03 Phó TP, Bổ nhiệm lại 01 TP, 04 Phó TP Tcty; thực hiện thủ tục thay đổi Chủ tịch HĐQT Tcty và bổ nhiệm cán bộ quản lý tại các đơn vị trực thuộc,….

- Đã ban hành Quyết định và văn bản Hướng dẫn thực hiện về mô hình tổ chức và định biên lao động tại các đơn vị trực thuộc và công ty con. Hoàn thành điều chỉnh và ban hành Điều lệ và Quy chế quản trị Tổng công ty.

- Phối hợp cùng các Sở, Trường Cao Đẳng nghề tổ chức tuyển sinh và đào tạo nguồn lao động cung cấp cho các Dự án.

- Xây dựng và trình HĐQT VIMCO đã ký ban hành Hệ thống thang bảng lương mới của Tổng công ty năm 2019. Xây dựng KH tuyển dụng lao động năm 2020 của Tcty báo cáo xin ý kiến chủ sở hữu.

3.4.9. Công tác tài chính, kế toán, thanh tra kiểm toán nội bộ

Đã chủ động giải quyết các vướng mắc liên quan thu xếp vốn cho các dự án đầu tư, thu xếp đủ vốn phù hợp với dòng tiền, hỗ trợ thu xếp vốn lưu động cho các công ty con.

Tích cực làm việc với các địa phương, Bộ ngành liên quan trong việc đề xuất giảm các loại thuế, phí phù hợp với điều kiện SXKD của doanh nghiệp và giá cả thị trường nhưng do các Bộ, Tỉnh đều chờ Nghị định/Thông tư sửa đổi nên các loại thuế, phí năm 2019 và 2020 vẫn ở mức rất cao, không phù hợp với thực tế giá cả thị trường.

Đã tăng cường thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đôn đốc các đơn vị thực hiện các kết luận của Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính Phủ. Phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với Tư vấn Luật trong việc theo đuổi các vụ tranh chấp nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của Doanh nghiệp.

4.5. Về giải pháp áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, các giải pháp hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả SXKD, góp phần giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm ở tất cả các công đoạn sản xuất, chi phí quản lý doanh nghiệp.Công tác Nghiên cứu khoa học năm 2019 có 06 đề tài cấp Tổng Công ty, với dự toán được duyệt 4,7 tỷ đồng, gồm có 01 đề tài lĩnh vực tuyển khoáng; 01 đề tài lĩnh vực cơ điện và 04 đề tài lĩnh vực luyện kim; bổ sung 02 đề tài cấp Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam tháng 11/2019 với tổng kinh phí 5,5 tỷ đồng, trong đó có 01 đề tài lĩnh vực tin học và tự động hóa, 01 đề tài lĩnh vực luyện kim.Đã xét duyệt công nhận để tiếp tục thẩm định giá trị làm lợi và xét thưởng vào đầu năm 2020 đối với 16 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, HLHSX năm 2019 của Công ty mẹ Tổng Công ty, giá trị làm lợi trên 10 tỷ đồng.

4.6. Các mặt công tác khác:

- Công tác an ninh, trật tự: mặc dù có nhiều phức tạp trong việc bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ, đền bù GPMB,... nhưng cơ bản công tác ANTT được giữ vững, góp phần tích cực vào thực hiện nhiệm vụ SXKD.

- Công tác thi đua khen thưởng, văn hóa – thể thao được duy trì, các đơn vị đã tổ chức cho CBCNV tham quan học tập, sinh hoạt tập thể.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi

- Các giải pháp công nghệ đã được nghiên cứu, áp dụng trong năm 2019 sẽ tiếp tục được phát huy trong năm 2020.

- Các Nghị định/Thông tư sửa đổi về thuế tài nguyên (Thông tư 44/2016-BTC), thuế TNDN (Dự thảo sửa đổi Nghị định 20/2017) đã được ban hành vào cuối năm 2019 sẽ được điều chỉnh từ năm 2020.

2. Khó khăn

- Điều kiện khai thác tại đa số các đơn vị khó khăn hơn, thiết bị tuyển khoáng luyện kim xuống cấp nhiều.

- Chính sách thuế phí tiếp tục duy trì ở mức cao. Các yêu cầu về môi trường trong hoạt động khoáng sản ngày nghiêm ngặt. Tình hình kinh tế - chính trị trong nước lẫn quốc tế biến động phức tạp và theo chiều hướng xấu. Dịch covid – 19 diễn biến phức tạp, khó lường.

II. Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát: **AN TOÀN - HIỆU QUẢ - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** đối với mỗi đơn vị thành viên và toàn Tổng công ty.

Mục tiêu điều hành của Tổng công ty: Đất đá bóc mỏ đồng Sin Quyền tối thiểu đạt 11 triệu m^3 và 1,95 triệu tấn quặng nguyên khai. Toàn Tổng công ty phấn đấu hoàn thành KH2020 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu hợp nhất toàn Tổng công ty

- Tổng doanh thu: 6.588 tỷ đồng

  Trong đó: Doanh thu khoáng sản: 6.511 tỷ đồng

  Doanh thu SXKD khác: 77 tỷ đồng

- ***Lợi nhuận hợp nhất trước thuế*** :163 tỷ đồng, bao gồm: Lợi nhuận từ khoáng sản: 162 tỷ đồng; Lợi nhuận từ kinh doanh khác: 1 tỷ đồng.

2. Công ty mẹ - Tổng công ty

- Doanh thu: 3.152 tỷ đồng

trong đó: Doanh thu khoáng sản: 3.104 tỷ đồng

Doanh thu khác: 48 tỷ đồng

- Lợi nhuận Công ty mẹ: 94 tỷ đồng, trong đó: Từ khoáng sản: 93,57 tỷ đồng; Kinh doanh khác: 0,43 tỷ đồng).

3. ĐTXD cơ bản: 1.476 tỷ đồng. Trong đó: Chuẩn bị dự án, thực hiện đầu tư: 1.335,29 tỷ đồng; Trả nợ khối lượng năm trước: 0 tỷ đồng; Dự phòng: 140,71tỷ đồng.

4. Tiền lương và các chế độ chính sách đối với người lao động:

Lao động bình quân: 4.812 người, trong đó: Công ty mẹ 1.986 người.

Điều hành đảm bảo tiền lương bình quân chung toàn Tổng công ty đạt 8,976tr.đ/người/tháng, bằng 118,28% so với dự kiến thực hiện năm 2019, trong đó: Công ty mẹ - Tcty: 10,453 tr.đ/người/tháng.

5. Các sản phẩm chủ yếu sản xuất - tiêu thụ năm 2020

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	
			Toàn Tcty	Cty mẹ
I	**Sản xuất**			
1	Đồng thỏi 99,95%Cu	Tấn	17.000	17.000
2	Tinh quặng đồng 25% Cu (NM1)	Tấn	22.941	22.941
3	Tinh quặng đồng 25%Cu (NM2)	Tấn	43.857	43.857
4	Kẽm thỏi 99,95%Zn	Tấn	11.200	
5	Thiếc thỏi 99,7599,95%Sn	Tấn	250	
6	Phôi thép	Tấn	220.000	
7	Tinh quặng sắt 60%Fe	Tấn	158.022	97.287
8	Vàng	Kg	623	618
9	Bạc	Kg	599	599
10	Axit Sulfuric H_2SO_4	Tấn	79.340	62.540
II	**Tiêu thụ**			
1	Đồng thỏi 99,95%Cu	Tấn	17.000	17.000
2	Tinh quặng đồng 25% Cu	-	-	-
3	Kẽm thỏi 99,95%Zn	-	11.200	
4	Thiếc thỏi 99,7599,95%Sn	-	250	
5	Phôi thép	-	220.000	
6	Tinh quặng sắt 60%Fe	-	160.000	100.000
7	Vàng	Kg	623	618
8	Bạc	Kg	599	599
9	Axit Sulfuric H_2SO_4	Tấn	79.300	62.500

III. Các giải pháp chủ yếu cần tập trung điều hành

Với mục tiêu phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, Tcty và các đơn vị thành viên cần bám sát các giải pháp chủ yếu ban hành để điều hành, trong đó tập trung vào thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao năng suất,

thực thu khoáng sản có ích, quản trị chi phí nhằm hạ giá thành, góp phần nâng cao hiệu quả SXKD chung, cụ thể:

1. Điều hành ổn định các mặt hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Công ty mẹ và toàn Tổng công ty

- Tiếp tục chấn chỉnh, duy trì kỷ luật, kỷ cương, quyết liệt và sâu sát hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tái cơ cấu từ Tổng công ty tới các đơn vị thành viên. Xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm các quy chế quản lý của Tổng công ty.

- Căn cứ kế hoạch SXKD đã được phê duyệt, các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch điều hành sản xuất, phương án tiêu thụ trên cơ sở bám sát diễn biến giá cả thị trường để điều hành chi phí một cách linh hoạt, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất trong toàn Tổng công ty. Điều hành sản xuất, tiêu thụ, kiểm soát chi phí hàng tháng nhằm hạn chế tối đa các chi phí phát sinh.

- Tăng cường công tác quản trị tài nguyên, chất lượng sản phẩm, an toàn và bảo vệ môi trường. Kiểm soát chặt chẽ và tối ưu hóa các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ (giảm định mức tiêu hao cốc/gang, tăng tỷ lệ thực thu tuyển khoáng, luyện kim, giảm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng,.....). Nâng cao hiệu quả vận hành các nhà máy, dây chuyền công nghệ, thiết bị, giảm số sự cố, giảm tỷ lệ dừng máy (cả dừng bảo dưỡng và dừng sự cố), giảm số ngày dừng vận hành không theo kế hoạch.

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng, nguyên nhiên liệu, vật tư tiêu hao đưa vào sản xuất ở tất cả các khâu, nâng cao hiệu suất vận hành tất cả các nhà máy tuyển khoáng, luyện kim, hiệu quả kinh doanh.

- Tập trung giải quyết các vướng mắc về cấp giấy phép khai thác... đối với mỏ thiếc Tĩnh Túc, kẽm chì Làng Hích...

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng CNTT thống nhất từ TCTy tới các đơn vị đáp ứng cho việc triển khai các hệ thống ứng dụng của chương trình tin học hóa, tự động hóa của Tổng công ty. Sử dụng, khai thác tối đa chức năng quản trị của phần mềm dùng chung (ERP) trong công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty.

- Tăng cường sử dụng sản phẩm, dịch vụ, hỗ trợ lẫn nhau trong nội bộ Tổng công ty, nội bộ Tập đoàn trên cơ sở đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh.

2. Tập trung thực hiện đề án tái cấu trúc Tổng công ty, quản trị nội bộ doanh nghiệp

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2017 – 2019 và mục tiêu thực hiện thoái vốn trong năm 2020; Xây dựng đề án tái cơ cấu giai đoạn 2020 - 2025. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư ngoài doanh nghiệp.

- Tăng cường phân cấp quản lý nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các công ty con, đơn vị trực thuộc và có chế tài phù hợp đảm bảo hiệu lực, hiệu quả điều hành.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng quản lý cho cán bộ được cử làm người đại diện quản lý phần vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

- Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy chế, quy định của pháp luật trong mọi lĩnh

vực của hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu xót, không để xảy ra sai phạm hoặc vi phạm pháp luật; gắn công tác kiểm tra, giám sát với công tác hướng dẫn, hỗ trợ các công ty con, đơn vị trực thuộc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tái cơ cấu danh mục tài sản, danh mục đầu tư, xử lý tài chính tại các công ty con, thanh lý tài sản, vật tư không cần dùng để thu hồi vốn.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí.

3. Tập trung đẩy mạnh công tác quản lý đầu tư, phát triển tài nguyên

3.1. Công tác quản lý đầu tư xây dựng

- Tập trung chỉ đạo và huy động các nguồn lực, biện pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư các dự án lớn/công trình trọng điểm của Tổng công ty như: Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai; Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai; Hoàn thành quyết toán vốn đầu tư dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai;

- Rà soát tổng thể các dự án nhóm A, B đang trong giai đoạn thực hiện dự án đã và đang chậm tiến độ so với quyết định đầu tư ban đầu; tham mưu các giải pháp cụ thể để giải quyết dứt điểm các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án nhằm bảo đảm quy mô công suất, cũng như hiệu quả của dự án.

- Tăng cường, đề cao vai trò công tác kiểm tra và thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong toàn Tổng công ty, đặc biệt là việc rà soát trình tự và thủ tục đầu tư đối với các dự án đã và đang thực hiện. Tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư theo đúng kế hoạch đề ra.

- Đối với khu mỏ đồng Sin Quyền: Đẩy nhanh công tác đền bù GPMB theo đúng KH nhằm đáp ứng yêu cầu tiến độ dự án cũng như phục vụ SXKD, cụ thể:

+ Hoàn thiện thi công đập số 1 theo thiết kế, hoàn thiện các hồ sơ kỹ thuật để lập thiết kế đập lên cos +165.

+ Lập phương án, trình tự thực hiện bồi trúc đập số 1 và đập số 4 đảm bảo an toàn theo quy định.

+ Đẩy nhanh công tác đền bù GPMB khu vực Bãi thải quặng đuôi số 4 để lập kế hoạch đắp đập, đổ thải quặng đuôi giai đoạn 2.

- Đối với khu mỏ sắt Nà Rụa: Tập trung huy động các nguồn lực, biện pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện GPMB Bãi thải số 3 để đổ thải và xây dựng các công trình Bảo vệ môi trường; Chuẩn bị thực hiện Dự án khu Tái định cư mỏ sắt Nà Rụa: Lập Dự án, GPMB khu đất Tái định cư để chuẩn bị cho công tác thực hiện ĐTXD khu Tái định cư phục vụ Dự án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa;

3.2. Công tác thăm dò, phát triển tài nguyên

Khẩn trương hoàn thiện công tác lập báo cáo tổng kết và trình duyệt Hội đồng ĐGTLKS các đề án đã kết thúc thi công, đặc biệt là Đề án -600m mỏ Sin Quyền;

- Triển khai lập và thi công các đề án Thăm dò:

+ Lập và thi công Đề án thăm dò NCTL trong ranh giới giấy phép khai thác số 1868/GP-BTNMT mỏ đồng Sin Quyền;

+ Lập Đề án và xin cấp giấy phép thăm dò NCTL phần sâu toàn mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai.

- Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến sản xuất của các đơn vị khai thác như: Phương án Quan trắc dịch động bờ mỏ và bãi thải mỏ đồng Sin Quyền; Phương án thành lập bổ sung Bản đồ cơ lý đá năm 2020, mỏ đồng Sin Quyền, Lào Cai.

- Phối hợp, hỗ trợ Công ty CP KSLK Cao Bằng làm việc với Tổng cục ĐCKS về thủ tục đóng cửa mỏ Tĩnh Túc, lập Đề án và hồ sơ xin cấp phép khai thác tận thu khu Tây; Lập Dự án đầu tư khai thác mỏ thiếc Nậm Kép; hỗ trợ CTCP KLM Thái Nguyên để sớm được cấp lại 2 mỏ Lang Hít, Chợ Điền.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc đánh giá, thăm dò khoáng sản đồng trên khu vực tỉnh Lào Cai; chuẩn bị Đề án thăm dò BSNCTL trong ranh giới khai thác mỏ đồng Vi Kẽm trong giai đoạn 2021 -2025.

4. Tăng cường áp dụng KHCN, nghiên cứu các giải pháp công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, thực thu khoáng sản góp phần giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nâng cao hiệu quả SXKD

4.1. Công tác khai thác mỏ

4.1.1. Đối với Công ty mẹ

- Bám sát tình hình tiến độ GPMB, kế hoạch điều hành để điều chỉnh phương hướng công trường khai thác mỏ phù hợp, đáp ứng đủ quặng nguyên khai cung cấp cho nhà máy tuyển với giá thành thấp nhất.

- Huy động, sử dụng tối đa năng lực các thiết bị hiện có của đơn vị gắn với năng suất, chất lượng và hiệu quả. Xây dựng kế hoạch huy động thiết bị hàng tháng, quý phù hợp với KHKTSX hàng kỳ.

- Tập trung bóc đất để có diện khai thác quặng. Thực hiện tốt công tác xúc bốc, chọn lọc, trung hòa QNK trên khai trường, cung cấp QNK có hàm lượng ổn định cho các nhà máy tuyển khoáng theo đúng kế hoạch đã đề ra.

- Thực hiện lập kế hoạch, điều hành sản xuất, nghiệm thu độ cứng, thể trọng đất đá theo từng khu vực, hộ chiếu khai thác; quản lý chặt chẽ cấp đường vận tải định kỳ hàng tháng.

- Tiếp tục thực hiện công tác tháo khô nước tại chân đập và bơm nước tuần hoàn sử dụng lại cho các nhà máy tuyển.

- Triển khai thi công nắn suối Nậm Chỏn giai đoạn 1 để tăng dung tích chứa bãi thải Tây Nam (khi được GPMB).

- Nâng cao công tác quản lý kỹ thuật cơ bản trong khai thác hầm lò.

- Đầu tư thiết bị thi công để triển khai XDCB mỏ Vi Kẽm. Tiếp tục triển khai thực hiện gói thầu số 14.

4.1.2. Đối với các Công ty con

- Công ty CP GTCB tập trung điều hành sản xuất, tăng cường công tác quản trị chi phí khai thác, thực hiện công tác đền bù, GPMB khu Bắc và khu tái định cư để triển khai dự án khai thác khu Bắc Nà Rụa theo đúng tiến độ.

- Công ty CP KSLK Cao Bằng: Hoàn thiện Hồ sơ đóng cửa mỏ thiếc Tĩnh Túc và xin khai thác tận khu Tây trong thời gian sớm nhất để kịp thời huy động sản

lượng. Đẩy mạnh sản xuất khai thác tại bãi thải Thập Lục Phần để cân đối chi phí, mang lại hiệu quả kinh tế.

- Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên: Cân đối sản lượng khai thác giữa các mỏ Cúc Đường và khu Khuổi Khem mỏ Chợ Điền để duy trì cấp quặng cho Xưởng tuyển Làng Hích, đảm bảo kế hoạch sản xuất tinh quặng của toàn Công ty. Triển khai khai thác mỏ thiếc Tây Nam Núi Pháo sau khi hoàn thành công tác XDCB mỏ.

- Công ty CP Khoáng sản 3: Hoàn thiện các thủ tục liên quan đến điều chỉnh dự án khai thác quặng sắt Làng Vinh, Làng Cọ.

4.2. Công tác tuyển khoáng

- Tuyển nổi đồng: Bám sát kế hoạch điều hành, phối hợp chặt chẽ với bộ phận khai thác tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát các chỉ tiêu công nghệ đầu vào, định mức tiêu hao vật tư, thuốc tuyển định kỳ hàng tuần, hàng tháng đảm bảo ổn định hàm lượng quặng nguyên khai đưa vào tuyển tối thiểu bằng kế hoạch, nâng cao tỷ lệ thu hồi khoáng sản có ích tối thiểu bằng thực hiện năm 2019 (tỷ lệ thu hồi Tinh quặng đồng 93,54%, cung cấp tinh quặng đồng cho Nhà máy luyện với hàm lượng ≥ 25,5%Cu; SX 60.000 tấn tinh quặng manhetit hàm lượng tối thiểu đạt 64,5%Fe, S dưới 1% đảm bảo đủ điều kiện sử dụng luyện phôi thép tại Gang thép Cao Bằng.

- Tuyển kẽm chì: Phối hợp thực hiện giải pháp tăng năng suất nghiền tuyển tại xưởng tuyển Chợ Điền từ 15 - 20% so với hiện nay; Phối hợp nghiên cứu thực hiện cải tiến công nghệ thiết bị cho xưởng tuyển kẽm chì Làng Hích đáp ứng xu hướng quặng đang bị nghèo dần so với hiện nay; Nghiên cứu thực hiện các giải pháp giảm tỷ lệ lẫn chì trong tinh quặng kẽm và kẽm trong tinh quặng chì.

- *Tuyển sắt:* Phối hợp nghiên cứu, cải tiến sơ đồ công nghệ và thiết bị tại xưởng tuyển Kíp Tước và xưởng tuyển Nà Rụa để tiếp tục giảm hàm lượng Si< 6%. Lắp đặt bổ sung hệ thống bàn đãi sau vít xoắn tại Xưởng tuyển tinh quặng sắt Nà Rụa – GTCB để nâng cao thu hoạch khâu tuyển trọng lực đạt 27-30%; Nâng cao chất lượng tinh quặng sau tuyển trọng lực từ 53-55%Fe lên khoảng 60-62%Fe; tăng sản lượng quặng tinh 15% so với thực hiện năm 2019 nhằm giảm tiêu hao điện năng và nhân công khâu nghiền tuyển.

- *Tuyển thiếc:* Phối hợp thực hiện lắp đặt thêm 01 hệ tuyển thô thiếc tại bãi thải Thập Lục Phần; Phối hợp chạy chỉnh định công nghệ, thiết bị sau khi xây dựng và lắp đặt xong xưởng tuyển thiếc - đồng khu vực Tây nam Núi Pháo tại Công ty Cổ phần KLM Thái Nguyên.

- *Đối với công trình hồ đập chứa quặng đuôi tuyển:* Phối hợp chỉ đạo, đánh giá mức độ an toàn công trình hồ đập chứa thải và xây dựng kế hoạch nâng chiều cao thân đập, giai đoạn 2020 – 2025 cho các công ty con đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

4.3. Công tác luyện kim

- Sản xuất đồng cathode và sản phẩm đi kèm:

Nhà máy Luyện đồng 1: tiếp tục đẩy mạnh tăng năng suất, nhất là lò luyện sten hàm lượng tinh quặng vào luyện ≥ 25,5%Cu, nâng cao sản lượng đồng cathode ≥ 12.500 tấn và các sản phẩm đi kèm, sản phẩm có ích trên cơ sở thị trường và đảm bảo hiệu quả như đồng sulfat, ni ken sulfat… sau khi nghiệm thu

các đề tài; ổn định và cải tiến chỉ tiêu công nghệ, đảm bảo thời gian hoạt động hỏa luyện ≥ 325 ngày, nâng cao thực thu và giảm tối đa tồn bán thành phẩm, thực hiện thay thế vật tư, cải thiện môi trường khí thải, giảm tiêu hao vật tư định mức, vê viên tinh xỉ để tăng cường nấu luyện lò điện 1500 KVA, hạn chế hợp lý giờ điện cao điểm giá cao để giảm chi phí.

Nhà máy luyện đồng 2: Phối hợp với quản lý dự án, nhà thầu để lập phương án và tổ chức chạy thử có sử dụng tinh quặng đồng Tả Phời, đảm bảo đủ nhân lực vận hành có chất lượng để chạy thử đúng yêu cầu, nhanh chóng đưa nhà máy vào hoạt động sản xuất ổn định công nghệ để nâng cao sản lượng sản phẩm, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ và giảm tiêu hao.

- *Sản xuất kẽm thỏi*: tăng cường quản lý kỹ thuật, ổn định chất lượng sản phẩm, kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu công nghệ và tiêu hao, nâng cao thời gian hoạt động có ích, cung cấp đủ và có dự phòng nguyên liệu tinh quặng kẽm sulfua, phối trộn nấu luyện bã đúc kẽm tại lò ống quay sản xuất bột ôxit kẽm 60%Zn, thực hiện tái chế tấm dương cực chì từ tàn cực, sử dụng đủ 96 bể điện phân để giảm tiêu hao điện năng giờ cao điểm, giảm chi phí sản xuất.

- *Sản xuất gang, thép*: thực hiện các chỉ tiêu công nghệ và tiêu hao trên cơ sở giảm chi phí và giá thành, tăng cường chất lượng công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhất là quạt gió lò cao, lò gió nóng, trạm ôxy, trạm phun than antraxit… để đảm bảo thời gian hoạt động ≥ 345 ngày/năm, tăng cường đào tạo và nâng cao kỹ năng vận hành, tiến tới không thuê chuyên gia, cung cấp ổn định nguyên nhiên liệu, vật tư chủ yếu, trong đó quặng cám(0 – 8mm) đảm bảo ≥ 60%Fe, tăng số lượng sử dụng tinh quặng sắt có chất lượng tương đương mỏ Sin Quyền (tăng lên ≥ 60.000 tấn/năm, gấp đôi năm 2019, trung hoà các loại quặng đầu vào để giảm sự biến động hàm lượng sắt đưa vào luyện phôi thép ≤1% so với kế hoạch, giảm tiêu hao cốc xuống mức ≤ 440 kg/tấn gang trên cơ sở hàm lượng sắt quặng thiêu kết vào lò cao ≥ 55%Fe, nhiệt độ gió nóng ≥ 1.050^{0}C, phun than antraxit ≥ 135 kg/tấn gang, thực hiện thu hồi tối đa sắt trong xỉ thép lò thổi…

4.4. Công tác cơ điện

- Tập trung theo dõi, giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, vật tư, phụ tùng,...trong sản xuất tại các đơn vị.

- Hoàn thiện, xây dựng bổ sung các định mức tiêu hao cho dây chuyền tuyển khoáng 2 và Mỏ Vi kẽm; Rà soát, xây dựng định mức tiêu hao vật tư sản xuất, SCTX, SCCC; Kiểm soát chặt chẽ nội dung, chi phí sửa chữa đối với các thiết bị cơ điện trong toàn Tổng công ty, thực hiện công tác tự gia công chế tạo phục hồi phụ tùng vật tư gắn với hiệu quả kinh tế, tuổi thọ của vật tư sau gia công so với vật tư mua mới, đặc biệt là khối Công ty mẹ - Tổng công ty.

- Huy động và sử dụng hiệu quả năng lực thiết bị hiện có tại các đơn vị. Điều phối hợp lý năng lực thiết bị giữa các đơn vị trong Tổng công ty, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng thiết bị cho sản xuất tại các đơn vị.

- Tăng cường chỉ đạo giám sát chặt chẽ quy trình Trung đại tu và bảo dưỡng các cấp máy móc thiết bị, tăng cường công tác chế tạo các sản phẩm cơ khí phục vụ thiết thực, hiệu quả cho sản xuất tại các đơn vị trong nội bộ Tổng công ty. Tiếp tục rà soát, đề xuất vật tư trong nước thay thế dần vật tư nhập khẩu để tiết giảm chi phí cũng như tăng tính chủ động trong quá trình điều hành sản xuất.

- Áp dụng các giải pháp tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực cơ điện nhằm gia tăng năng lực thiết bị và nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Thực hiện các giải pháp Kinh tế - Kỹ thuật phù hợp nhằm nâng cao chất lượng sửa chữa và tiết kiệm chi phí trong sửa chữa thiết bị (TĐT, SCTX), phấn đấu giảm trên 10% giá trị SCTX và TĐT so với kế hoạch.

- Đẩy mạnh triển khai các ứng dụng THH, TĐH trong SXKD và quản lý điều hành đáp ứng nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tác nghiệp của Tổng công ty và các đơn vị.

4.5. Tăng cường quản lý công tác tiêu thụ, kiểm soát, quản trị chặt chẽ các chi phí đầu vào

- Đối với công tác tiêu thụ sản phẩm :

+ Tích cực nắm bắt thị trường diễn biến giá cả thị trường, xây dựng phương án tiêu thụ phù hợp từng thời điểm; Tìm kiếm khách hàng mới để tiêu thụ các sản phẩm: Tinh quặng đồng, Phôi thép, Tinh quặng sắt Lào Cai, Axít sunfuric, Đuôi xỉ xưởng tuyển luyện đồng, Niken Sunfat,….; Cân đối giữa dự trữ và tiêu thụ tinh quặng đồng dư (nếu có) trên nguyên tắc đảm bảo khả năng thanh khoản của Tổng công ty.

+ Xây dựng và ban hành đầy đủ các tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn đối với các sản phẩm mới (Phôi thép chế tạo, Sunfat đồng, Niken sunfat,…..) nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường hiện nay.

+ Xây dựng quy chế, quy trình, mức giá mua/bán đối với sản phẩm phôi thép, than cốc để chủ động thực hiện, tận dụng được tối đa thời cơ về giá, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh đối với sản phẩm phôi thép do Công ty CP GTCB sản xuất trong năm 2020 và những năm tiếp theo.

- Đối với quản lý vật tư và các chi phí đầu vào:

+ Tiếp tục rà soát, phân loại vật tư, xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư phục vụ sản xuất, sửa chữa phù hợp với kế hoạch SXKD đã được phê duyệt. Làm tốt công tác khảo sát giá cả thị trường, giá vật tư mua vào để làm cơ sở lập dự toán mua sắm vật tư cho các đơn vị triển khai với tiêu chí giá dự toán giảm tối thiểu 5% so với giá mua vào BQ năm 2019 hoặc so với giá kế hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch năm 2020.

+ Theo dõi, quản lý chặt chẽ tiến độ mua sắm vật tư, cân đối trên nhu cầu sử dụng để lập kế hoạch mua sắm, cung ứng hợp lý, tránh tồn kho, ứ đọng vốn kéo dài gây lãng phí.

+ Tuân thủ và thực hiện nghiêm quy định về quản lý xuất - nhập - tồn kho vật tư, quản lý vật tư thu hồi, phế liệu, vận chuyển, sử dụng vật tư, nghiên cứu hình thức kiểm tra kiểm soát vật tư xuất, nhập tại các đơn vị, nhất là khối Công ty mẹ phù hợp với tình hình thực tế (Phân loại vật tư để sử dụng một trong các biện pháp: ghi chú, đánh dấu, sử dụng mã số, mã vạch để theo dõi, quản lý vật tư). Duy trì tỷ lệ tồn kho vật tư dưới 6%.

+ Duy trì công tác kiểm tra, kiểm soát định kỳ việc sử dụng, thay thế và thu hồi vật tư tại các đơn vị, tránh lãng phí và thất thoát trong sử dụng vật tư.

+ Tăng cường thu hồi vật tư đã qua sử dụng và có biện pháp xử lý để tái sử dụng phù hợp nhằm giảm chi phí mua phụ tùng vật tư mới. Đối với vật tư tự gia

công phục hồi, tái chế cần ghi chú, đánh dấu cụ thể và có ký hiệu riêng vào vật tư nhằm tránh sự nhầm lẫn với vật tư mua mới.

+ Phối hợp, phân công hài hòa, nhằm thực hiện có hiệu quả công tác cung ứng tinh quặng sắt, than cốc cho CTCP Gang thép Cao Bằng.

+ Kiểm soát chặt chẽ chất lượng vật tư đầu vào, phân tích, so sánh và đánh giá chất lượng vật tư của các khách hàng cung cấp trong năm 2019 cần loại bỏ những khách hàng trong quá trình sử dụng chất lượng vật tư không đảm bảo.

+ Tiếp tục rà soát, hoàn thiện ban hành các quy chế, quy định, chế tài về công tác vật tư phù hợp với tình hình thực tế để nâng cao hiệu quả, tăng tính chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị, gắn trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị, tập thể, cá nhân đối với việc thực hiện công tác vật tư tại đơn vị mình, trong đó chỉ tiêu mức tỷ lệ tồn kho vật tư là một trong những tiêu chí để xem xét đánh giá cán bộ cuối năm.

- Đối với công tác kế hoạch, quản trị chi phí, giá thành

+ Trên cơ sở kế hoạch SXKD đã được HĐQT Tcty phê duyệt, các đơn vị cần bám sát kế hoạch, quy chế, quy định về công tác khoán chi phí để chủ động xây dựng kế hoạch điều hành chi phí gắn với giá thị trường giao khoán cho các đơn vị. Cần điều hành và kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu công nghệ, kiểm soát chi phí ngay từ đầu năm (Xây dựng kế hoạch chi phí hàng tháng và theo dõi cập nhật thường xuyên), không để tình trạng phát sinh các khối lượng công việc, yếu tố công nghệ làm tăng chi phí ngoài kế hoạch. Cân đối năng lực, huy động thiết bị, tiếp tục rà soát kế hoạch SCL, SCTX, SCCC tại các đơn vị, tiết kiệm ít nhất 10% so với kế hoạch,...để đảm bảo triển khai kế hoạch có hiệu quả. Khi có công việc phát sinh chi phí ngoài kế hoạch được giao các đơn vị cần phải có báo cáo Tổng ty để được phê duyệt thông qua trước khi thực hiện.

+ Tiếp tục hoàn thiện nâng cao các mặt quản lý, từ công tác quản lý kỹ thuật cơ bản, công tác khoán quản trị chi phí, quản trị nội bộ,.... Các đơn vị cần xây dựng các giải pháp, kế hoạch, mục tiêu tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào, đầu ra ở tất cả các khâu, các công đoạn sản xuất. Chú trọng công tác khoán quản trị chi phí giá thành đối với các công đoạn sản xuất, khai thác quặng đồng tại Công ty mẹ - Tổng công ty nhằm đáp ứng, phù hợp với cơ chế quản trị của TKV.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện hệ thống định mức KTKT tại tất cả các khâu vận hành và sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ. Chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ và tối ưu các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ (định mức tiêu hao các vật tư, nguyên nhiên liệu chính có giá trị và mức độ ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của toàn doanh nghiệp như: than cốc phục vụ SX phôi thép, dầu diezel, phụ tùng vật tư răng gầu, lốp,..khâu khai thác tại mỏ đồng Sin Quyền; vật tư hóa chất thuốc tuyển tại CN MĐV giảm từ 5-7%; Chi phí sửa chữa thường xuyên; SCL;... Các đơn vị cần thực hiện kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các công đoạn sản xuất, làm tốt công tác thống kê cập nhật số liệu nhằm phục vụ tốt cho công tác quản trị chi phí, giá thành.

4.6. Đẩy mạnh công tác đảm bảo an ninh, ATVSLĐ và BVMT

- Thực hiện nhất quán mục tiêu "**không tai nạn, không sự cố, giảm bệnh nghề nghiệp**" và "**phát triển SXKD đi đôi với bảo vệ môi trường**". Thực hiện công tác ATVSLĐ và BVMT là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Đề nghị các

cấp ủy Đảng, BCH Công đoàn, BCH Đoàn thanh niên đơn vị ban hành nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo công tác ATVSLĐ và BVMT; thường xuyên sơ tổng kết rút kinh nghiệm để lãnh đạo làm tốt hơn.

- Duy trì An toàn - An ninh - An sinh trong toàn Tcty. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác, vận chuyển, chế biến, tiêu thụ khoáng sản. Chủ động ngăn ngừa và tích cực phối hợp với lực lượng chức năng địa phương để giải tỏa các tổ chức lấn chiếm, khai thác trái phép, vi phạm vào ranh giới quản lý mỏ.

- Thực hiện nghiêm túc các quy trình, quy phạm, các giải pháp bảo đảm ATLĐ trong sản xuất. Rà soát các giải pháp, biện pháp đảm bảo ATVSLĐ và BVMT trong từng công đoạn công nghệ sản xuất. Tăng cường kiểm tra và xử lý kiên quyết những đơn vị và cá nhân vi phạm quy trình kỹ thuật, quy định ATVSLĐ và BVMT trong sản xuất.

- Chủ động phòng ngừa sự cố trong sản xuất, nguy cơ cao gây mất an toàn lao động và gây ô nhiễm môi trường; quan tâm xử lý các nguồn phát thải trong hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản; hạn chế tối đa TNLĐ; góp phần bảo đảm cho sản xuất phát triển bền vững.

- Xây dựng ý thức tự chủ an toàn và BVMT, ý thức tự nêu gương bắt đầu từ cán bộ đứng đầu đơn vị, phòng ban, phân xưởng, đảng viên; từ đó lan tỏa đến người lao động để họ biết tự bảo vệ chính mình và bảo vệ đồng nghiệp của mình.

- Xây dựng và triển khai đồng bộ các nội dung về: Văn hóa an toàn lao động, văn hóa an toàn giao thông tại nơi làm việc phù hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị hướng tới mục tiêu xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Tổng công ty.

4.7. Tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất

- Tăng cường phối hợp với các Viện nghiên cứu, các Trường Đại học để tiếp tục nghiên cứu áp dụng công nghệ mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật trong khai thác - tuyển khoáng - luyện kim - cơ điện nhằm tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất, quản trị nội bộ. Tiếp tục tiến hành Dự án đầu tư xây dựng phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP giai đoạn 2) để đáp ứng các yêu cầu công việc của các phân hệ bộ môn.

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ để giảm tỷ lệ tổn thất tài nguyên, tăng thực thu tại các nhà máy tuyển, luyện kim, thu hồi khoáng vật có ích góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Nghiên cứu triển khai áp dụng đồng bộ các hệ thống cấp phát quản lý nhiên liệu tự động tại Mỏ đồng Sin Quyền.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất với mục tiêu giảm tiêu hao, giảm chi phí, cải thiện điều kiện lao động và cải thiện môi trường, tập trung thay đổi vật liệu, cải tiến thiết bị và phương pháp công nghệ. Xét chọn, thẩm định dự toán, ký hợp đồng thực hiện đối với các đề tài khoa học công nghệ năm 2020 cấp Tổng công ty, với một số hướng nghiên cứu như: Nghiên cứu công nghệ chống giữ các đường lò dọc vỉa, xuyên vỉa tại các mỏ khoáng sản khai thác bằng phương pháp hầm lò, nghiên cứu công nghệ vận tải đất đá hỗn hợp trong

điều kiện khai thác xuống sâu; Nghiên cứu công nghệ lắng tách xỉ luyện đồng và thu hồi khoáng vật có ích, Nghiên cứu cường hóa công nghệ phun than antraxit tại lò cao luyện gang để giảm tiêu hao cốc/gang.

5. Đối với công tác tài chính

Lập kế hoạch tài chính trung dài hạn nhằm cân đối dòng tiền trong dài hạn, trong tình hình có nhiều diễn biến ảnh hưởng đến kết quả SXKD hay công tác đầu tư của các DA, xây dựng các kịch bản tài chính nhằm đối phó với các tình huống.

Tích cực làm việc với các NHTM hiện đang giao dịch và mở rộng quan hệ, tìm hiểu các sản phẩm mới tại các NHTM khác để thu xếp nguồn vay ngắn hạn phục vụ SXKD, tăng hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng hiện có, cung cấp hồ sơ, tài liệu, giải trình để đề nghị các Ngân hàng cho vay bù đắp nguồn vốn dài hạn thiếu hụt của các DA.

Tích cực phối kết hợp với các phòng ban liên quan để triển khai công tác thoái vốn tại các Công ty con có hiệu quả, thu hồi vốn để đầu tư vào các DA.

Sử dụng các sản phẩm của các ngân hàng như LC Upas nội địa tránh rủi ro về thuế TNDN.

Huy động và sử dụng vốn cho các dự án theo kế hoạch, đúng mục đích. Bám sát kế hoạch để điều hành đảm bảo an toàn tài chính của doanh nghiệp.

Làm việc với các Sở Ban ngành chức năng liên quan nơi doanh nghiệp đứng chân để đề nghị xem xét giảm các khoản thuế, phí lệ phí,.... nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Đặc biệt, đề nghị tỉnh Lào Cai xem xét không nộp hoặc giảm nộp phí đóng góp cơ sở hạ tầng.

6. Chăm lo xây dựng đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025 nhằm chuẩn bị tốt đội ngũ lãnh đạo quản lý các cấp của Tcty giai đoạn 2020-2025. Tiếp tục thực hiện mô hình tổ chức và định biên lao động Tổng công ty giai đoạn 2018-2020 đã được HĐQT Tổng công ty phê duyệt tại các đơn vị trực thuộc.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình tuyển dụng, đào tạo năm 2020 phù hợp với nhu cầu đào tạo và tình hình SXKD của Tổng công ty (trong đó chú trọng tuyển dụng lao động chất lượng cao để thực hiện các chương trình cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa và nâng cao chất lượng nhân sự của các lĩnh vực quản lý như quản trị chi phí, kế toán, định mức lao động, pháp chế. Chú trọng tuyển dụng, đào tạo công nhân kỹ thuật cho các dự án đi vào hoạt động trong năm 2020, đào tạo các đối tượng thuộc diện quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020-2025. (lao động chính, phục vụ phụ trợ phù hợp với định biên đã được duyệt)

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, phương án trả lương và các cơ chế khuyến khích hợp lý cho người lao động từ Công ty mẹ - Tcty đến các đơn vị cho phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay. Thực hiện trả lương theo hiệu quả công việc KPI đối với các phòng ban Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc đối với bộ phận quản lý doanh nghiệp.

- Thực hiện các giải pháp về tiền lương, trong đó chú trọng mục tiêu *"Lao động ít - Tiền lương cao"; "Chi phí nhân công của doanh nghiệp giảm - Tiền lương của người lao động tăng"*. Theo đó các đơn vị tiếp tục thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp định biên lại lao động nhằm tiết kiệm lao động tối đa trong các khâu phụ trợ, phục vụ và quản lý. Tiến hành đào tạo và chuyển dịch lao động từ các khâu phụ trợ sang khâu công nghệ chính, nhằm gia tăng sản lượng sản xuất trực tiếp.

- Tiếp tục nghiên cứu triển khai phương án xã hội hóa, thuê ngoài thực hiện một số dịch vụ phục vụ người lao động như bảo vệ, nấu ăn ca, y tế theo lộ trình kế hoạch.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác LĐTL tại các đơn vị để kịp thời báo cáo, đề xuất những phương án, giải pháp phù hợp với tình hình SXKD hiện nay của Tcty.

- Tiếp tục hoàn thiện nâng cao chế độ phúc lợi, chính sách đãi ngộ hợp lý với người lao động để thu hút và giữ chân lao động, nhất là với lao động hầm lò, thợ sửa chữa, công nhân luyện kim...

- Tổ chức tham quan học tập mô hình tổ chức sản xuất, công nghệ của các doanh nghiệp tiên tiến trong và ngoài nước để hoàn thiện mô hình tổ chức quản trị, nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất tại các đơn vị.

- Cải thiện điều kiện làm việc của NLĐ, đặc biệt là công nhân khai thác hầm lò.

PHẦN THỨ HAI
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KHSXKD, ĐTXD GIAI ĐOẠN 2016-2020, KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021-2025

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

* ***Doanh thu:*** 27.968 tỷ đồng, bằng 76,06% so với KH NK 2016-2020, đạt mức tăng trưởng bình quân 11,22% năm và tăng 1,56 lần so với giai đoạn 2010-2015;

* ***Nộp ngân sách:*** 3.885 tỷ đồng, bằng 77,7% so với KH NK 2016-2020, đạt mức tăng trưởng bình quân 6,83% năm và tăng 1,33 lần so với giai đoạn 2010-2015;

* ***Lợi nhuận:*** 748,355 tỷ đồng/1.000 tỷ đồng KH NK, bằng 74,84% so với KH nhiệm kỳ, và bằng 119,9% so với giai đoạn 2010 - 2015.

* ***Tiền lương bình quân:*** 96 triệu đồng/người/năm, tăng 19,6% so với KH nhiệm kỳ và tăng 1,31 lần so với giai đoạn 2010-2015;

* ***Tổng mức đầu tư:*** 5.508 tỷ đồng, đạt 46,68% so với KH nhiệm kỳ và tăng 1,54 lần so với giai đoạn 2010-2015

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	TH năm 2017	TH năm 2018	TH năm 2019	KH năm 2020	Lũy kế
A	**Chỉ tiêu về giá trị**							
1	Doanh thu hợp nhất	Tr.đ	3.997.618	5.477.854	5.702.367	6.202.716	6.588.000	27.968.555
2	Lợi nhuận TT	Tr.đ	31.963	312.322	225.559	15.511	163.000	748.355

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	TH năm 2017	TH năm 2018	TH năm 2019	KH năm 2020	Lũy kế
3	Nộp ngân sách	Tr.đ	658.624	654.656	725.985	970.750	875.000	3.885.015
4	Lao động bình quân	Người	5.108	4.672	4.550	4.453	4.812	4.719
5	Thu nhập bình quân	1.000đ/ ng/thg	5.805	8.219	8.513	8.258	8.976	7.954
B	**Các chỉ tiêu sản lượng**							
I	**Sản xuất**							
1	TQ đồng 24%Cu	Tấn	51.422	50.014	52.604	71.334	66.798	294.955
2	Đồng tấm Ka tốt	Tấn	11.631	11.516	11.786	12.500	17.000	64.433
3	Kẽm thỏi	Tấn	10.727	10.835	11.200	11.616	11.200	55.578
4	Thiếc thỏi	Tấn	537	569	297	178	250	1.831
5	TQ sắt (60%Fe)	Tấn	83.326	153.753	249.808	259.590	311.170	1.057.646
6	Axit Sunfuric	Tấn	57.330	53.314	58.029	61.066	79.340	309.078
7	Vàng	Kg	574	566	576	541	623	2.880
8	Bạc	Kg	492	476	492	500	599	2.559
9	Phôi thép GTCB	Tấn	81.154	190.169	185.538	220.368	220.000	897.230
II	**Tiêu thụ**							
1	TQ đồng					15.129		15.129
2	Đồng tấm Ka tốt	Tấn	11.936	11.293	12.132	12.122	17.000	64.483
3	Kẽm thỏi	Tấn	10.968	10.729	10.881	11.998	11.200	55.776
4	Thiếc thỏi	Tấn	598	467	294	148	250	1.757
5	TQ sắt (60%Fe)	Tấn	99.216	232.114	248.889	233.913	310.000	1.124.132
6	Axit Sunfuric	Tấn	53.890	52.390	58.689	57.683	79.300	301.953
7	Vàng	Kg	581	568	626	544	623	2.941
8	Bạc	Kg	408	517	520	535	599	2.579
9	Phôi thép GTCB	Tấn	65.348	199.203	161.271	229.375	220.000	875.197

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Kết quả thực hiện Đề án tái cấu trúc Tổng công ty

Trong giai đoạn 2016-2020 Tổng công ty đã tập trung chỉ đạo và thực hiện công tác tái cơ cấu theo Đề án đã được TKV phê duyệt. Theo đó, Tổng công ty đã thoái vốn thành công tại 11 công ty con và công ty liên kết. Tổng số tiền thu về từ thoái vốn giai đoạn 2016-2020 là trên 184 tỷ đồng, bằng 137,9% tổng giá trị chào bán của toàn bộ số cổ phần là 133 tỷ đồng; Song song với việc thoái vốn, Tổng công ty đã thu hồi toàn bộ các khoản nợ tại các đơn vị thoái vốn.

Hoàn thiện các mặt quản trị doanh nghiệp trên tất cả các lĩnh vực, từ quản trị nguồn tài nguyên, quản trị nguồn vốn, quản trị nguồn nhân lực cho đến công tác đầu tư, công tác kỹ thuật, công nghệ...; kiện toàn mô hình tổ chức đảng, đoàn thể; giảm các đầu mối phòng, ban, phân xưởng; giảm lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ; mô hình tổ chức TCT đã tinh gọn hơn và đi vào chiều sâu thay vì đầu tư dàn trải nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của TCT.

2. Về công tác quản lý đầu tư xây dựng

Trong kỳ, đã hoàn thành, đưa các Dự án Mở rộng Nâng công suất Khu mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Dự án Khu Liên hợp Gang thép Cao Bằng vào sản xuất. Các Nhà máy đi vào sản xuất đều đạt công suất thiết kế. Hiện đang thực hiện quyết toán đầu tư các dự án theo quy định. Tuy nhiên, do tiến độ thực hiện các Dự án đầu tư xây dựng chậm, nhất là các dự án trọng điểm có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của Tổng công ty giai đoạn 2016-2020 như: dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (điều chỉnh); Dự án nâng công suất Nhà máy Luyện đồng Lào Cai công suất 20.000 tấn/năm.

3. Về công tác thăm dò, phát triển tài nguyên

Đã triển khai thực hiện công tác thăm dò 6 đề án, tập trung chủ yếu vào các khoáng sản chính của Tổng công ty là đồng, kẽm chì và thiếc. Thực hiện 22.500 mét khoan với giá trị 106 tỷ đồng. Kết quả đã xác định được thêm trữ lượng khoáng sản gồm: 210.000 tấn đồng; 110.000 tấn kẽm + chì; 8.200 tấn thiếc. Kết quả trữ lượng sau thăm dò được sử dụng phục vụ khai thác, lập các dự án đầu tư xin cấp phép khai thác mỏ.

Đã được bộ Tài nguyên và Môi trường và địa phương cấp phép khai thác cho 7 mỏ gồm 2 mỏ đồng, 1 mỏ thiếc, 2 mỏ vàng, 1 mỏ vonfram, 1 mỏ sắt.

4. Công tác quản trị nội bộ doanh nghiệp

a. Công tác quản trị chi phí: Tổng công ty đã ban hành sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy chế về quản trị chi phí kinh doanh, quản lý mua sắm vật tư, các quy định về công tác nghiệm thu khối lượng, nghiệm thu chi phí, quy trình mua sắm, sử dụng vật tư cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, đúng luật. Kiểm soát chặt chẽ giá mua vào đối với các vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất. Xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí hàng năm và chỉ đạo các đơn vị tập trung triển khai thực hiện vào các nhóm giải pháp về quản lý các chỉ tiêu công nghệ, nâng cao tỷ lệ thu hồi; giải pháp về tổ chức hợp lý hóa sản xuất để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; giải pháp về tiết giảm chi phí giá mua vật tư, giảm tồn kho; giải pháp quản lý các yếu tố đầu vào, giảm chi phí quản lý…

b. Công tác tài chính: Thu xếp đủ vốn đáp ứng cho nhu cầu SXKD và hoạt động đầu tư trong điều kiện mặt hàng chính là đồng tấm tiêu thụ chậm, giãn tiêu thụ phôi thép. Sử dụng linh hoạt các sản phẩm của Ngân hàng nhằm tăng quy mô vốn kinh doanh trong điều kiện chứng từ mua/bán các sản phẩm phôi thép, vàng, bạc không được sử dụng để vay tín dụng. Thực hiện tái cơ cấu vốn đầu tư song song với quá trình thoái vốn tại các đơn vị, phù hợp với tiến độ thực hiện các DA ĐT XDCB.

5. Công tác tiêu thụ sản phẩm

Thị trường truyền thống tiêu thụ các sản phẩm chính của Tổng công ty tiếp tục ổn định. 100% khách hàng truyền thống vẫn duy trì quan hệ mua/bán sản phẩm của Tổng công ty. Công tác chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng được thực hiện tốt. Được khách hàng đánh giá cao và qua đó góp phần nâng cao uy tín của Tổng công ty và đơn vị sản xuất.

6. Công tác chăm lo xây dựng đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động

Tổng công ty đã cơ bản đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Xây dựng kế hoạch, tập trung cải thiện điều kiện làm việc, ăn, ở, đi lại cho CNVC đặc biệt đối với đội ngũ thợ thợ lò, thợ luyện kim, vận hành xe máy, thiết bị. Tổ chức đầu tư, mua sắm xe ca đưa đón công nhân đi làm; Xây dựng nhà ở tập thể cho công nhân; triển khai và thực hiện chính sách mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động có tay nghề cao, lao động có chuyên môn nghiệp vụ giỏi. Tổ chức chăm lo đời sống sinh hoạt người lao động thông qua các phong chào văn hóa thể thao, các chương trình tham quan du lịch và nghỉ dưỡng. Thực hiện tuyển dụng, đào tạo, nâng cao trình độ cho công nhân, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu sản xuất ngày càng cao.

7. Tăng cường đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KHCN vào sản sản xuất kinh doanh theo hướng thân thiện môi trường, sản xuất đảm bảo an toàn, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, nâng cao năng suất lao động, góp phần nâng cao hiệu quả SXKD

Công tác nghiên cứu KHCN được tăng cường. Trong nhiệm kỳ đã có 16 đề tài NC KHCN được triển khai, trong đó có 02 Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ Công Thương và 14 đề tài cấp Tập đoàn với tổng giá trị 50,5 tỷ đồng, 06 đề tài cấp Tổng công ty với tổng giá trị 4,7 tỷ đồng. Nội dung NCKH đã được đánh giá là phù hợp, một số đề tài đã được áp dụng vào thực tế mang lại hiệu quả, tạo ra sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất.

Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất: đã cải tiến vận hành công nghệ, nâng công suất lò điện hồ quang, tăng cường bể điện phân đồng, bổ sung bể điện phân kẽm, thực hiện thay thế chất xúc tác trong sản xuất axit, chất tăng cac bon trong sản xuất thép, chuyển đổi vật liệu và chế tạo thanh dẫn trong điện phân đồng, chế tạo tấm cực chì trong sản xuất kẽm... đã góp phần giảm chi phí, cải thiện môi trường, trong giai đoạn 2015 - 2020 đã có 250 sáng kiến cải tiến, hợp lý hóa giá trị làm lợi trên 200 tỷ đồng được áp dụng, trong đó nhiều sáng kiến, giải pháp mang lại hiệu quả cao.

8. Kết quả công tác thi đua và an sinh xã hội

Phong trào thi đua trong lao động sản xuất diễn ra rộng khắp, sôi nổi, hiệu quả như thi đua về đích trước kế hoạch, lập năng suất kỷ lục, đơn vị dẫn đầu khối, tiết kiệm chi phí, thi thợ giỏi, v.v... Các phong trào được các đơn vị, người lao động nhiệt tình hưởng ứng, góp phần hoàn thành kế hoạch SXKD hàng năm của đơn vị và Tổng công ty. Từ phong trào thi đua đã xuất hiện nhiều gương điển hình tiên tiến được vinh dự tặng thưởng Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua Bộ Công Thương, Bằng khen Bộ Công Thương, Chiến sỹ thi đua Tập đoàn, v.v...

Các phong trào thi đua về văn hoá, thể thao, chăm sóc sức khỏe người cũng được Đảng ủy quan tâm chỉ đạo như xây dựng khu tập thể văn minh, nhà ăn tập thể, công nhân kiểu mẫu, chăm sóc sức khoẻ người lao động với tiêu chí cụ thể cho từng nội dung đã được các đơn vị tích cực tham gia, qua đó đã phát hiện được những lá cờ đầu xuất sắc liên tục nhiều năm như: Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, dẫn đầu về phong trào văn hoá - thể thao; Công ty CP KLM Nghệ Tĩnh, Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai dẫn đầu về phong trào xây dựng Nhà ăn ca công nhân, nhà ở tập thể công nhân, chăm sóc sức khỏe người lao động, v.v... Đội bóng chuyền Đoàn Nghệ thuật quần chúng của Tổng công ty đã đạt được thành tích cao trong các Hội thi của TKV (Giải Nhất toàn Đoàn).

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU SXKD CHỦ YẾU

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	LŨY KẾ
A	**Chỉ tiêu về giá trị**							
1	Doanh thu hợp nhất	Tr.đ	7.515.550	8.310.000	8.310.000	8.310.000	8.310.000	40.755.549
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	187.389	207.250	207.250	207.250	207.250	1.016.389
3	Nộp ngân sách	Tr.đ	890.000	900.000	900.000	900.000	900.000	4.500.000
B	**Các chỉ tiêu sản lượng**							
I	**Sản xuất**							
1	TQ đồng 25%Cu	Tấn	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	432.000
2	Đồng tấm Ka tốt	Tấn	25.000	30.000	30.000	30.000	30.000	145.000
3	Kẽm thỏi	Tấn	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	55.000
4	Thiếc thỏi	Tấn	100	100	100	100	100	500
5	TQ sắt (60%Fe)	Tấn	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	1.225.000
6	Axit Sunfuric	Tấn	106.500	116.500	116.500	116.500	116.500	572.500
7	Vàng	Kg	803	903	903	903	903	4.415
8	Bạc	Kg	900	950	950	950	950	4.700
9	Phôi thép GTCB	Tấn	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	1.100.000
II	**Tiêu thụ**							
1	Đồng tấm Ka tốt	Tấn	25.000	30.000	30.000	30.000	30.000	145.000
2	Kẽm thỏi	Tấn	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	55.000
3	Thiếc thỏi	Tấn	100	100	100	100	100	500
4	TQ sắt (60%Fe)	Tấn	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	1.225.000
5	Axit Sunfuric	Tấn	106.500	116.500	116.500	116.500	116.500	572.500
6	Vàng	Kg	803	903	903	903	903	4.415
7	Bạc	Kg	900	950	950	950	950	4.700
8	Phôi thép GTCB	Tấn	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	1.100.000

II. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Tổng mức đầu tư 4.685,022 tỷ đồng, bằng 85% giá trị khối lượng so với giai đoạn 2016-2020. Trong đó tập trung vào một số dự án trọng điểm: Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai (giai đoạn I: 3 vạn tấn/năm) hoàn thành trong năm 2021; Khai thác mỏ đồng Vi kẽm, Bát xát, Lào Cai (hoàn thành năm 2021); Khai thác hầm lò phần sâu mỏ đồng Sin Quyền; Khai thác mỏ đồng Lùng Thàng, xã Bản Qua, huyện Bát Xát; Dự án đầu tư XDCT khai thác, chế biến quặng đất hiếm Đông Pao, Tam Đường, Lai Châu,....(Chi tiết, kế hoạch cụ thể từng năm như phụ biểu kèm theo)

Giá trị kế hoạch ĐTXD cụ thể hàng năm như sau:

Loại nguồn vốn	Giá trị kế hoạch ĐTXD (triệu đồng)					
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2021÷2025
Vốn vay	1.207.907	458.787	335.975	490.888	641.224	3.134.781
Vốn chủ sở hữu và vốn khác	401.802	271.997	207.050	284.178	385.214	1.550.241
Tổng cộng	**1.609.709**	**730.784**	**543.025**	**775.066**	**1.026.438**	**4.685.022**

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở các chỉ tiêu định hướng được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo Tổng công ty xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch SXKD, ĐTXD giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, hàng năm, căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo Ban điều hành xây dựng chi tiết kế hoạch để phê duyệt triển khai cho phù hợp, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019, triển khai nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2020 của Tổng công ty, đánh giá kết quả thực hiện SXKD, ĐTXD giai đoạn 2016-2020 và phương hướng nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các quý vị cổ đông để Hội đồng quản trị và Ban điều hành tiếp tục hoàn thiện, xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch giai đoạn 2020-2025 để triển khai thực hiện.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng của Quý vị cổ đông đã sát cánh, đồng hành với Tổng công ty trong suốt năm qua, đồng thời đánh giá cao sự nỗ lực và tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên, cùng nhau xây dựng Tổng công ty ngày càng phát triển.

Xin kính chúc các Quý vị cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin chân thành cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TV.HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Trịnh Văn Tuệ

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV- CTCP

Số: 511 /BC-VIMICO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Nhiệm kỳ 2015-2020 là nhiệm kỳ đầu tiên Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, đồng thời cũng là giai đoạn nền kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam có nhiều biến động. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành và toàn thể CBCNV Tổng công ty đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao. Với mục tiêu "**An toàn - Hiệu quả - Phát triển**" xây dựng Tổng công ty phát triển ổn định, bền vững, đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm có lợi thế, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả SXKD; Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao, đảm bảo tiến độ đầu tư các dự án, nhất là các dự án trọng điểm của Tổng công ty. Vì quyền lợi, lợi ích hợp pháp của các cổ đông, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên lần này, Hội đồng quản trị Tổng công ty kiểm điểm tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020 và đề ra nhiệm vụ chủ yếu nhiệm kỳ 2020 - 2025 như sau:

PHẦN I

Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ (2015 - 2020)

I. Nhân sự Hội đồng quản trị Tổng công ty

Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ I (2015-2020) bầu ra với 5 thành viên HĐQT, gồm:

1. Ông Trần Quốc Lộc - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty;
2. Ông Nguyễn Tiến Mạnh- TV.HĐQT - Tổng Giám đốc Tổng công ty;
3. Ông Nguyễn Văn Hải - Thành viên chuyên trách HĐQT;
4. Ông Ngô Quốc Trung - Thành viên HĐQT;
5. Ông Phạm Minh Tuấn - Thành viên HĐQT;

Ngày 8/9/2016 HĐQT Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 789/QĐ-VIMICO v/v bổ nhiệm Thành viên HĐQT thay thế. Theo đó, ông Phạm Minh Tuấn - Thành viên HĐQT Tổng công ty thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tổng công ty kể từ ngày 8/9/2016. Ông Trịnh Văn Tuệ - Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tổng công ty thay ông Phạm Minh Tuấn kể từ ngày 8/9/2016.

Ngày 15/3/2018 HĐQT Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 256/QĐ-VIMICO v/v bổ nhiệm Thành viên HĐQT thay thế và Quyết định số 268/QĐ-VIMICO v/v bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Theo đó, ông Đặng Đức Hưng - Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tổng công ty thay thế ông Nguyễn Tiến Mạnh kể từ ngày 16/3/2018. Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng công ty từ ngày 16/3/2018.

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-VIMICO ngày 31/7/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty, HĐQT đã họp và thông qua nghị quyết số 1770/NQ-VIMICO về việc bầu ông Vũ Văn Long - Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhiệm kỳ 2015-2020 kể từ ngày 01/8/2018 thay ông Trần Quốc Lộc.

Ngày 15/5/2019, HĐQT Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 1118/NQ-VIMICO bầu Ông Nguyễn Văn Hải - Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhiệm kỳ 2015 - 2020 kể từ ngày 15/5/2019 thay ông Vũ Văn Long.

Danh sách Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV sau Đại hội đồng cổ đông năm 2019 và đến ngày báo cáo chỉ còn 04 thành viên, gồm:

1. Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Trịnh Văn Tuệ - TV.HĐQT - Tổng Giám đốc Tổng công ty;
3. Ông Ngô Quốc Trung - Thành viên HĐQT;
4. Ông Đặng Đức Hưng - Thành viên HĐQT.

II. Hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2015 - 2020 và những kết quả đạt được

Qua nhiệm kỳ 5 năm, HĐQT Tổng công ty đã tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, triển khai thực hiện đầy đủ nội dung Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT với trách nhiệm quản lý mọi mặt hoạt động SXKD của Tổng công ty đã chỉ đạo điều hành thực hiện đúng vai trò quản lý, giám sát và đưa ra nhiều chủ trương, biện pháp hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để Ban giám đốc Tổng công ty điều hành đúng định hướng:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

1.1 Các chỉ tiêu chính

- Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty: 6.202 tỷ đồng (Trong đó: Doanh thu khoáng sản các sản phẩm Công ty mẹ: 2.670,97 tỷ đồng/2.621 tỷ đồng KH điều chỉnh).

- Lợi nhuận trước thuế: 15,51 tỷ đồng (trong đó: Công ty mẹ - Tổng công ty 137,67 tỷ đồng).

- Nộp ngân sách: 970,75 tỷ đồng.

- Tổng số lao động: 4.453/4.812 người.

- Thu nhập BQ: 8,258 triệu đồng/người/tháng.

- Tổng giá trị thực hiện ĐTXD năm 2019: 1.121.974 triệu đồng.

1.2. Đánh giá mức độ bảo toàn và phát triển vốn theo Nghị định 91/2013/NĐ-CP của Chính phủ và TT 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính

1.2.1. Bảo toàn vốn (H): Tổng công ty bảo toàn vốn theo quy định.

1.2.2. Quản lý vốn chủ sở hữu:

Theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ, Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2019 xác định theo Nghị định 91/2015 là **2.129.849 triệu đồng**

Theo báo cáo hợp nhất toàn Tổng công ty là **2.386.044 triệu đồng**

1.2.3. Thực hiện hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu:

- Tại Công ty mẹ thời điểm 31/12/2019, hệ số nợ phải trả/Vốn CSH là **1,63 lần**.

- Hợp nhất Tổng công ty: Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH, Tổng công ty thực hiện là **2,25 lần**.

Như vậy, hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty thực hiện năm 2019 nhỏ hơn 3 lần và phù hợp quy định của Nhà nước tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và Quy chế tài chính của Tổng công ty.

Năm 2019, công tác quản lý tài chính có nhiều nỗ lực và đạt thành quả cao, nổi bật là việc thu hồi công nợ, đảm bảo các chỉ tiêu hàng tồn kho, chỉ tiêu tài chính và bảo toàn vốn. (BCTC đã được kiểm toán kèm theo tại văn bản số: 95/2020/UHY-BCKT ngày 10/3/2020)

1.3. Về hiệu quả vốn đầu tư:

Tại thời điểm 01/01/2019 Tổng công ty Khoáng sản - TKV đầu tư 12 doanh nghiệp. Trong năm 2019, Tổng công ty đầu tư vốn góp vào Công ty CP Đất hiếm Lai Châu, giảm vốn tại Công ty CP Đầu tư Gang thép Lào Cai và thoái vốn 2 Công ty (Công ty CP Vàng Lào Cai và Công ty CP Địa ốc Khoáng sản - TKV), giá trị góp vốn tại thời điểm 31/12/2019 là:

+ Giá trị đầu tư theo mệnh giá ngày 31/12/2019 là: 633.188 Triệu đồng;

+ Giá trị theo sổ sách kế toán ngày 31/12/2019 là: 612.816 Triệu đồng bằng 30,64% vốn điều lệ của Tổng công ty.

Căn cứ vào kết quả phân tích các chỉ tiêu tài chính năm 2019, một số đơn vị thuộc diện phải tăng cường giám sát vận dụng theo quy định tại Điều 24 Nghị định 87/NĐ-CP ngày 06/10/2015 như: Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng; Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, Công ty Cổ phần Đất hiếm Lai Châu - Vimico và Công ty CP Xi măng Tân Quang

1.4. Về tình hình thực hiện kế hoạch ĐTXD một số dự án/công trình trọng điểm Công ty mẹ - Tổng công ty

1.4.1. Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (Dự án nhóm A do Công ty mẹ - Tcty làm Chủ đầu tư)

Giá trị giải ngân năm 2019: 110,634 tỷ đồng (tương đương 100% giá trị thực hiện). Lũy kế giải ngân đến 31/12/2019: 1.864,7 tỷ đồng.

1.4.2. Dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai (Dự án nhóm A do Công ty mẹ - Tcty làm Chủ đầu tư)

Giá trị giải ngân năm 2019: 833,658 tỷ đồng (tương đương 100% giá trị thực hiện). Lũy kế giải ngân đến 31/12/2019: 1.391,249 tỷ đồng.

1.4.3. Dự án đầu tư Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai (Dự án nhóm B do Công ty mẹ - Tcty làm Chủ đầu tư).

Giá trị thực hiện năm 2019 là 41,914 tỷ đồng, bằng 112,44%KH năm. Lũy kế đến 31/12/2019 tổng giá trị thực hiện là 102,895 tỷ đồng, bằng 20,97% tổng mức đầu tư phê duyệt. Trong năm 2019 đã thực hiện giải ngân 41,914 tỷ đồng. Lũy kế đến 31/12/2019 đã thực hiện giải ngân 83,088 tỷ đồng.

2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2015 - 2020

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	TH năm 2017	TH năm 2018	TH năm 2019	KH năm 2020	Lũy kế
A	**Chỉ tiêu về giá trị**							
1	Doanh thu hợp nhất	Tr.đ	3.997.618	5.477.854	5.702.367	6.202.716	6.588.000	27.968.555
2	Lợi nhuận TT	Tr.đ	31.963	312.322	225.559	15.511	163.000	748.355
3	Nộp ngân sách	Tr.đ	658.624	654.656	725.985	970.750	875.000	3.885.015
4	Lao động bình quân	Người	5.108	4.672	4.550	4.453	4.812	4.719
5	Thu nhập bình quân	1.000đ/ ng/thg	5.805	8.219	8.513	8.258	8.976	7.954

3. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong những năm qua, HĐQT Tổng công ty đã tổ chức 05 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, 02 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (trong đó có 01 cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản).

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy chế làm việc, ngoài ra còn tổ chức các cuộc họp đột xuất để giải quyết công việc theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Các cuộc họp đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

3.1. Các cuộc họp của HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020

Năm	Số cuộc họp		Tỷ lệ các TV HĐQT tham gia	Số Nghị quyết, Quyết định ban hành
	Thảo luận trực tiếp	Lấy ý kiến bằng văn bản		
Tháng 10/2015	13	0	100%	66
Năm 2016	64	1	100%	251
Năm 2017	60	0	100%	272
Năm 2018	58	1	100%	236
Năm 2019	47	1	100%	215
Tổng	**242**	**3**		**1040**

Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, tham gia và/hoặc có ý kiến tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp hoặc có ý kiến bằng văn bản theo yêu cầu. Theo lĩnh vực được phân công, các thành viên đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Tổng công ty. HĐQT đồng thuận khi thông qua các Nghị quyết, quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển, các chủ trương lớn nhằm kịp thời giải quyết công việc, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động SXKD đúng với quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động SXKD của Tổng Công ty và quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, HĐQT mời Trưởng Ban kiểm soát và một số cán bộ quản lý tham gia cuộc họp để HĐQT có những quyết định phù hợp với tình hình sản xuất.

3.2. Hệ thống văn bản quản lý điều hành

Sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần, Tổng Công ty đã ba lần ban hành và sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng công ty để phù hợp với các quy định của Pháp luật. Tính đến nay Tổng công ty đã ban hành 51 quy định, quy chế quản lý, Điều lệ tổ chức và hoạt động, đây là hành lang pháp lý cho toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Những văn bản quản lý của Tổng công ty đã tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Đánh giá kết quả hoạt động nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

Mặc dù thị trường biến động, ảnh hưởng bất lợi đến hiệu quả SXKD của Tổng công ty, HĐQT đã tập trung mọi nỗ lực để thúc đẩy các giải pháp, tăng cường quản trị, giám sát điều hành, chỉ đạo triển khai xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Tổng công ty. Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch các năm 2016-2020 và triển khai thực hiện phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm kế tiếp.

Chỉ đạo thực hiện thu xếp đủ nguồn vốn cho kế hoạch ĐTXD, đặc biệt là đối với các dự án lớn, công trình trọng điểm của Tổng công ty. Giá trị khối lượng thực hiện đầu tư xây dựng các năm của Tổng công ty cơ bản đều đạt kế hoạch. Các dự án trọng điểm có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của Tổng công ty giai đoạn 2015-2020 như: dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (điều chỉnh); Dự án nâng công suất Nhà máy Luyện đồng Lào Cai công suất 20.000 tấn/năm bị chậm về cơ bản do nguyên nhân khách quan. Trong nhiệm kỳ, đã chỉ đạo hoàn thành, đưa các Dự án Mở rộng Nâng công suất Khu mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Dự án Khu Liên hợp Gang thép Cao Bằng vào sản xuất. Các Nhà máy đi vào sản xuất đều đạt công suất thiết kế. Hiện đang thực hiện quyết toán đầu tư các dự án theo quy định.

Kiên trì, quyết liệt triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu. Tiếp tục tuyên truyền quảng bá, mời gọi các nhà đầu tư nhằm giảm vốn của TKV trong Tổng công ty xuống còn 65%. Thực hiện thoái vốn thành công một số đơn vị như Công ty Cổ phần Vàng Lào Cai; Công ty CP Khoáng sản 4; Công ty CP KLM Tuyên Quang... mang lại hiệu quả cao, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Thực hiện công tác phát triển nguồn nhân lực, thực hiện thành công một số mục tiêu chính trong Đề án tái cơ cấu về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và CNKT trình độ cao.

Thông qua nhân sự để Tổng Giám đốc Tổng công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng, ban, đơn vị trong Tổng công ty theo thẩm quyền.

Thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Chi trả cổ tức cho cổ đông hàng năm kịp thời.

Về thù lao của HĐQT thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích pháp luật của Tổng công ty và cổ đông.

3.4. Giám sát hoạt động của Ban quản lý điều hành:

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban điều hành theo đúng quy định tại Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định phân cấp ủy quyền của HĐQT, của Người đại diện theo pháp luật cho Ban điều hành. Theo yêu cầu của HĐQT, Ban điều hành đã hoạch định, xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ của Tổng công ty, của từng đơn vị và của từng thành viên Ban điều hành bằng văn bản, đồng thời đã báo cáo HĐQT các nội dung trên. Ban điều hành có 7 đồng chí gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Tất cả các cán bộ điều hành đều có đủ năng lực, đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao; thực hiện nhiệm vụ mẫn cán, trung thực, đạt hiệu quả cao, thực hiện tiết kiệm chi phí. Nội bộ đoàn kết nhất trí cao, có tinh thần học tập nâng cao trình độ, năng động tích cực và chủ động trong thực thi trách nhiệm của cán bộ quản lý. Tập hợp được đội ngũ nhân viên, hướng dẫn, đào tạo nhân viên hoàn thành được công việc. Duy trì tốt kỷ luật và xây dựng văn hóa, thương hiệu doanh nghiệp.

Các Nghị quyết của HĐQT giao cho Ban điều hành thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. Hàng quý, HĐQT đều tổ chức họp giao ban liên tịch giữa HĐQT và cơ quan điều hành, Chủ tịch HĐQT trực tiếp tham gia các cuộc họp quan trọng để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Tổng công ty, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn; Thực hiện công tác kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ.

Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Cơ quan điều hành Tổng công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị công ty.

3.5. Những tồn tại hạn chế:

Bên cạnh những ảnh hưởng của giá bán một số sản phẩm chính (Tinh quặng đồng, kẽm thỏi, phôi thép…) trên thị trường giảm và thấp hơn so với giá bán kế hoạch, làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD của các đơn vị trong Tổng công ty; giá than cốc tăng dẫn đến chi phí sản xuất phôi thép tại Công ty CP Gang thép Cao Bằng tăng theo thì cũng có nguyên nhân chủ quan về năng lực nội tại của công ty.

Thực hiện đầu tư nhiều dự án còn chậm so với tiến độ đề ra: Dự án Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai do dừng để thu hồi apatit, điều chỉnh quy hoạch, điều chỉnh một số thiết bị, ảnh hưởng của dịch bệnh; Dự án đầu tư XDCT khai thác, chế biến quặng đất hiếm mỏ Đông Pao - Tam Đường - Lai Châu do chưa định vị được thị trường, công nghệ, nguồn vốn sau khi đối tác Nhật bản rút khỏi dự án; chậm quyết toán dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng....

Tài nguyên khoáng sản tại một số mỏ tiếp tục giảm, đặc biệt các mỏ thiếc chỉ còn quặng tận thu trong trong quá trình đóng cửa mỏ. Thủ tục xin gia hạn, cấp phép khai thác tại một số mỏ vẫn chưa hoàn thiện (mỏ chì kẽm Lang Hít, mỏ thiếc Tĩnh Túc, Mỏ thiếc Bản Cô) dẫn đến chưa được phép khai thác trở lại.

Các chính sách của Nhà nước về thuế tài nguyên, phí môi trường, thu tiền sử dụng tài liệu địa chất, tiền cấp quyền khai thác, ký quỹ đầu tư,… liên tục thay đổi theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp; Công tác thẩm định hồ sơ cấp phép, gia hạn hoạt động khoáng sản phát sinh nhiều thủ tục dẫn đến thời gian xin gia hạn và cấp phép kéo dài,...

PHẦN II

Kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2020, nhiệm kỳ 2 (2020-2025)

Năm 2020 bên cạnh những thuận lợi như: Kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục ổn định và tăng trưởng hơn năm 2019, giá khoáng sản có xu hướng ổn định và tăng, các Nhà máy mới đi vào sản xuất đã hoạt động ổn định, trình độ quản lý vận và hành tốt hơn, lãi vay đang ở mức ổn định thuận lợi cho hoạt động SXKD - ĐTXD. Tuy nhiên, cũng gặp nhiều khó khăn khi công tác đền bù giải phóng mặt bằng tại nhiều đơn vị tiếp tục phức tạp, chính sách thuế - phí tiếp tục tăng cao, đặc biệt là diễn biến khó lường của dịch bệnh Covid 19, những khó khăn về tài chính của một vài cổ đông sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến tiến độ góp vốn, ảnh hưởng đến quá trình triển khai dự án đầu tư...

Trước tình hình trên, HĐQT Tổng công ty tập trung ưu tiên chỉ đạo các mặt hoạt động sau:

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của KHSX năm 2020 và các nhiệm vụ chính trong quản lý SXKD, cụ thể như sau:

Mục tiêu điều hành của Tổng công ty: Đất đá bóc mỏ đồng Sin Quyền tối thiểu đạt 11 triệu m^3 và 1,95 triệu tấn quặng nguyên khai. Toàn Tổng công ty phấn đấu hoàn thành KH 2020 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1.1. Các chỉ tiêu hợp nhất toàn Tổng công ty

- Tổng doanh thu: 6.588 tỷ đồng

  Trong đó: Doanh thu khoáng sản: 6.511 tỷ đồng

  Doanh thu SXKD khác: 77 tỷ đồng

- *Lợi nhuận hợp nhất trước thuế* :163 tỷ đồng, bao gồm: Lợi nhuận từ khoáng sản: 162 tỷ đồng; Lợi nhuận từ kinh doanh khác: 1 tỷ đồng.

1.2. Công ty mẹ - Tổng công ty

- Doanh thu: 3.152 tỷ đồng

  trong đó: Doanh thu khoáng sản: 3.104 tỷ đồng

  Doanh thu khác: 48 tỷ đồng

- Lợi nhuận Công ty mẹ: 94 tỷ đồng, trong đó: Từ khoáng sản: 93,57 tỷ đồng; Kinh doanh khác:0,43 tỷ đồng).

1.3. ĐTXD cơ bản: 1.476 tỷ đồng. Trong đó: Chuẩn bị dự án, thực hiện đầu tư: 1.335,29 tỷ đồng; Trả nợ khối lượng năm trước: 0 tỷ đồng; Dự phòng: 140,71tỷ đồng.

1.4. Tiền lương và các chế độ chính sách đối với người lao động:

Lao động bình quân: 4.812 người, trong đó: Công ty mẹ 1.986 người.

Điều hành đảm bảo tiền lương bình quân chung toàn Tổng công ty đạt 8,976tr.đ/người/tháng, bằng 118,28% so với dự kiến thực hiện năm 2019, trong đó: Công ty mẹ - Tcty: 10,453 tr.đ/người/tháng.

*** Một số chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2020-2025:**

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	LŨY KẾ
A	**Chỉ tiêu về giá trị**							
1	Doanh thu hợp nhất	Tr.đ	7.515.550	8.310.000	8.310.000	8.310.000	8.310.000	40.755.549
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	187.389	207.250	207.250	207.250	207.250	1.016.389
3	Nộp ngân sách	Tr.đ	890.000	900.000	900.000	900.000	900.000	4.500.000
4	Kế hoạch đầu tư XDCB	Tr.đ	1.609.709	730.784	543.025	775.066	1.026.438	4.685.022

2. Tăng cường giám sát, chỉ đạo bộ máy quản lý điều hành thực hiện công tác sản xuất kinh doanh và ĐTXD của Tổng công ty có hiệu quả. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính năm 2020, đảm bảo cân đối và thu xếp đủ vốn để thực hiện đầu tư, đáp ứng yêu cầu SXKD, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông theo đúng nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Điều lệ của Tổng công ty và pháp luật đảm bảo quyền lợi chính đáng của các Cổ đông;

3. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động của Tổng công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy chế hiện hành; Đẩy mạnh quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro.

4. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị xã hội của Tổng công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình SXKD vì mục tiêu phát triển Tổng Công ty, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động xây dựng Tổng công ty ngày càng phát triển;

5. Nâng cao hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty ở các doanh nghiệp mà Tổng công ty có vốn góp, giảm và từng bước tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị để khắc phục tình trạng giám sát đặc biệt.

6. Chỉ đạo Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty con tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ nội bộ, công nợ phải thu của các khách hàng và các khoản công nợ tồn đọng khác.

7. Chỉ đạo thực hiện và tổ chức giám sát tốt việc thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm về tuân thủ chính sách pháp luật trong đầu tư và tiến độ, chất lượng đầu tư. Tổ chức thực hiện các nội dung về các dự án dở dang, quyết toán vốn đầu tư, xử lý tồn đọng về tài chính, tài sản, thu hồi công nợ nội bộ, công nợ phải thu của các khách hàng và các khoản công nợ tồn đọng khác.... của các công ty con, đơn vị trực thuộc theo nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

8. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm đảm bảo hiệu quả SXKD toàn Tổng công ty;

9. Tiếp tục tập trung thực hiện Đề án tái cơ cấu của Tổng công ty. Thực hiện tái cơ cấu vốn của cổ đông. Thực hiện và chấp hành nghiêm túc việc quản lý cổ đông, công bố thông tin và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

10. Thực hiện pháp luật về an toàn lao động, an toàn môi trường;

11. Chuẩn bị các nguồn lực để chuẩn bị cho kế hoạch 2020: Năng lực hoạt động của thiết bị, bổ sung, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tài nguyên sẵn sàng ngay trong năm 2020.

12. Xây dựng đề án tái cơ cấu giai đoạn 2020 - 2025; Quan tâm đến xây dựng, đào tạo và bổ sung tuyển dụng cán bộ đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ. Tổ chức tuyển dụng theo quy chế được HĐQT phê duyệt. Hoàn thiện bộ máy quản lý, nâng cao năng lực quản lý của cán bộ về đầu tư xây dựng. Xây dựng kỷ luật kỷ cương và văn hóa doanh nghiệp;

13. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nâng cao hơn trách nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Tiếp tục xây dựng hệ thống văn bản quản lý phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế của Tổng công ty. Chỉ đạo rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định theo thẩm quyền để ban hành thực hiện thống nhất trong toàn Tổng công ty.

14. Về thù lao HĐQT, BKS đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao HĐQT và BKS như kế hoạch 2020 trình Đại hội.

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2019, nhiệm kỳ 2016-2020, phương hướng hoạt động năm 2020, nhiệm kỳ 2020-2025, HĐQT trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VP, HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103084 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

Số 512 /BC-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ THẨM TRA TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH NĂM 2019 TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2015 - 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM KỲ NĂM 2020 - 2025

Kính thưa:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;
- Toàn thể các Quý cổ đông!

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát Tổng công ty;

Thay mặt Ban kiểm soát (BKS), tôi xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP trong năm 2019 và nhiệm kỳ 2015-2020 như sau:

PHẦN THỨ I

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Nhân sự của Ban Kiểm soát:

- BKS Tổng công ty nhiệm kỳ 2015 - 2020 do ĐHĐCĐ lần thứ nhất Tổng công ty tổ chức ngày 18/9/2015 bầu gồm 03 thành viên:

1. Ông: Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát;
2. Ông: Mai Tất Lã - Thành viên Ban kiểm soát;
3. Ông: Lê Anh Sơn - Thành viên Ban kiểm soát.

- Trong nhiệm kỳ, BKS có một sự thay đổi về nhân sự, theo đó: ngày 17/3/2018, ĐHĐCĐ thường niên Tổng công ty năm 2018 đã bầu ông Phạm Xuân Phong - Phó trưởng Ban KSNB Tập đoàn TKV thay thế ông Mai Tất Lã nghỉ chế độ hưu trí. Danh sách BKS hiện tại gồm:

1. Ông: Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát;
2. Ông: Phạm Xuân Phong - Thành viên Ban kiểm soát;
3. Ông: Lê Anh Sơn - Thành viên Ban kiểm soát.

2. Tổng kết các cuộc họp:

- Trong năm cũng như trong nhiệm kỳ, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ với tỷ lệ tham dự họp, làm việc của từng thành viên đạt trên 90%, số cuộc họp năm 2019 là 9/56 cuộc cả nhiệm kỳ (phù hợp với Điều lệ và Quy chế của BKS) để làm việc cụ thể, tổng kết các công việc đã thực hiện và lập kế hoạch cho kỳ tiếp theo và báo cáo kiến nghị phù hợp.

- Ngoài ra BKS tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), giao ban điều hành và một số cuộc họp theo chuyên đề để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc (BGĐ) Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

3. Hoạt động của BKS năm 2019:

Hoạt động của BKS trong năm 2019 được tiến hành chủ động, thực hiện kiểm tra, kiểm soát theo chức năng được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của BKS. Các hoạt động của BKS đều đặn, BKS làm việc tập trung 09 cuộc và qua điện thoại, hoặc Email, cụ thể:

- BKS thường xuyên nghiên cứu tài liệu và tham gia các cuộc họp HĐQT; giao ban điều hành; giao ban định kỳ và một số cuộc họp đột xuất, theo chuyên đề; Tại các cuộc họp BKS có nhiều ý kiến đóng góp, tư vấn kịp thời và thực hiện giám sát việc thực hiện các chỉ đạo, kiến nghị của cổ đông.

- Theo dõi, giám sát các hoạt động của HĐQT thông qua việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, tuân thủ Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty và các quy định của Nhà nước;

- Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc thông qua việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc Tổng công ty trong từng lĩnh vực thuộc quyền hạn của mình được quy định tại Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng, Ban của Tổng công ty, Tập đoàn TKV để kiểm tra, xem xét: tình hình hoạt động SXKD của Tổng công ty (Công ty mẹ), báo cáo thực hiện đầu tư XDCB và một số hồ sơ đầu tư, mua sắm vật tư và đánh giá tồn kho vật tư, công tác tái cơ cấu doanh nghiệp, sửa chữa tài sản cố định và một số hồ sơ cụ thể…

- Xem xét việc ban hành hệ thống quy chế, quy định của Tổng công ty.

- Tham gia lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019 của Công ty Mẹ. Tham gia, phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán BCTC 06 tháng, năm của Công ty Mẹ và BCTC hợp nhất, đồng thời xem xét các ý kiến của kiểm toán thông qua thư quản lý; Giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra;

- Thông qua Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại một số công ty CP lớn, Công ty trong diện giám sát tài chính đặc biệt: kiểm tra một số lĩnh vực

liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm vật tư, đánh giá tồn kho vật tư, quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và việc chấp hành nghĩa vụ của Người đại diện, chấp hành chính sách của Nhà nước;

- Thực hiện lập các báo cáo theo quy định đối với BKS báo cáo trước ĐHĐCĐ và cổ đông lớn Tập đoàn TKV đảm bảo thời gian, chất lượng.

- Một số nhiệm vụ khác

Năm 2019 và trong nhiệm kỳ, BKS: không nhận được đơn thư khiếu nại nào của cổ đông và CBCNV về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và việc quản lý điều hành của HĐQT và BGĐ.

Nhận xét, đánh giá:

Ưu điểm:

- Các thành viên BKS luôn đoàn kết, thể hiện tinh thần độc lập, khách quan và tôn trọng pháp luật trong công tác giám sát mọi hoạt động của Tổng công ty;

- Các thành viên BKS luôn nỗ lực bám sát chức năng nhiệm vụ của Ban, theo sát tình hình hoạt động của Tổng công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng, đề xuất giải pháp, góp phần đảm bảo cho hoạt động của Tổng công ty giảm thiểu rủi ro và tuân thủ pháp luật.

- Các thành viên BKS phối hợp với HĐQT, BGĐ, các phòng ban chức năng và các cá nhân liên quan trong quá trình thực hiện công việc để thực hiện công việc giám soát của BKS.

Tồn tại:

Do nhân sự của BKS mỏng, đa phần kiêm nhiệm và có sự biến động trong nhiệm kỳ, trong khi quy mô của Tổng công ty lớn, hoạt động trên nhiều địa bàn nên mức độ thực hiện các hoạt động kiểm soát của BKS đôi khi chưa được như mong muốn.

3. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, BGĐ:

- Trong nhiệm kỳ HĐQT cũng như BGĐ có nhiều thay đổi nhân sự: HĐQT đã chỉ đạo, triển khai thực hiện các thủ tục bãi nhiệm, bầu thay thế nhân sự phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác liên quan

- BKS thực hiện việc giám sát thực nhiệm vụ của HĐQT, các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ theo quy định, đề cao trách nhiệm trước cổ đông và người lao động. HĐQT thực hiện các cuộc họp thường kỳ, đột xuất khác, mọi cuộc họp, đều đảm bảo về số lượng thành viên HĐQT tham gia theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, trong năm HĐQT họp 48 cuộc ban hành 215 Nghị quyết (cả nhiệm kỳ họp 245 cuộc, ban hành 1.040 nghị quyết)

HĐQT đã thể hiện đúng vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty, có các quyết sách kịp thời, toàn diện phục vụ kịp thời cho hoạt động của Tổng công ty.

- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đủ căn cứ pháp lý và phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ của Tổng công ty;

- HĐQT thực hiện việc giám sát hoạt động của BGĐ trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và phối hợp với BGĐ chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kỳ.

- Tổng giám đốc cũng như BGĐ luôn bám sát các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, Điều lệ của Tổng công ty, các Quy chế, quy định quản trị nội bộ của Tổng công ty;

Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của HĐQT, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo.

HĐQT và BGĐ đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ Tổng công ty quy định, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty diễn ra ổn định trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động phức tạp.

BKS không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc và cán bộ quản lý của Tổng công ty.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT, BGĐ trong năm 2019 và nhiệm kỳ:

- BKS được HĐQT và BGĐ cũng như các Phòng, Ban chuyên môn tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty Mẹ Tổng công ty;

- Các hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đều được chỉ đạo giám sát chặt chẽ của HĐQT, BGĐ thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo phù hợp;

- BKS đều có báo cáo, kiến nghị bằng văn bản, bằng hình thức phù hợp gửi HĐQT. Những kiến nghị của BKS đều được ghi nhận và triển khai thực hiện;

- Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, BKS đánh giá Tổng Giám đốc, BGĐ trong nhiệm kỳ đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ; đúng quy chế và phù hợp với Luật doanh nghiệp cũng như Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, triển khai kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, không có vi phạm nào ảnh hưởng lớn tới hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

PHẦN THỨ II

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN, KẾT QUẢ SXKD; THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019.

1. Một số điểm chung trong nhiệm kỳ:

- Năm tài chính của Tổng công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm; Công ty Mẹ Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ 06/10/2015, do vậy Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Mẹ xác định từ thời điểm 06/10/2015 đến 31/12/2016 là phù hợp với quy định của Luật kế toán;

- Tổng công ty là đơn vị 02 cấp kế toán (Công ty mẹ gồm: Văn phòng và các đơn vị trực thuộc; các công ty con (cổ phần chi phối). Trong nhiệm kỳ Tổng công ty ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán có đầy đủ năng lực là Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC và Công ty Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện kiểm toán Công ty Mẹ và phát hành báo cáo kiểm toán của Công ty mẹ và báo cáo kiểm toán hợp nhất toàn Tổng công ty (các Công ty con trực tiếp lựa chọn đơn vị kiểm toán);

- Cơ quan Thuế đã thực hiện kiểm tra thuế đối với Công ty Mẹ tới thời điểm hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Tổng công ty đã chấp hành nộp đầy đủ số thuế và nghĩa vụ khác theo kiến nghị của cơ quan Thuế.

- Tổng công ty đã chấp hành việc công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ, thông tin bất thường về tình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị của Tổng công ty.

2. Nội dung Báo cáo:

2.1. Xác nhận tính tuân thủ:

BKS báo cáo trước ĐHĐCĐ kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng công ty (Công ty mẹ) như sau:

1. Xác nhận tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và độ tin cậy trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành Tổng công ty;

2. Xác nhận tính tuân thủ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra;

3. Tổ chức bộ máy kế toán đảm bảo phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của Tổng công ty;

Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng công ty (Công ty mẹ, hợp nhất) do Công ty Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán. Theo kết luận của kiểm toán BCTC của Tổng công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với Chuẩn mực chế toán và Chế độ kế toán hiện hành;

BKS xác nhận tính trung thực, chính xác trong tổ chức công tác kế toán, thống kê, tài chính và lập báo cáo tài chính năm 2019. Báo cáo tài chính năm 2019 đã được lập đầy đủ mẫu biểu theo chế độ quy định theo Thông tư số

200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kiểm toán Việt nam, chế độ kế toán doanh nghiệp

2.2 Kết quả sản xuất kinh doanh năm, chi cổ tức:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	**Doanh thu thuần**	**3,917,999**	**5,404,903**	**5,688,476**	**6.145.240**
	Trong đó Công ty Mẹ	*3,501,957*	*5,299,235*	*5,392,344*	*6.059253*
2	**Lợi nhuận trước thuế**	**31,963**	**312,322**	**225,559**	**15.510**
	Trong đó Công ty Mẹ	*27,792*	*178,155*	*101,240*	*137.672*
3	**Lợi nhuận sau thuế**	**8,335**	**240,998**	**174,326**	**(43.023)**
	Trong đó Công ty Mẹ	*24,679*	*151,532*	*91,444*	*106.706*
4	**Tỷ lệ chia cổ tức của Công ty Mẹ Tổng công ty (%)**	**1%**	**6,3%**	**2,5%**	**3%**

- Tỷ lệ chia cổ tức năm 2016: 1% không đạt so với Nghị quyết ĐHĐCĐ (2,5%), năm 2017 tỷ lệ chia cổ tức là 6,3%/2,5% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Nhìn chung lợi nhuận Công ty Mẹ trong nhiệm kỳ không cao, mặc dù HĐQT, BGĐ đã có nhiều cố gắng, nhiều giải pháp điều hành chi phí kịp thời nhưng do biến động của một số nguyên nhân so với giai đoạn trước CP đã ảnh hưởng lớn tới kết quả kinh doanh: (1) giá bán sản phẩm chủ yếu (đồng tấm) trong nhiệm kỳ biến động bất lợi so với chu kỳ trước (từ 108,773 triệu đồng năm 2016, tới 147,039 triệu đồng năm 2018); (2) bắt đầu từ năm 2015 còn phải hạch toán trong chi phí SXKD tiền cấp sử dụng tài liệu địa chất 22,02 tỷ đồng, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 200,52 tỷ đồng- riêng năm 2018 là 103 tỷ đồng; (3) Thuế tài nguyên, các loại phí cao và thường xuyên có điều chỉnh tăng,…

2.3. Một số chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12 hàng năm:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	**Tổng tài sản**	**6,510,700**	**7,001,294**	**7,930,931**	**7.760.501**
	Trong đó Công ty Mẹ	***3,804,228***	***4,470,990***	***5,385,382***	***5.615.574***
1.1	Tài sản ngắn hạn	1,754,493	2,125,043	2,818,248	2.521.009
	- Trong đó Công ty Mẹ	*1,307,216*	*1,572,877*	*2,167,804*	*2.184.711*
1.2	Tài sản dài hạn	4,756,207	4,876,250	5,112,684	5.239.492
	- Trong đó Công ty Mẹ	*2,497,012*	*2,898,113*	*3,217,579*	*3.430.863*

2	**Tổng nguồn vốn**	**6,510,700**	**7,001,294**	**7,930,931**	**7.760.501**
	Trong đó Công ty Mẹ	***3,804,228***	***4,470,990***	***5,385,382***	***5.615.574***
2.1	Nợ phải trả	4,008,751	4,354,181	5,345,672	5.361.311
	- Trong đó Công ty Mẹ	*1,725,547*	*2,301,971*	*3,289,074*	*3.481.710*
2.1.1	Nợ ngắn hạn	1,750,070	2,338,207	3,246,541	3.229.779
	- Trong đó Công ty Mẹ	*855,907*	*1,520,256*	*2,270,514*	*2.238.601*
2.1.2	Nợ dài hạn	2,258,681	2,015,973	2,099,130	2.131.532
	- Trong đó Công ty Mẹ	*869,640*	*781,714*	*1,018,560*	*1.243.109*
2.2	Vốn Chủ sở hữu (Chỉ tiêu 400 của BCĐKT)	2,501,949	2,647,113	2,585,260	2.399.190
	- Trong đó Công ty Mẹ	*2,078,681*	*2,169,019*	*2,096,308*	*2.133.863*
3	**Vốn CSH của Công ty Mẹ (chỉ tiêu 410 BCĐKT)**	**2,024,575**	**2,151,531**	**2,091,757**	**2.129.849**
	Trong đó vốn góp của Chủ sở hữu	2,000,000	2,000,000	2,000,000	2,000,000

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần):**				
	- Hệ số thanh toán hiện thời	1.00	0,91	0,87	0,78
	Trong đó Công ty Mẹ	*1,53*	*1,03*	*0,95*	*0,98*
	- Hệ số thanh toán nhanh	0,34	0,4	0,38	0,36
	Trong đó Công ty Mẹ	*0,92*	*0,63*	*0,7*	*0,71*
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn (lần):**				
	- Hệ số nợ/VCSH	1,63	1,65	2,07	2,23
	Trong đó Công ty Mẹ	*0,84*	*1,06*	*1,56*	*1,62*
	- Hệ số nợ/Vốn điều lệ	1,99	2,16	2,66	2,66
	Trong đó Công ty Mẹ	*0.86*	*1,15*	*1,64*	*1,74*
3	**Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản**				
	- Tỷ lệ đầu tư vào tài ngắn hạn	27.00%	30,35%	35,53%	32,49%
	Trong đó Công ty Mẹ	*34.00%*	*35,18%*	*40,25%*	*38.9%*

	- Tỷ lệ đầu tư vào tài ngắn hạn	73.00%	69,65%	64,47%	67,51%
	- Trong đó Công ty Mẹ	*66.00%*	*64.82%*	*59,75%*	*61,1%*
4	**Hệ số về khả năng sinh lời**				
	- Tỷ suất LN sau thuế/doanh thu	0,21%	4,46%	3,06%	-0,7
	Trong đó Công ty Mẹ	*0,68%*	*2,86%*	*1,7%*	*1,76*
	- Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA):	0,13%	3,57%	2,33%	-0,55%
	Trong đó Công ty Mẹ	*0,53%*	*3,66%*	*1,86%*	*1,94%*
	- Tỷ suất sinh lời/Vốn CSH	0,34%	9,55%	6,73%	-1,74%
	Trong đó Công ty Mẹ	*0.98%*	*7,26%*	*4,31%*	*5,06%*

Một số nhận xét:

- Nhìn chung kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và các năm trong nhiệm kỳ không cao nhưng Công ty Mẹ Tổng công ty bảo toàn vốn;

- Khả năng thanh toán nhanh của Công ty Mẹ cơ bản đảm bảo

- Hệ số nợ trên VCSH: Công ty Mẹ và toàn Tổng công ty đều nhỏ hơn 3 lần đảm bảo theo quy định, phù hợp quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế tài chính của Tổng công ty.

- Cơ cấu vốn đầu tư: được ưu tiên đầu tư dài hạn là phù hợp.

3. Một số hoạt động khác:

Báo cáo các tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB năm 2019 và nhiệm kỳ của Tổng công ty đã được đánh giá đầy đủ. BKS thống nhất với các báo cáo của HĐQT, báo cáo của Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông.

PHẦN THỨ III

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2020 -2025

1. Kiến nghị và đề xuất với HĐQT, BGĐ trong nhiệm kỳ mới:

- Tiếp tục chỉ đạo nhằm đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án (DA), đặc biệt là các DA đầu tư trọng điểm, quan tâm công tác an toàn lao động, nghiệm thu, thanh toán cho Nhà thầu được kịp thời, tăng cường công tác giám sát tiến độ đầu tư DA nói chung và gói thầu cụ thể nói riêng, cùng với công tác quản lý chặt chẽ chất lượng, tiến độ, giá trị các gói thầu đã và đang triển khai, đảm bảo tiến độ, chất lượng và tiết kiệm chi phí đầu tư;

- Tiếp tục chỉ đạo, tăng cường rà soát, kịp thời quyết toán vốn đầu tư DA hoàn thành, các chi phí tiền đầu tư hoặc DA có nguy cơ không triển khai. Rà soát, đánh giá hiệu quả một số DA đầu tư tại các Công ty con để có định hướng, điều chỉnh, quyết sách kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, tránh rủi ro cao nhất;

- Có chiến lược đầu tư thích hợp, thận trọng triển khai các lĩnh vực đầu tư mới;

- Chỉ đạo việc xây dựng và tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế làm cơ sở cho công tác điều hành, đánh giá hiệu quả, kiểm soát rủi ro; tăng cường công tác dự báo và quản trị rủi ro để hạn chế rủi ro cho các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

- Với công tác tái cấu trúc lại doanh nghiệp: Chỉ đạo Tổng công ty phối hợp cao nhất với Tập đoàn TKV và đơn vị liên quan để thực hiện việc thoái phần vốn của Nhà nước thông qua Tập đoàn TKV đầu tư vào Tổng công ty theo quy định của Nhà nước và đẩy nhanh tiến độ thoái vốn của Tổng công ty đầu tư tại các Công ty con, Công ty liên kết theo đề án đã phê duyệt;

- Tiếp tục chỉ đạo Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con: tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ nội bộ, công nợ phải thu của các khách hàng và các khoản công nợ tồn đọng khác.

- Tiếp tục chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty cổ phần, liên kết bám sát các đơn vị, ngày càng nâng cao hơn nữa hiệu qủa sản xuất kinh doanh; đặc biệt Công ty CP Gang thép Cao Bằng (CISCO) là đơn vị mà Tổng công ty góp vốn lớn. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với các Người đại diện phần vốn tại các Công ty con, liên kết. Đề nghị tiếp tục quyết liệt chỉ đạo, tạo mọi nguồn lực hợp pháp hỗ trợ các Công ty sản xuất kinh doanh còn gặp khó khăn.

- Chỉ đạo Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con tuân thủ các quy chế, quy định của Nhà nước, Tổng công ty trong công tác mua sắm vật tư, tiêu thụ sản phẩm, ngoài việc đảm bảo chất lượng vật tư, giá cả cạnh tranh, mở rộng nguồn cung cấp... cần đảm bảo tỷ lệ tồn kho vật tư hợp lý, không ảnh hưởng tới tính liên tục của hoạt động kinh doanh và góp phần tiết kiệm chi phí tài chính;

- Bắt đầu từ năm 2019 và nhiệm kỳ tới các DA đầu tư trọng điểm của Công ty Mẹ Tổng công ty đã và sẽ hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng; như vậy Tổng công ty sẽ đứng trước các cơ hội phát triển mới, nâng cao quy mô của Tổng công ty; nhưng đồng thời cũng đứng trước các thách thức mới. Đề nghị HĐQT, BGĐ: quan tâm phát triển nguồn tài nguyên, nguyên liệu chính phục vụ cho sản xuất; chuẩn bị các giải pháp nhằm ứng phó với diễn biến bất lợi của thị trường, giá bán (có thể có); hoạch định và có chính sách để bổ sung và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất kinh doanh; tăng cường áp dụng công nghệ trong công tác quản lý và trong hoạt động sản xuất kinh doanh; nhanh chóng ổn định công nghệ, thường xuyên rà soát, có giải pháp để giảm định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu đối với các Nhà máy, tài sản đã, đang hoạt động cũng như trong thời gian tới nhằm giảm giá thành sản xuất...

- Những ngày đầu năm, tình hình dịch covid-19 diễn biến rất phức tạp, khó lường: Đề nghị HĐQT, BGĐ ngoài việc quyết liệt chỉ đạo phòng chống dịch covid -19 theo chỉ đạo của Chính phủ và ban ngành liên quan, cần quyết liệt hơn nữa trong chỉ đạo, có nhiều giải pháp ứng phó kịp thời trong sản xuất kinh doanh, đầu tư nhằm phòng dịch hiệu quả và hạn chế cao nhất với các ảnh hưởng bất lợi của dịch covid-19 đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Tổng công ty.

2. Đề nghị thù lao, chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát đề nghị thù lao của Ban Kiểm soát thực hiện theo chế độ của Nhà nước, Tập đoàn TKV và quy định cụ thể phù hợp đặc thù, quy mô của Tổng công ty;

- Các chế độ khác (chế độ công tác phí, đào tạo, các chi phí khác) thực hiện theo quy định hiện hành của Tổng công ty.

3. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

3.1 Phương hướng chung:

- Tiếp tục phát huy vai trò của BKS: thực hiện quyền thay mặt cổ đông để giám sát, kiểm soát hoạt động của HĐQT, BGĐ; hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Tổng công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty, quy chế tổ chức hoạt động của BKS và các quy định khác có liên quan;

- Ban kiểm soát phấn đấu nghiên cứu, hoàn thiện kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, rộng hơn để đảm bảo hoạt động của BKS vừa có tính tư vấn, giám sát bảo vệ tối đa lợi ích của các cổ đông và không ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

3.2 Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Nghiên cứu tài liệu để tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban, Ban điều hành và các cuộc họp đột xuất liên quan trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và có các ý kiến phát biểu, đóng góp kịp thời;

- Giám sát các hoạt động của HĐQT thông qua việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết các cuộc họp của HĐQT, các quy chế, quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Tổng công ty ban hành;

- Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, các quy định của Tổng giám đốc Tổng công ty trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT công ty và tài liệu khác liên quan;

- Tham gia vào việc lựa chọn và đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 và hàng năm. Thực hiện chương trình kiểm soát tình hình hoạt động SXKD của Công ty Mẹ Tổng công

ty và thông qua Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị Cổ phần lớn, trọng điểm, đơn vị có hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn để kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh, thực hiện đầu tư..). Thực hiện kiểm soát linh hoạt hàng năm theo một số chuyên đề về quản lý vật tư; tiêu thụ sản phẩm, sửa chữa TSCĐ, đầu tư …

- Xem xét việc ban hành hệ thống quy chế, quy định của Tổng công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật (bao gồm nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác…).

- Kiểm soát việc thực hiện quỹ tiền lương, thực hiện lao động, thu nhập và thực hiện quyền lợi của người lao động và các hoạt động khác, theo Biên bản nghị quyết Hội nghị người lao động hàng năm và Biên bản Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua.

- Bố trí thời gian cao nhất tham gia cùng bộ phận thanh tra, kiểm toán của Tổng công ty và bộ phận khác thực hiện một số cuộc kiểm tra theo kế hoạch của bộ phận thanh tra, kiểm toán đã lập, nhằm hạn chế chồng chéo trong công tác kiểm tra đối với đơn vị.

- Lập các báo cáo yêu cầu đối với BKS theo quy định đảm bảo tiến độ;

- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình sản xuất kinh doanh cụ thể hàng năm để có các định hướng, chuyên đề kiểm soát khác cụ thể, phù hợp.

- Các nội dung khác phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty.

Kính chúc các Quý vị cổ đông mạnh khỏe!

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT, BKS.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV VIMICO

Lương Văn Lĩnh

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 513 /TTr - VIMICO

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH
V/v thay đổi Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Tổng công ty được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;

Căn cứ Quyết định số 824/QĐ-TKV ngày 13/5/2019 của TKV về việc thay đổi Người đại diện QLPV của TKV và Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 1116/NQ-VIMICO ngày 15/5/2019 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP,

Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP thông qua việc thay đổi nhân sự Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP như sau:

1. Căn cứ điểm e, khoản 5 Điều 26 Điều lệ Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, ông Vũ Văn Long không còn tư cách thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP từ ngày 15/5/2019.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP xem xét, thông qua.

2. HĐQT báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả bầu Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV như sau: Ông Nguyễn Văn Hải - Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhiệm kỳ 2015 - 2020 kể từ ngày 15/5/2019 theo Nghị quyết số 1118/NQ-VIMICO ngày 15/5/2019 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hải

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Số: 520 /TTr -VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH2013 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP.

Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty dự kiến tổ chức vào ngày 25/3/2020 sẽ bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2020-2025. HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua nội dung về ứng cử, đề cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2020-2025 như sau:

I. Nguyên tắc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

1. Số lượng, nhiệm kỳ thành viên HĐQT:

- Số lượng Thành viên HĐQT: 05 người, trong đó, Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

- Nhiệm kỳ: 05 năm, 2020-2025.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của người được đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

Ứng viên HĐQT cần đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty như sau:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

c. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

d. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

e. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

3. Quyền đề cử của cổ đông:

Điều kiện đề cử thành viên HĐQT theo quy định và Điều lệ Tổng công ty.

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

II. Nguyên tắc ứng cử, đề cử thành viên BKS

1. Số lượng, nhiệm kỳ thành viên BKS:

- Số lượng Thành viên BKS: 03 người.

- Nhiệm kỳ: 05 năm, 2020-2025.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của người được đề cử, ứng cử thành viên BKS

Ứng viên BKS cần đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty như sau:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b. Kiểm soát viên không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty Khoáng sản TKV-CTCP;

c. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý công ty, không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

d. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết Pháp luật.

e. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

3. Quyền đề cử của cổ đông:

Điều kiện đề cử thành viên BKS theo quy định và Điều lệ Tổng công ty.

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

III. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT, BKS

1. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT, BKS:

Các ứng viên HĐQT, BKS phải có đủ hồ sơ đăng ký ứng cử, đề cử hợp lệ, được lập theo biểu mẫu được đăng tải trên website của Tổng công ty tại địa chỉ: www.vimico.vn.

Hồ sơ tham gia ứng cử vào HĐQT, BKS gồm:

1. Phiếu đề cử hoặc ứng cử thành viên HĐQT, BKS (theo mẫu);

2. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai theo mẫu của Tổng công ty (trừ ứng viên là là cổ đông nội bộ đang có thông tin công bố theo quy định);

3. Bản sao công chứng: CMTND/CCCD; hộ khẩu thường trú hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn; các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (trừ ứng viên là là cổ đông nội bộ đang có thông tin công bố theo quy định).

4. Thư cam kết thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT, BKS;

5. Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử.

2. Thời hạn gửi và địa điểm nhận hồ sơ đề cử, ứng cử:

Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi tới Tổng Công ty Khoáng sản – TKV trước 15h00' ngày 22/3/2020 theo địa chỉ sau:

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tổng Công ty Khoáng sản TKV

Địa chỉ: 193 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 6287 6666 Fax: (84.4) 6288 3333

(Nếu hồ sơ là bản fax, scan thì phải gửi lại bản gốc khi đăng ký tham dự trước cuộc họp).

IV. Danh sách ứng cử viên

Căn cứ trên các hồ sơ ứng cử và đề cử gửi về, Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 sẽ kiểm tra tính hợp lệ của các hồ sơ. Các ứng viên và hồ sơ đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định nêu trên pháp luật có liên quan sẽ được đưa vào Danh sách ứng cử viên trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua và bầu cử tại Đại hội. Danh sách ứng cử viên HĐQT và BKS sẽ được công bố trên trang web của Tổng công ty trước ngày họp ĐHĐCĐ để cổ đông có thể tìm hiểu và quyết định trước khi bỏ phiếu.

Trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty xem xét thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103087 C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

Số: 527 /TB - VIMICO

THÔNG BÁO
Về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025

Kính gửi: Quý vị Cổ đông Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Căn cứ Nghị quyết số 276/NQ-VIMICO ngày 12/02/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP về việc thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Ngày 18/9/2015, ĐHDCĐ lần thứ nhất Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP đã bầu ra thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020. Năm 2020, thành viên HĐQT, BKS đã kết thúc nhiệm kỳ. Theo quy định Tổng công ty sẽ tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 vào ngày 25/03/2020.

Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật, đồng thời tăng cường năng lực quản trị, kiểm soát về các hoạt động của Tổng công ty trong nhiệm kỳ mới. Hội đồng quản trị Tổng công ty kính đề nghị quý vị cổ đông tham gia đề cử, ứng cử nhân sự có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty tham gia là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 trình Đại hội bầu cử theo thẩm quyền*(Có mẫu kèm theo thông báo này)*

Hồ sơ đề cử, ứng xử xin gửi về Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông qua đường bưu điện, fax, email trước 17h00 ngày **22/03/2020** theo địa chỉ sau:

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Địa chỉ: 193 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 6287 6666 Fax: (84.4) 6288 3333

Người liên hệ trực tiếp bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Phó Chánh Văn phòng, Thư ký Tổng công ty. Số điện thoại: 0904.268.986.

Email:thaonguyen.tkv@gmail.com

Hồ sơ đề cử, ứng cử nhân sự tham gia là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sẽ được Ban tổ chức tập hợp và trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tiến hành bầu cử theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hải

MẪU 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP NHÓM
Về việc đề cử, ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Vào hồi….giờ….ngày….tháng….năm 2020, tại ……, chúng tôi là nhóm cổ đông của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nắm giữ tổng cộng là …… cổ phần (viết bằng chữ ……), chiếm ….. % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty, với thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng cho đến thời điểm hiện tại. Dưới đây là thông tin của từng cổ đông trong nhóm:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CMND/ĐKKD	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	KÝ TÊN
1					
2					
3					
4					
	Tổng cộng				

Chúng tôi thống nhất đề cử:

1 .Ông (Bà): …… ……

CMND/thẻ căn cước/hộ chiếu số ……Ngày cấp…….nơi cấp ……

Địa chỉ thường trú: …… ……

Trình độ: Học vấn: … …… Chuyên ngành ……

Hiện đang sở hữu: …… cổ phần (bằng chữ: ……)

Tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 theo Điều lệ Tổng công ty và Quy chế bầu cử tại Đại hội.

2. Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

CMND/thẻ căn cước/hộ chiếu số ……Ngày cấp…….nơi cấp ……

Địa chỉ thường trú: …… ……

Trình độ: Học vấn: … …… Chuyên ngành ……

Hiện đang sở hữu: ……cổ phần (bằng chữ: ……)

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy định về việc đề cử, ứng cử tham gia Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025 để bầu thành viên Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Tổng công ty.

……, ngày tháng năm 2020

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

MẪU 02

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP NHÓM
Về việc đề cử, ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Vào hồi….giờ….ngày….tháng….năm 2020, tại ……, chúng tôi là nhóm cổ đông của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nắm giữ tổng cộng là …… cổ phần (viết bằng chữ ……), chiếm ….. % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty, với thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng cho đến thời điểm hiện tại. Dưới đây là thông tin của từng cổ đông trong nhóm:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CMND/ĐKKD	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	KÝ TÊN
1					
2					
3					
4					
	Tổng cộng				

Chúng tôi thống nhất đề cử:

1 .Ông (Bà): …… ……

CMND/thẻ căn cước/hộ chiếu số ……Ngày cấp…….nơi cấp ……

Địa chỉ thường trú: …… ……

Trình độ: Học vấn: … …… Chuyên ngành ……

Hiện đang sở hữu: …… cổ phần (bằng chữ: ……)

Tham gia ứng cử thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 theo Điều lệ Tổng công ty và Quy chế bầu cử tại Đại hội.

2. Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

CMND/thẻ căn cước/hộ chiếu số ……Ngày cấp…….nơi cấp ……

Địa chỉ thường trú: …… ……

Trình độ: Học vấn: … …… Chuyên ngành ……

Hiện đang sở hữu: ……cổ phần (bằng chữ: ……)

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy định về việc đề cử, ứng cử tham gia Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025 để bầu thành viên Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Tổng công ty..

……, ngày tháng năm 2020

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

MẪU 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP NHIỆM KỲ 2020-2025 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 13 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP.

Tôi tên là: .....

Số CMND/thẻ căn cước/hộ chiếu:.....Nơi cấp:.....Cấp ngày: .....

Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Trình độ học vấn: .....Trình độ chuyên môn, kỹ thuật: .....

Tôi nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết tại Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP liên tục ít nhất sáu (06) tháng cho đến thời điểm hiện tại là: ..... cổ phần.

Đề nghị Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niện năm 2020 Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP ghi nhận tôi đã đăng ký tham gia ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP nhiệm kỳ 2020-2025 để bầu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Tổng công ty (*có sơ yếu lý lịch, photocopy công chứng CMND và các giấy tờ bằng cấp, chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn kèm theo đơn này*).

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP.

Xin trân trọng cảm ơn!

..... *ngày .... tháng ..... năm 2020*

ỨNG CỬ VIÊN

MẪU 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP NHIỆM KỲ 2020-2025 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2024/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 13 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP.

Tên cá nhân/tổ chức: .....

CMND/thẻ căn cước/hộ chiếu/ĐKKD số:..... ngày cấp ..... tại .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .... Fax .....

Số cổ phần tổ chức/ cá nhân.....sở hữu liên tục ít nhất sáu (06) tháng tại Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP cho đến thời điểm hiện tại là ..... cổ phần.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP ghi nhận chúng tôi đã đề cử:

1. Ông/Bà: .....

Số CMND/Hộ chiếu: ..... Nơi cấp: ..... Cấp ngày: .....

Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Trình độ học vấn: ..... Trình độ chuyên môn kỹ thuật: .....

2. Ông/Bà: .....

Số CMND/Hộ chiếu: ..... Nơi cấp: ..... Cấp ngày: .....

Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Trình độ học vấn: ..... Trình độ chuyên môn kỹ thuật: .....

Để bầu vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025, người được chúng tôi đề cử xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

Xin trân trọng cảm ơn!

..... ngày .... tháng ..... năm 2019

NGƯỜI ĐỀ CỬ

MẪU 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP NHIỆM KỲ 2020-2025 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 13 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP.

Tôi tên là: .....

Số CMND/thẻ căn cước/hộ chiếu:.....Nơi cấp:.....Cấp ngày: .....

Ngày sinh: .....Nơi sinh: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Trình độ học vấn: ..... Trình độ chuyên môn, kỹ thuật: .....

Tôi nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết tại Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP liên tục ít nhất sáu (06) tháng cho đến thời điểm hiện tại là: ..... cổ phần.

Đề nghị Ban tổ chức ghi nhận tôi đã đăng ký tham gia ứng cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 (*có sơ yếu lý lịch, photocopy công chứng CMND và các giấy tờ bằng cấp, chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn kèm theo đơn này*).

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

Xin trân trọng cám ơn!

..... ngày .... tháng ... năm 2019

ỨNG CỬ VIÊN

MẪU 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP NHIỆM KỲ 2020-2025 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2024/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 13 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP.

Tên cá nhân/tổ chức: .....

CMND/thẻ căn cước/hộ chiếu/ĐKKD số:..... ngày cấp ..... tại .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .... Fax .....

Số cổ phần tổ chức/ cá nhân.....sở hữu liên tục ít nhất sáu (06) tháng tại Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP cho đến thời điểm hiện tại là ..... cổ phần.

Đề nghị Ban tổ chức ĐHĐCĐ ĐHĐCĐ thường niên năm Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP ghi nhận chúng tôi đã đề cử:

1. Ông/Bà: .....

Số CMND/Hộ chiếu: ..... Nơi cấp: ..... Cấp ngày: .....

Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Trình độ học vấn: ..... Trình độ chuyên môn kỹ thuật: .....

2. Ông/Bà: .....

Số CMND/Hộ chiếu: ..... Nơi cấp: ..... Cấp ngày: .....

Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Trình độ học vấn: ..... Trình độ chuyên môn kỹ thuật: .....

Để bầu vào vị trí thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025, người được chúng tôi đề cử xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

Xin trân trọng cảm ơn!

..... ngày ... tháng ..... năm 2019

NGƯỜI ĐỀ CỬ

MẪU 07

Ảnh 4x6
(ảnh màu mới nhất có đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận lý lịch)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các thành viên được đề cử, ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)

I. VỀ BẢN THÂN:

1. Họ và tên khai sinh: .....
2. Họ và tên thường dùng: .....
3. Bí danh: .....
4. CMND/ Hộ chiếu số: .....Cấp ngày: .....
   tại: .....
5. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
6. Ngày tháng năm sinh: .....
7. Nơi sinh: .....
8. Quốc tịch .....
9. Dân tộc: ..... 10. Tôn giáo: .....
11. Nguyên quán: .....
12. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: .....
13. Địa chỉ thường trú theo CMND: .....
14. Địa chỉ thường trú hiện nay: .....
15. Ngày vào cơ quan Nhà nước (nếu có): .....
16. Ngày vào Đảng (nếu là đảng viên): .....
17. Ngày tham gia các đoàn thể: .....
18. Sở trường công tác: .....
19. Tên của tổ chức đại diện (nếu có): .....
20. Địa chỉ của tổ chức uỷ quyền đại diện: .....
21. Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tại TMG: .....
22. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện tại TMG: .....
23. Trình độ học vấn: .....
24. Trình độ chuyên môn (ghi rõ khoá học): .....
25. Trình độ ngoại ngữ: .....
26. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp từ năm 18 tuổi):

.....
.....
.....
.....

26. Khen thưởng: .....

27. Kỷ luật: .....

28. Chức vụ công tác hiện nay: .....

29. Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): .....

II. MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH *(Bố, mẹ, vợ (chồng), anh chị em ruột, con)*

Mối quan hệ	Họ và tên	Tuổi	Nơi công tác	Chức vụ

III. CAM KẾT TRƯỚC PHÁP LUẬT:

Cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bản khai này.

Xác nhận[1]

..... *ngày ..... tháng ..... năm 2019.*

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi Chú:

[1] *Xác nhận của thủ trưởng cơ quan nếu cá nhân đang làm việc tại pháp nhân hoặc UBND xã, phường nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú (nếu cá nhân không làm việc tại pháp nhân).*

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 514 /TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản- TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế tài chính của Tổng công ty khoáng sản -TKV;

Căn cứ Báo cáo tài chính Công ty mẹ, Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng công ty năm 2019 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ về việc thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận 2019 của Công ty mẹ Vimico như sau:

1. Báo cáo tài chính

Trình ĐHĐCĐ thông qua BCTC công ty mẹ, BCTC hợp nhất toàn TCty năm 2019 với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1.1. Công ty mẹ Tổng công ty

1.1.1. Bảng cân đối kế toán

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm 31/12/2019	Số đầu năm 01/01/2019
I	**Tổng tài sản**	**5.615.574**	**5.385.382**
1	Tài sản ngắn hạn	2.184.710	2.167.804
2	Tài sản dài hạn	3.430.863	3.217.579
II	**Tổng nguồn vốn**	**5.615.574**	**5.385.382**
1	Nợ phải trả	3.481.710	3.289.074
2	Vốn chủ sở hữu	2.133.864	2.096.308
	Tr.đó: Vốn điều lệ	*2.000.000*	*2.000.000*
	LNST chưa phân phối	*129.849*	*91.757*

1.1.2. Kết quả SXKD

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
1	Tổng doanh thu	6.153.391	5.483.074
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	137.672	101.240
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	106.706	91.444

1.2. Hợp nhất toàn Tổng công ty

1.2.1. Bảng cân đối kế toán

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm 31/12/2019	Số đầu năm 01/01/2019
I	**Tổng tài sản**	**7.760.501**	**7.930.931**
1	Tài sản ngắn hạn	2.521.009	2.818.248
2	Tài sản dài hạn	5.239.492	5.112.684
II	**Tổng nguồn vốn**	**7.760.501**	**7.930.931**
1	Nợ phải trả	5.361.310	5.345.672
2	Vốn chủ sở hữu	2.399.191	2.585.260
	Tr.đó: Vốn điều lệ	*2.000.000*	*2.000.000*
	LNST chưa phân phối	*79.326*	*170.197*

1.2.2. Kết quả SXKD

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
1	Tổng doanh thu	6.202.716	5.702.367
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	15.511	225.559
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	- 43.023	174.326

(BCTC đã được kiểm toán kèm theo)

2. Phương án phân phối lợi nhuận:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã thông qua kế hoạch SXKD năm 2019, trong đó tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019 là 3% (Nghị quyết số 716/NQ-VIMICO ngày 28/3/2019).

Căn cứ kết quả SXKD năm 2019, HĐQT trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 Cty mẹ TCT như sau:

- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2019: 106.706 tr đ
- Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối: 79.326 trđ

(Căn cứ điểm đ-Khoản 1- Điều 74- Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 V/v Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp: *Công ty mẹ được phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ (bất lợi thương mại hay còn gọi là lợi thế thương mại âm). Trường hợp mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính của riêng công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện việc phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.)*

+ Chi trả cổ tức (3%): 60.000 triệu đồng
+ Trích quỹ KT,PL: 19.023 triệu đồng
+ Trích quỹ thưởng người quản lý DN: 303 triệu đồng

(Bảng phân phối lợi nhuận kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV VIMICO

Nguyễn Văn Hải

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CÔNG TY MẸ NĂM 2019

	Nội dung	Số tiền
	Lợi nhuận sau thuế	**106.705.526.140**
	Lợi nhuận sau thuế được phân phối	**79.326.068.352**
1	Chi trả cổ tức	60.000.000.000
2	Bù đắp các khoản lỗ năm trước đã hết thời hạn bù vào LNTT	-
3	Lợi nhuận còn lại sau để phân phối các quỹ	19.326.068.352
a	Trích quỹ ĐTPT (tối đa 30%)	0
b	Trích quỹ KTPL (1,5 tháng lương)	19.023.151.685
c	Trích quỹ thưởng người QLDN (1 tháng lương QL)	*302.916.667*
	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2019	**27.379.457.788**

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Số: 518 /TTr -VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v thực hiện chi trả tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2019 và kế hoạch năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 716/NQ-VIMICO ngày 28/3/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua biểu quyết nội dung phân phối tiền lương, thù lao năm 2019 và kế hoạch thù lao năm 2020 của Người quản lý Tổng công ty như sau:

I. Thực hiện 2019

1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH điều chỉnh năm 2019	TH năm 2019
1	Tổng giám đốc	01	497.664.000	497.664.000
2	Phó Tổng giám đốc	05	2.090.200.000	2.090.200.000
3	Kế toán trưởng	01	414.720.000	414.720.000
	Tổng cộng	**07**	**3.002.584.000**	**3.002.584.000**

2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH điều chỉnh năm 2019	TH năm 2019
1	TV HĐQT	01	167.932.000	167.932.000
2	TB kiểm soát	01	464.484.000	464.484.000
	Tổng cộng	**02**	**632.416.000**	**632.416.000**

Hình thức chi: Vimico chi trả trực tiếp.

3. Thù lao của TV HĐQT, Trưởng ban KS không chuyên trách chi trả bằng 20% mức tiền lương cơ bản.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2019	TH năm 2019
1	CT HĐQT	01	76.800.000	74.400.000
2	TV HĐQT	04	208.800.000	169.200.000
3	TV kiểm soát	02	129.600.000	124.800.000
	Cộng	**07**	**415.200.000**	**368.400.000**

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.
- VIMICO trực tiếp trả thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VIMICO.

II. Kế hoạch 2020

1. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT	01	33.383.000	400.596.000
2	TB Kiểm soát	01	34.619.000	415.428.000
	Cộng	**02**		**816.024.000**

2. Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Thành viên BKS không chuyên trách, tính bằng 20% mức lương cơ bản.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Tiền lương tháng	Số người	Tỷ lệ	Thù lao tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	31.000.000	01	20%	6.200.000	74.400.000
2	Thành viên HĐQT	27.000.000	03	20%	5.400.000	194.400.000
3	Thành viên BKS	25.000.000	02	20%	5.000.000	120.000.000
	Cộng		**06**			**388.800.000**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0106103083 C.T.C.P TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV VIMICO

Nguyễn Văn Hải

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Số: 519 /TTr -VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (Tổng công ty) sửa đổi, bổ sung lần thứ 3 được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ -VIMICO ngày 11/4/2018 của HĐQT Tổng công ty;

- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV –CTCP;

Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát Tổng công ty được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;

Căn cứ vào việc tổ chức lựa chọn, đánh giá hồ sơ năng lực Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty.

Ban Kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Tổng công ty ký kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) năm 2020 với Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY, với một số nội dung sau:

- Phí Kiểm toán: 361.818.182 đồng (chưa bao gồm 10% thuế GTGT);

- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc cho năm tài chính 2020 (từ 01/01/2020 đến 31/12/2020), bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2020 đến 30/06/2020);

- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất Tổng công ty cho năm tài chính năm 2020, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2020 đến 30/06/2020).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP xem xét, thông qua.

Kính trình./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, BKS;

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lương Văn Lĩnh

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Số: 515 /TTr -VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH
V/v thông qua việc trích lập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP,

Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua việc trích lập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2020, cụ thể như sau:

Tổng Quỹ KHCN đề nghị trích lập năm 2020 là: 4.700.000.000 đồng (Bốn tỷ bảy trăm triệu đồng).

Trong đó:

- Kinh phí dự kiến thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu KHCN năm 2020 là: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

- Kinh phí dự kiến chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật là: 1.000.000.000 đồng.

- Chi hoạt động quản lý nhiệm vụ KHCN của các Hội đồng trong Tổng công ty là: 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng)

- Kinh phí dự kiến thực hiện phương án sản xuất thử nghiệm thu hồi Niken sunfat và thu hồi Đồng sunfat là: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty căn cứ tình hình triển khai thực hiện đảm bảo đạt hiệu quả./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

Nguyễn Văn Hải

PHỤ LỤC

(Kèm theo Tờ trình số 515 /TTr-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2020)

1. Dự toán chi phí nhiệm vụ nghiên cứu KHCN, sáng kiến cải tiến năm 2020: 2.700.000.000 đồng

TT	Tên danh mục	Đơn vị chủ trì	Thời gia thực hiện	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)
I	**Nhiệm vụ KHCN**			**1.500**
1	Nghiên cứu công nghệ vận tải đất đá hỗn hợp, phù hợp với điều kiện khai thác xuống sâu và các giải pháp kỹ thuật công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả công tác vận tải mỏ đồng Sin Quyền thuộc Vimico.	Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico	12 tháng	1.500
I	**Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật năm 2020**			**1.000**
II	**Chi hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN của các Hội đồng trong Tổng công ty**			**200**
	Tổng số kinh phí (I+II+III)			**2.700**

2. Dự toán chi phí phương án sản xuất thử nghiệm Niken sunfat và Đồng sunfat: 2.000.000.000 đồng

TT	Tên vật tư, thiết bị	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
A	**Thiết bị, vật tư**					**1.700.000.000**
I	**Thùng tải lạnh**					**50.668.000**
1	Thép tấm không rỉ	SUS304; 2mm	Kg	250	70.100	17.525.000
2	Thép tấm không rỉ	SUS304; 5mm	Kg	50	70.100	3.505.000
3	Thép tấm	12mm	Kg	120	18.000	2.160.000
4	Thép tấm	20mm	Kg	100	18.500	1.850.000
5	Que hàn	SUS308 2,5 mm	Kg	60	186.000	11.160.000
6	Que hàn cacbon	4mm	Kg	5	24.000	120.000
7	Đá mài kim loại	F100	Viên	5	9.600	48.000
8	Van chịu acid	DN200 PN1.0 HPD71F4-10	Cái	1	14.300.000	14.300.000
II	**Thùng khuấy**					**251.328.500**

TT	Tên vật tư, thiết bị	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Thép tấm không rỉ	SUS316L; 6mm	Kg	570	155.000	88.350.000
2	Đồng hộp	150x30x2 mm	m	25	2.592.000	64.800.000
3	Thép tấm không rỉ	SUS316; 22mm	Kg	16	155.000	2.480.000
4	Thép tấm	12mm	Kg	85	18.000	1.530.000
5	Thép tấm	20mm	Kg	65	18.500	1.202.500
6	Que hàn	SUS316; 4mm	Kg	25	320.000	8.000.000
7	Que hàn cacbon	4mm	Kg	5	24.000	120.000
8	Van chịu acid	DN150 PN1.0 HPD71F4-10	Cái	1	15.250.000	15.250.000
9	Động cơ liền hộp giảm tốc	2,2kW; tỷ số truyền 1/60; 380v; 50Hz	Cái	1	42.000.000	42.000.000
10	Cánh khuấy	F350x210	Cái	1	27.500.000	27.500.000
11	Đá mài kim loại	F100	Viên	10	9.600	96.000
III	**Thùng kết tinh $NiSO_4$**					**251.060.000**
1	Van bích	SUS304 DN80	Cái	2	7.550.000	15.100.000
2	Thép tấm không rỉ	SUS316; 8mm	Kg	1500	109.000	163.500.000
3	Thép tấm không rỉ	SUS304; 4mm	Kg	575	71.000	40.825.000
4	Thép tấm không rỉ	SUS304 10mm	Kg	180	70.100	12.618.000
5	ống thép không gỉ	SUS304; F42x1,5mm	Kg	27	84.000	2.268.000
6	ống thép không gỉ	SUS304; F60x3	Kg	75	83.300	6.247.500
7	Que hàn	SUS316; 4mm	Kg	10	320.000	3.200.000
8	Que hàn	SUS308 3.2 mm	Kg	5	182.300	911.500
9	Que hàn	SUS308 2.5 mm	Kg	5	186.000	930.000
10	Que hàn	cacbon 4mm	Kg	15	24.000	360.000
11	Bu lông	SUS304 M14x80	Bộ	100	51.000	5.100.000
IV	**Thùng kết tinh $CuSO_4$**					**333.200.500**
1	Van bích	SUS304 DN80	Cái	4	7.550.000	30.200.000

TT	Tên vật tư, thiết bị	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
2	Thép tấm không rỉ	SUS316; 8mm	Kg	1575	115.000	181.125.000
3	Thép tấm không rỉ	SUS304; 4mm	Kg	862,5	71.000	61.237.500
4	Thép tấm không rỉ	SUS304 10mm	Kg	350	75.000	26.250.000
5	ống thép không gỉ	SUS304; F42x1,5mm	Kg	54	84.000	4.536.000
6	ống thép không gỉ	SUS304; F60x3	Kg	140	83.300	11.662.000
7	Que hàn	SUS316; 4mm	Kg	20	320.000	6.400.000
8	Que hàn	SUS308 3.2 mm	Kg	10	180.000	1.800.000
9	Que hàn	SUS308 2.5 mm	Kg	10	186.000	1.860.000
10	Que hàn	cacbon 4mm	Kg	20	24.000	480.000
11	Bu lông	SUS304 M14x80	Bộ	150	51.000	7.650.000
V	**Vật tư, thiết bị khác**					**813.743.000**
1	Bơm chịu acid	2,2kW	Cái	1	40.000.000	40.000.000
2	Thiết bị làm lạnh		Bộ	1	500.000.000	500.000.000
3	Chất tải lạnh Glycol		m^3	1,08	50.000.000	54.000.000
4	Keo purethane		Kg	100	160.000	16.000.000
5	Tấm nhôm	dày 0,8mm	m^2	30	328.300	9.849.000
6	Đinh rút nhôm	F4	Kg	0,5	90.200	45.100
7	Vật tư khác					193.848.900
B	**Nhân công**					**300.000.000**
1	Nhân công (dự kiến)					300.000.000
Tổng (A+B)						**2.000.000.000**

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Số: 516 /TTr -VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v thông qua chủ trương tiếp tục niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Ngày 28/03/2019 ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP đã có Nghị quyết số 716/NQ-VIMICO về việc thông qua chủ trương niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội trong năm 2019. Tổng công ty đã gửi hồ sơ đăng ký niêm yết lên HNX.

Ngày 13/6/2019, Tổng công ty nhận được công văn số 842/SGDHN-TĐNY của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc Tổng công ty không đủ điều kiện niêm yết do tỷ suất lợi nhuận/ vốn chủ sở hữu của Tổng công ty năm 2018 không đạt theo quy định tối thiểu là 5%.

Năm 2019, theo BCTC đã kiểm toán, Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ ở hữu của Công ty Mẹ đạt 5,06%. Tuy nhiên tại BCTC hợp nhất chỉ số này không đảm bảo (lợi nhuận âm).

HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên 2020 về việc: Tiếp tục thực hiện các thủ tục để niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty tại HNX nếu đủ điều kiện, ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty phê duyệt hồ sơ đăng ký niêm yết (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Số: 517 /TTr -VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc tiêu thụ phôi thép sản xuất tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng năm 2020 và các năm tiếp theo.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 717/NQ - VIMICO ngày 27/3/2018 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 648/NQ - ĐHĐCĐ ngày 27/4/2018 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Gang thép Cao Bằng;

Căn cứ kết quả thực hiện tiêu thụ phôi thép trong những năm qua và tình hình thực tiễn về cung cầu phôi thép trên thị trường hiện nay, Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng công ty thông qua một số nội về tiêu thụ phôi thép do Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng sản xuất trong năm 2020 và các năm tiếp theo, cụ thể như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP ký kết hợp đồng nguyên tắc để tiêu thụ toàn bộ lượng phôi thép do Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng sản xuất trong năm 2020 và các năm tiếp theo.

2. Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt Phương án tiêu thụ hàng năm để giao Tổng Giám đốc triển khai thực hiện, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp diễn biến thị trường.

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103087 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
VIMICO

Nguyễn Văn Hải

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

Số: 521 /TTr -VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua Phương án sản xuất kinh doanh tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Công văn số 993/TKV-KSH ngày 05/3/2020 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc Phương án tổ chức SXKD thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa;

Căn cứ nội dung Biên bản làm việc ngày 23/7/2019 giữa Tổng công ty Khoáng sản - TKV (VIMICO), CISCO và đại diện các cổ đông lớn của CISCO về việc thống nhất chủ trương thực hiện phương án hợp tác khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa, theo đó các bên đã thống nhất chủ trương VIMICO huy động các nguồn lực tài chính và đứng ra thực hiện phương án hợp tác khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa;

Căn cứ Thỏa thuận liên danh hợp thác thực hiện Phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa ngày 04/02/2020 giữa Tổng công ty Khoáng sản - TKV và Công ty cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên,

Để chủ động cung cấp ổn định nguyên liệu, giảm giá thành sản phẩm,... cho Nhà máy luyện gang thép Cao Bằng thì việc tổ chức khai thác khu Bắc mỏ Nà Rụa là rất cần thiết và cấp bách. Theo đề xuất của các cổ đông CISCO, VIMICO đã tiến hành lập phương án SXKD tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa, theo phương thức VIMICO huy động các nguồn lực, đồng thời hợp tác với Công ty cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên để thực hiện khai thác tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa *(chi tiết có Phương án kèm theo).*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương, ủy quyền cho HĐQT phê duyệt kế hoạch thực hiện hàng năm phù hợp với thực tế SXKD và chủ trương đã được thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100103887 - C.T.C.P. TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV VIMICO

Nguyễn Văn Hải

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

PHƯƠNG ÁN

SẢN XUẤT KINH DOANH TỔ CHỨC THỰC HIỆN KHAI THÁC KHU BẮC MỎ SẮT NÀ RỤA

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Tuệ

Hà Nội, năm 2020

MỞ ĐẦU

Để chuẩn bị nguồn nguyên liệu ổn định cho Nhà máy luyện gang thép Cao Bằng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần gang thép Cao Bằng (CISCO), thời gian qua CISCO đã lập phương án khai thác và tổ chức mời hợp tác đầu tư khai thác tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa, tuy nhiên vẫn không tìm được nhà đầu tư quan tâm để thực hiện một cách độc lập.

Căn cứ nội dung Biên bản làm việc ngày 23/7/2019 giữa Tổng công ty Khoáng sản – TKV (VIMICO), CISCO và đại diện các cổ đông lớn của CISCO về việc thống nhất chủ trương thực hiện phương án hợp tác khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa, theo đó các bên đã thống nhất chủ trương VIMICO huy động các nguồn lực tài chính và đứng ra thực hiện phương án hợp tác khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa.

Trên cơ sở đó VIMICO xây dựng phương án sản xuất kinh doanh tổ chức thực hiện khai thác tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa để trình các cấp có thẩm quyền thông qua làm cơ sở tổ chức thực hiện, nội dung phương án như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

PHƯƠNG ÁN MỜI HỢP TÁC ĐẦU TƯ KHAI THÁC KHU BẮC MỎ SẮT NÀ RỤA CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Mỏ sắt Nà Rụa thuộc phường Tân Giang và một phần thuộc phường Hoà Chung, thành phố Cao Bằng do Liên đoàn Địa chất Đông Bắc thực hiện công tác thăm dò và lập báo cáo tổng kết năm 2007. Kết quả báo cáo đã được Hội đồng đánh giá Trữ lượng khoáng sản phê duyệt với tổng trữ lượng và tài nguyên mỏ là 16.707.000 tấn quặng sắt. Mỏ được giao cho Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng quản lý, khai thác và chế biến để cung cấp nguyên liệu là tinh quặng sắt cho Nhà máy luyện gang thép Cao Bằng.

Trên cơ sở trữ lượng mỏ được duyệt, CISCO đã phối hợp cùng Viện KHCN Mỏ - Vinacomin lập "Dự án đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đạt 350.000 tấn/năm". Dự án đã được phê duyệt đầu tư theo Quyết định số 52/QĐ-HĐQT ngày 30/5/2011 của HĐQT Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, phê duyệt điều chỉnh dự án tại quyết định số 80/QĐ-HĐQT ngày 26/10/2012. Sau khi dự án được phê duyệt, công tác đầu tư đã được CISCO triển khai thực hiện. Mỏ sắt Nà Rụa gồm 2 khu tách biệt là khu Nam và khu Bắc. Theo Dự án, công tác mở vỉa đầu tư XDCB và khai thác đồng thời cả 2 khu, tuy nhiên do khó khăn trong GPMB và nguồn vốn nên CISCO mới triển khai các hạng mục chính XDCB mỏ tại khu Nam để đưa mỏ

vào hoạt động đạt công suất thiết kế khai thác là 350.000 tấn QNK/năm, kịp thời cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy luyện gang thép Cao Bằng. Một số hạng mục còn lại của khu Nam và toàn bộ khu Bắc chưa triển khai thực hiện.

Hiện nay CISCO đang triển khai công tác quyết toán vốn đầu tư dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa, đối với việc khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa sẽ được triển khai thực hiện theo phương án duy trì sản xuất.

II. PHƯƠNG ÁN MỜI HỢP TÁC ĐẦU TƯ KHAI THÁC KHU BẮC MỎ SẮT NÀ RỤA CỦA CISCO

II.1. Nội dung Phương án CISCO mời hợp tác đầu tư khai thác khu Bắc

Để có cơ sở tìm kiếm, lựa chọn nhà đầu tư quan tâm, CISCO đã phối hợp với đơn vị tư vấn lập phương án hợp tác đầu tư khai thác khu Bắc, mỏ sắt Nà Rụa công suất 350.000 tấn QNK/năm. Các nội dung chính của phương án hợp tác đầu tư như sau:

A. Các chỉ tiêu, giải pháp kỹ thuật

Phương án kỹ thuật khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa được thực hiện theo phương án khai thác hợp lý (khai thác giai đoạn 1) đã được HĐQT CISCO thông qua, các nội dung chính của phương án kỹ thuật khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa như sau:

1. Các khâu công nghệ chính của mỏ

+ Hệ thống khai thác:

Để đảm bảo cung cấp ổn định nguyên liệu đầu vào cho Nhà máy Gang thép, giảm bớt khối lượng chiếm đất bề mặt, diện tích bãi thải ngoài, tận dụng tối đa bãi thải trong, nâng cao hiệu quả kinh tế cho mỏ là cần thiết khi mỏ khai thác xuống sâu. Do đó, công tác khai thác trong phân kỳ đầu của các phương án được lựa chọn là tiến hành khai thác trên toàn bộ biên giới kết thúc phân kỳ đầu, phát triển công trình mỏ từ trung tâm về hai cánh, hướng bóc đất đá từ trung tâm về cánh Nam và Cánh Bắc.

Trong các năm đầu tiến hành bóc đất từ địa hình phát triển về phía trụ, đưa các tầng phía trên bên trụ về biên giới kết thúc nhằm hoàn trả để xây dựng đoạn đường thuộc tuyến đường nối QL.3 và QL.4A (đoạn tránh qua thị xã Cao Bằng) đi qua bờ trụ của mỏ.

Để phù hợp với điều kiện địa chất, hiện trạng khai trường khu Bắc lựa chọn HTKT khấu theo lớp đứng chia bờ mỏ thành nhiều nhóm tầng, trên mỗi nhóm tầng có thể sử dụng khấu đuổi, vận tải đất đá đổ bãi thải ngoài và bãi thải trong.

Bảng các chỉ tiêu cơ bản của hệ thống khai thác

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng		
	- Khi sản xuất (h_{sx})	m	10
	- Khi kết thúc (h_{kt})	,,	20

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
2	Chiều cao phân tầng quặng	,,	5
3	Chiều rộng mặt tầng công tác		
	- Đất đá làm tơi bằng nổ mìn	,,	32
	- Đất đá không cần làm tơi	,,	20
4	Chiều rộng mặt tầng vận tải	,,	14÷15
5	Chiều rộng dải khấu A	,,	
	- Đất đá làm tơi bằng nổ mìn	,,	16
	- Đất đá mềm, xúc trực tiếp	,,	20
6	Chiều rộng đáy hào chuẩn bị	,,	2÷20
7	Góc dốc sườn tầng (α)	độ	60
8	Góc nghiêng bờ công tác (φ)	,,	24÷28
9	Số nhóm tầng công tác đồng thời trên bờ công tác	bờ	3÷4
10	Số tầng trong một nhóm	tầng	2÷3

Công nghệ làm tơi đất đá và quặng: Đất đá và quặng được làm tơi sơ bộ bằng khoan nổ mìn đường kính D =105-:-165mm sau đó dùng MXTLGN có dung tích gầu E = 2,8÷4,3 m^3 xúc lên ôtô tự đổ có tải trọng q = 15÷36 tấn vận chuyển ra bãi thải và nhà máy tuyển.

Công nghệ đào sâu đáy mỏ áp dụng đáy mỏ bậc thang có đáy moong nghiêng với việc sử dụng máy xúc thủy lực gầu ngược.

+ Công tác vận tải:

Vận tải đất đá: Đất đá thải trong quá trình khai thác được MXTLGN dung tích gầu E = 4,3 m^3 xúc lên ô tô có tải trọng q = 36 tấn đổ ra bãi thải ngoài phía Nam khai trường.

Vận tải quặng: Quặng nguyên khai sau khi khai thác được MXTLGN E = 2,8 m^3xúc lên ô tô tự đổ có tải trọng q = 15 tấn vận chuyển về nhà máy tuyển sau đó chuyển về nhà máy Gang thép.

+ Công tác đổ thải:

Khối lượng đất đá thải hàng năm của mỏ trong phân kỳ đầu của các phương án được đổ ra bãi thải ngoài phía Nam khai trường.

- Bãi thải số 2 (bãi thải trong khai trường khu Nam): Đất đá thải khai trường khu Bắc được vận chuyển về đổ thải trong vào khai trường khu Nam. Quá trình đổ thải từ Bắc xuống Nam, từ thấp lên cao. Khi đổ lên tầng thải +360, bãi thải số 2 phát triển về phía Tây Nam và đổ trùm vào tầng thải +340 của bãi thải số 3. Kết thúc đổ thải tầng +360, mỏ tiếp tục đổ lên các tầng trên. Kết thúc đổ thải tại bãi thải số 2 cốt cao đổ thải mức +380, với khối lượng đổ thải 7.700.000 m3.

- Bãi thải số 3: Đổ thải từ cos +300 đến cos + 340. Được đổ thải từ mức +300, theo trình tự từ Bắc xuống Nam, quá trình đổ từ thấp lên cao. Mỏ tiến hành đổ xong tầng thấp +300 đến giới hạn kết thúc tầng thải thì mới được tiếp

tục đổ thải lên các tầng cao. Trong quá trình đổ thải, đê chắn chân bãi thải sẽ được đắp trước khi đổ thải.

- Bãi thải số 4: Đất đá thải khai trường khu Bắc được vận chuyển về đổ thải vào bãi thải số 4. Sau khi đổ thải xong mức +220, tiếp tục đổ lên các tầng cao hơn +240, +260, +280, +300.... Trình tự phát triển từ Bắc xuống phía Nam và Đông Nam, đổ thải từ thấp lên cao. Khối lượng đổ thải là 15.900.000 m3.

+ Công tác thoát nước

Nước mặt: Xây dựng hệ thống thoát nước theo các tầng để thoát nước mặt ra khỏi biên giới.

Nước ngầm: Sử dụng hệ thống bơm có Q= 800÷1.400 (m^3/giờ), chiều cao đẩy H_b = 228÷180 (m), P = 900 kW.

2. Phương án mở vỉa và khối lượng khai thác

Từ vị trí trung tâm mỏ (tuyến T.XXVIIIa) tiến hành khảo sát lựa chọn vị trí mở vỉa, hướng phát triển mỏ để đảm bảo các điều kiện nguyên tắc nêu trên. Theo đó vị trí mở vỉa được chọn tại vị trí có tọa độ X = 2505685,51; Y = 551673,72; Z = 223,00 hệ tọa độ VN 2000. Đáy mỏ kết thúc ở mức +60m, khối lượng đất bóc 28.900.000 m3, khối lượng quặng nguyên khai 3.790.000 tấn, hệ số bóc trung bình 7,625 m^3/t.

Cung độ vận chuyển đất đá (trung bình): 2,02 km; tổng khối lượng vận chuyển đất đá: 160.165.478 tấn.km.

Cụ thể các chỉ tiêu biên giới khai trường, khối lượng mỏ xem các bảng sau.

Bảng các chỉ tiêu biên giới mỏ theo phương án hợp tác khai thác

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
1	Kích thước khai trường	m	
-	Chiều dài trung bình	"	847
-	Chiều rộng trung bình	"	585
2	Diện tích	ha	
-	Khai trường	"	44, 8
3	Mức cao đáy mỏ	m	+60
4	Trữ lượng quặng địa chất	Tấn	3.902.000
5	Trữ lượng quặng NK khai thác được	Tấn	3.790.000
6	Khối lượng đất bóc	m^3	28.900.000
7	Hệ số bóc trung bình toàn mỏ	m^3/t	7,625

Bảng khối lượng đất đá bóc và quặng nguyên khai

TT	Tầng	Khối lượng đất bóc (m^3)	Trữ lượng quặng nguyên khai (tấn)
1	+260 ÷ +240	443.567	
2	+240 ÷ +220	2.922.369	
3	+220 ÷ +200	6.597.304	

TT	Tầng	Khối lượng đất bóc (m^3)	Trữ lượng quặng nguyên khai (tấn)
4	+200 ÷ +180	6.335.900	
5	+180 ÷ +160	4.611.707	
6	+160 ÷ +140	3.516.564	118.068
7	+140 ÷ +120	2.297.960	156.141
8	+120 ÷ +100	924.628	874.747
9	+100 ÷ +80	756.121	1.379.630
10	+80 ÷ +60	493.879	1.261.414
11	**Cộng**	**28.900.000**	**3.790.000**
K_{tb}, m^3/t		**7,625**	

Bảng lịch biểu khai thác theo phương án hợp tác khai thác

TT	Năm KT	Đất bóc (m^3)	Quặng NK (tấn)	K_{sx} (m^3/t)
1	Năm 1	1.0000.000	-	-
2	Năm 2	2.000.000	-	-
3	Năm 3	2.500.000	300.000	8,33
4	Năm 4	2.500.000	350.000	7,14
5	Năm 5	2.500.000	350.000	7,14
6	Năm 6	2.500.000	350.000	7,14
7	Năm 7	2.500.000	350.000	7,14
8	Năm 8	2.500.000	350.000	7,14
9	Năm 9	2.500.000	350.000	7,14
10	Năm 10	2.100.000	350.000	6,00
11	Năm 11	2.100.000	350.000	6,00
12	Năm 12	2.100.000	350.000	6,00
13	Năm 13	2.100.000	340.000	6,18
Tổng		**28.900.000**	**3.790.000**	**7,625**

+ *Bóc đất:*

- Khối lượng bóc đất trong hai năm đầu (khi chưa có quặng) là: 3.000.000 m3. Trong đó: đất đá cấp I chiếm 60%, đất đá cấp II chiếm 40%. Đổ thải tại bãi thải số 3 với cung độ trung bình 1,5 km. Đổ thải từ cos +220 đến cos + 300, theo trình tự từ Bắc xuống Nam, quá trình đổ từ thấp lên cao. Mỏ tiến hành đổ xong tầng thấp +220 đến giới hạn kết thúc tầng thải thì mới được tiếp tục đổ thải lên các tầng cao. Trong quá trình đổ thải, đê chắn chân bãi thải sẽ được đắp trước khi đổ thải.

- Tổng khối lượng bóc đất đá duy trì sản xuất từ năm thứ 3 là: 25,9 triệu m3. - Đổ thải tại bãi thải số 2, 3 và 4 với cung độ trung bình khoảng 2,02 km.

+ *Khai thác quặng:*

- Khối lượng dự kiến 3,79 triệu tấn, hàm lượng quặng trung bình là 59,95% Fe, cỡ hạt ≤ 400mm.

- Quặng khai thác được vận chuyển về sân ga xưởng tuyển với cung độ trung bình 3,58 km.

(Chi tiết xem tại Phương án khai thác hợp lý khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa và các bản vẽ khai thác do CISCO lập).

B. Phương án, khối lượng đền bù GPMB, tái định cư

Để phục vụ khai thác tại khu Bắc, mỏ sắt Nà Rụa cần phải thực hiện công tác đền bù GPMB với khối lượng và giá trị lớn, bao gồm:

1. Bồi thường GPMB và xây dựng khu Tái định cư

Khối lượng thực hiện bao gồm:

- Bồi thường GPMB 13ha đất để xây dựng khu Tái định cư.

- San gạt mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng khu Tái định cư.

2. Bồi thường GPMB khai trường và bãi thải

+ Đền bù GPMB khai trường khu Bắc:

- Diện tích đền bù GPMB: 44,8ha

- Khối lượng đền bù GPMB bao gồm:

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
A	**Tài sản, vật kiến trúc**		
1	Nhà xây 4 tầng, khung chịu lực (2 nhà)	m2	800
2	Nhà xây 3 tầng, khung chịu lực (13 nhà)	m2	3.222
3	Nhà xây 2 tầng, khung chịu lực (43 nhà)	m2	6.549
4	Nhà xây 1 tầng (50 nhà)	m2	4.000
5	Nhà xây gạch chỉ 110 bổ trụ (412 nhà)	m2	26.361
6	Nhà gỗ (24 nhà)	m2	1.044
7	Nhà văn hoà của khu xóm (5 Nhà)	m2	1.000
8	Giếng miệng rộng 1,25m dùng ống cống bê tông (20 giếng sâu 10m)	m	200
9	Giếng không xây miệng rộng 1,2m (60 giếng, sâu 7m)	m	420
10	Sân láng xi măng (435 sân x TB 100m2)	m2	4.350
11	Bán Mái nền láng xi măng (225 mái x 10m2)	m2	2.250
12	Hàng rào đặc tường xây gạch chỉ 110 bổ trụ	m	3.000
13	Di chuyển đường điện 110 kv	Cột	6
14	Di chuyển đường điện 35 kv	Cột	84
15	Di chuyển đường điện 0,4 kv	Cột	125
16	Trạm hạ áp từ 35kv xuống 0,4 kv	Trạm	7
B	**Mồ mả**		
1	Mộ đất chưa sang tiểu < 5 năm	ngôi	150
2	Mộ đất chưa sang tiểu >5 năm	ngôi	400
3	Mộ xây trên 5 năm	ngôi	117
C	**Hoa màu, cây cối, thủy sản**		
1	Lúa tẻ	m2	26.390
2	Cây trồng hàng năm	m2	17.291

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
3	Thủy sản các loại	m2	5.735
D	**Chính sách hỗ trợ cho người dân**		
1	Hỗ trợ ổn định sản xuất và đời sống bị mất đất Nông nghiệp trên 30% tổng diện tích (dự kiến 50 hộ) (30kg gạo/nhân khẩu/tháng) x Tối đa 3 tháng x giá gạo tính TB 15.000đ/kg	Khẩu	200
2	Hỗ trợ di chuyển (có 304 hộ)	Hộ	304
3	Hỗ trợ tự lo nhà ở tạm (400.000 đồng/nhân khẩu/tháng) x tối đa 12 tháng cho 320 hộ (TB 4 khẩu/hộ)	Khẩu	1.216
4	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	m2	
-	*Khi thu hồi đất chuyên trồng lúa (LUC)*	m2	26.158
-	*Khi thu hồi đất trồng lúa còn lại (LUK)*	m2	232
-	*Khi thu hồi đất Bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)*	m2	15.978
-	*Khi thu hồi đất trồng cây lâu năm (CLN)*	m2	129.025
-	*Khi thu hồi đất thủy sản (NTS)*	m2	5.735
-	*Khi thu hồi đất rừng (RSX)*	m2	40.162
5	Hỗ trợ tiền mua đất di chuyển mộ	Ngôi	667
6	Hỗ trợ di chuyển mồ mả	Ngôi	667

+ Đền bù GPMB bãi thải số 3:

- Diện tích đền bù GPMB: 26,4 ha

- Khối lượng đền bù GPMB bao gồm:

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
A	**Tài sản, vật kiến trúc**		
1	Nhà xây 1 tầng (5 nhà)	m2	400
2	Đền bù bể nước tuyến ống nước dự án nước sinh hoạt xóm Nà Rụa (1 bể = 17m x13m x 2m)	m3	1
3	Mương nước tự chảy khu Nà Rụa dài 3200 , đáy đổ bê tông hai bên xây gạch chỉ chát xi măng	m	1
B	**Mồ mả**	-	-
C	**Hoa màu, cây cối, thủy sản**		
1	Lúa tẻ	m2	31.867
2	Cây trồng hàng năm	m2	16.711
3	Thủy sản các loại	m2	4.627
D	**Chính sách hỗ trợ cho người dân**		
1	Hỗ trợ ổn định sản xuất và đời sống bị mất đất Nông nghiệp trên 30% tổng diện tích (dự kiến 40 hộ) (30kg gạo/nhân khẩu/tháng) x tối đa 3 tháng x giá gạo tính TB 15.000đ/kg	Khẩu	160
2	Hỗ trợ di chuyển (có 5 hộ)	Hộ	5
3	Hỗ trợ tự lo nhà ở tạm (400.000 đồng/nhân khẩu/tháng) x tối đa 12 tháng cho 5 hộ (TB 4 khẩu/hộ)	Khẩu	20
4	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiên độ (có 5 hộ)	Hộ	5

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
5	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	m2	
-	*Khi thu hồi đất trồng lúa còn lại (LUK)*	m2	31.867
-	*Khi thu hồi đất Bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)*	m2	16.711
-	*Khi thu hồi đất trồng cây lâu năm (CLN)*	m2	26.397
-	*Khi thu hồi đất thủy sản (NTS)*	m2	4.627
-	*Khi thu hồi đất rừng (RSX)*	m2	160.929

+ Đền bù GPMB bãi thải số 4:

- Diện tích đền bù GPMB: 69,1 ha
- Khối lượng đền bù GPMB bao gồm:

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
A	**Tài sản, vật kiến trúc**		
1	Nhà xây 1 tầng (11 nhà)	m2	880
B	**Mồ mả**	-	-
C	**Hoa màu, cây cối, thủy sản**		
1	Lúa tẻ	m2	31.717
2	Cây trồng hàng năm	m2	2.689
3	Thủy sản các loại	m2	2.510
D	**Chính sách hỗ trợ cho người dân**		
1	Hỗ trợ ổn định sản xuất và đời sống bị mất đất Nông nghiệp trên 30% tổng diện tích (dự kiến 40 hộ) (30kg gạo/nhân khẩu/tháng) x tối đa 3 tháng x giá gạo tính TB 15.000đ/kg	Khẩu	160
2	Hỗ trợ di chuyển (có 11 hộ)	Hộ	11
3	Hỗ trợ tự lo nhà ở tạm (400.000 đồng/nhân khẩu/tháng) x tối đa 12 tháng cho 11 hộ (TB 4 khẩu/hộ)	Khẩu	44
4	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiên độ (có 11 hộ)	Hộ	11
5	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	m2	
-	*Khi thu hồi đất chuyên trồng lúa (LUC)*	m2	8.723
-	*Khi thu hồi đất trồng lúa còn lại (LUK)*	m2	22.994
-	*Khi thu hồi đất Bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)*	m2	1.760
-	*Khi thu hồi đất nương trồng cây hàng năm khác (NHK)*	m2	929
-	*Khi thu hồi đất trồng cây lâu năm (CLN)*	m2	81.371
-	*Khi thu hồi đất thủy sản (NTS)*	m2	2.510
-	*Khi thu hồi đất rừng (RSX)*	m2	552.111

3. Tổng giá trị và dự kiến thời gian thực hiện đền bù GPMB

TT	Các khoản chi phí đền bù GPMB	Giá trị (10^3 đ)	Thời gian thực hiện
	TỔNG	**585.792.145**	
1	***Khai trường trung tâm khu Bắc 44,8 ha***	***487.596.309***	**Từ Quý II/2019**

TT	Các khoản chi phí đền bù GPMB	Giá trị (10^3 đ)	Thời gian thực hiện
-	Đất đai (QĐ 40/2014)	259.558.847	đến QuýII/2021
-	Tài sản, vật kiến trúc (QĐ 16/2014)	159.232.334	
-	Mồ mả (QĐ 16/2014)	3.005.653	
-	Hoa màu, cây cối, thủy sản (QĐ 19/2015)	262.555	
-	Chính sách hỗ trợ (QĐ 42/2014)	33.638.096	
-	Chi phí phục vụ cho công tác bồi thường	9.113.950	
-	Chi phí dự phòng	22.784.874	
2	**Bãi thải**	**85.195.836**	Quý III+IV/2019
2.1	***Bãi thải số 3 (26,4ha)***	***31.897.361***	
-	Đất đai (QĐ 40/2014)	8.729.431	
-	Tài sản, vật kiến trúc (QĐ 16/2014)	5.599.600	
-	Mồ mả (QĐ 16/2014)		
-	Hoa màu. cây cối, thủy sản (QĐ 19/2015)	273.224	
-	Chính sách hỗ trợ (QĐ 42/2014)	15.208.363	
-	Chi phí phục vụ cho công tác bồi thường	596.212	
-	Chi phí dự phòng	1.490.531	
2.2	***Bãi thải số 4 (69,14ha)***	***53.298.475***	Quý I+II/2020
-	Đất đai (QĐ 40/2014)	19.309.964	
-	Tài sản, vật kiến trúc (QĐ 16/2014)	3.937.120	
-	Mồ mả (QĐ 16/2014)		
-	Hoa màu. cây cối, thủy sản (QĐ 19/2015)	2.181.274	
-	Chính sách hỗ trợ (QĐ 42/2014)	24.383.301	
-	Chi phí phục vụ cho công tác bồi thường	996.233	
-	Chi phí dự phòng	2.490.583	
3	**Giải phóng mặt bằng khu TĐC 13ha**	**13.000.000**	Quý II+III/2019

C. Các chỉ tiêu kinh tế của phương án hợp tác đầu tư

1. Tổng chi phí thực hiện phương án khai thác khu Bắc

Trên cơ sở khối lượng thực hiện và các hạng mục cần triển khai của phương án, tổng chi phí thực hiện phương án do CISCO lập bao gồm:

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị thực hiện (10^3 đồng)	Năm thứ nhất (10^3 đồng)	Năm thứ 2 (10^3 đồng)	Năm thứ 3 (10^3 đồng)
	Tổng chi phí thực hiện	**925.588.813**	**435.915.269**	**436.375.070**	**53.298.475**
1	**Chi phí xây dựng**	**270.544.364**	**105.636.364**	**164.908.000**	-
-	Chi phí đất bóc	164.908.000		164.908.000	
-	Xây dựng khu tái định cư	103.636.364	103.636.364		
-	Chi phí xây dựng khác (Lắp đặt bơm thoát nước khai trường)	2.000.000	2.000.000		
2	**Chi phí thiết bị** (Bơm thoát nước khai trường)	**2.695.000**		2.695.000	
3	**Chi phí GPMB**	**585.792.145**	**320.791.940**	**211.701.730**	**53.298.475**
4	**Chi phí quản lý**	**7.200.404**	**3.600.202**	**3.600.202**	

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị thực hiện (10^3 đồng)	Năm thứ nhất (10^3 đồng)	Năm thứ 2 (10^3 đồng)	Năm thứ 3 (10^3 đồng)
5	**Chi phí tư vấn**	**1.587.521**	**1.587.521**		
6	**Chi phí chung**	**8.598.484**	**4.299.242**	**4.299.242**	
-	*Chi phí hạng mục chung*	*4.333.255*	*2.166.627*	*2.166.627*	
-	*Chi phí khác*	*4.265.229*	*2.132.615*	*2.132.615*	
7	**Chi phí dự phòng**	**49.170.896**		**49.170.896**	
-	*Dự phòng khối lượng phát sinh*	*43.170.896*		*43.170.896*	
-	*Dự phòng do yếu tố trượt giá*	*6.000.000*		*6.000.000*	

2. Đơn giá thanh toán

Đơn giá nghiệm thu thanh toán cho 1 tấn quặng nguyên khai khai thác khi bàn giao cho CISCO được tạm xác định là: **965.624 đồng/tấn QNK** (giá trên chưa bao gồm thuế phí do CISCO nộp theo quy định).

Đơn giá trên được thanh toán khi nhà đầu tư đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo kế hoạch giao hàng năm (khối lượng đất bóc, sản lượng và hàm lượng QNK).

Tại thời điểm thanh toán nếu có sự tăng giảm các yếu tố đầu vào thì áp dụng điều chỉnh như sau:

** Điều chỉnh sau khi có giá trị đền bù GPMB:*

Sau khi nhà đầu tư hoàn thành giai đoạn GPMB, có giá trị chi phí GPMB đã thực hiện, hai bên thảo luận thống nhất điều chỉnh đơn giá trên cơ sở xem xét chi phí GPMB thực hiện so với giá trị dự kiến trong hợp đồng hợp tác.

** Điều chỉnh khi có biến động về giá cả nhiên liệu đầu vào:*

- Khi giá nhiên liệu (diesel) bình quân trong kỳ (dự kiến 6 tháng) tăng, giảm so với giá bình quân kỳ trước.

** Điều chỉnh theo các chỉ tiêu kỹ thuật (hệ số bóc đất, hàm lượng quặng, sản lượng quặng):*

Trong trường hợp nhà đầu tư không đảm bảo khối lượng thi công được giao (bao gồm khối lượng đất bóc, sản lượng quặng và hàm lượng quặng nguyên khai) thì khối lượng quặng nguyên khai được thanh toán (QNKTT) trong tổng số quặng nguyên khai khai thác (QNKTH) được xác định theo nguyên tắc tương ứng với khối lượng đất bóc thực hiện (VTH) trên tổng khối lượng đất bóc giao theo kế hoạch (VKH) theo công thức sau:

QNKTT = QNKTH x (nhân) (VTH/VKH).

Khối lượng quặng nguyên khai còn lại được thanh toán khi nhà đầu tư hoàn thành khối lượng đất bóc còn lại được giao theo kế hoạch.

** Các yếu tố khác được điều chỉnh theo thỏa thuận của 2 bên khi thương thảo hợp đồng.*

D. Thời gian hợp tác đầu tư

Thời gian hợp tác là: 13 năm theo phương án khai thác đã được phê duyệt.

Trong trường hợp nhà đầu tư đẩy nhanh được tiến độ đền bù GPMT, xây dựng khu tái định cư, bóc đất phủ,... thì thời gian hợp tác sẽ được rút ngắn nhưng vẫn đảm bảo khối lượng khai thác hàng năm đạt 350.000 tấn và tổng khối lượng dự kiến 3,79 triệu tấn, hàm lượng quặng trung bình là 59,95% Fe, cỡ hạt ≤ 400mm.

III. CÂN ĐỐI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CISCO TRONG GIAI ĐOẠN HỢP TÁC KHAI THÁC KHU BẮC MỎ SẮT NÀ RỤA

Theo phương án hợp tác khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa, thời gian bắt đầu triển khai công tác đền bù GPMB từ năm 2019, bóc đất đá chuẩn bị từ năm 2020 và dự kiến sẽ kết thúc vào năm 2032. Trên cơ sở các yếu tố đầu vào và khả năng cân đối các nguồn lực thực hiện, CISCO đã cân đối kế hoạch SXKD trong thời gian thực hiện phương án hợp tác khai thác khu Bắc, trong đó một số nội dung chính như sau:

1. Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2018

a. Khó khăn, vướng mắc:

Nhìn chung tình hình sản xuất kinh doanh của CISCO ngay từ khi mới đi vào sản xuất cho đến nay luôn gặp rất nhiều khó khăn, cụ thể:

+ Khó khăn trong công tác đền bù GPMB:

- Dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa tại phường Tân Giang và phường Hòa Chung, thành phố Cao Bằng có tổng diện tích và khối lượng các hộ gia đình cần thu hồi, GPMB lớn: dự kiến là 311,59 ha (hơn 600 hộ dân);

- Trong diện tích khai trường khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa có tuyến đường tránh thành phố nối QL4A và QL3 đi qua trung tâm khai trường khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa với chiều dài 1,4 km (Đoạn Km3+00 đến Km4+400) đang thi công dở dang;

- Thành phố Cao Bằng chưa có cơ chế đặc thù riêng hỗ trợ công tác GPMB, thúc đẩy xúc tiến đầu tư như các địa phương khác nên doanh nghiệp rất khó khăn trong việc triển khai thực hiện; Việc chia tách hộ khẩu, nhân khẩu của các hộ dân có đất trong diện thu hồi diễn biến phức tạp.

- Quy trình GPMB phải trải qua nhiều bước thực hiện và phụ thuộc vào nhiều vào cơ quan chức năng có thẩm quyền, đặc biệt là phụ thuộc rất lớn vào sự đồng tình ủng hộ của người dân nên việc đảm bảo tiến độ GPMB tại tỉnh Cao Bằng. Một số người dân còn có tâm lý nghe ngóng chờ thay đổi cơ chế, hướng dẫn, điều chỉnh giá đất,... nên chây ỳ, không hợp tác gây nhiều khó khăn trong công tác vận động, tuyên truyền.

+ Khó khăn về tài chính

Mặc dù CISCO luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện, giúp đỡ kịp thời của VIMICO nhưng hiện tại công tác tài chính vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu xếp nguồn vốn sản xuất và nguồn vốn đầu tư, hiện nay CISCO

đang bị lỗ lũy kế nên việc vay vốn của các ngân hàng cũng như các doanh nghiệp tín dụng phục vụ SXKD là rất khó khăn.

Hiện nay Công ty đã thực hiện xong đầu tư xong 02 Dự án Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng và Mỏ sắt Nà Rụa giai đoạn 1 với tổng giá trị đầu tư trên 2.000 tỷ đồng, trong đó vay cho DA Khu liên hợp GTCB là 40.547.706,04 USD và 449,3 tỷ đồng và DA mỏ sắt Nà Rụa giai đoạn 1 là 125 tỷ đồng, do đó việc đảm bảo dòng tiền để thực hiện các cam kết tài chính với các tổ chức tín dụng cũng đang rất khó khăn.

+ Khó khăn trong quản lý kỹ thuật công nghệ

- Khai thác mỏ: Công ty không đầu tư thiết bị khai thác nên không thể chủ động trong điều hành sản xuất khai thác mỏ và quản lý kỹ thuật khai thác, một số thời điểm thủ tục thuê ngoài chậm ảnh hưởng đến tiến độ cung cấp quặng.

- Tuyển khoáng: Theo thiết kế nguồn quặng cung cấp cho xưởng tuyển bao gồm khu Bắc và khu Nam. Tuy nhiên hiện nay khu Bắc chưa triển khai XDCB và đưa vào sản xuất và nguồn quặng cung cấp cho xưởng tuyển là quặng khu Nam. Do đó tính chất quặng đầu vào có sự sai khác nhiều so với thiết kế như: gơtit chiếm tỷ lệ (12-18)%, hematit đỏ (29-45)%, manhetit chiếm tỷ lệ (13-15)% v.v... dẫn tới thực thu thu hoạch đạt được không như kỳ vọng theo thiết kế, dự kiến sau khi khu Bắc đi vào khai thác sẽ giải quyết được vấn đề này do hàm lượng, chất lượng quặng tại khu Bắc theo tài liệu địa chất khá tốt.

- Luyện kim: Do mới tiếp cận với công nghệ sản xuất gang thép nên công tác quản lý kỹ thuật công nghệ, điều hành sản xuất còn gặp nhiều khó khăn, có thời gian phải dừng sản xuất do thiếu nguyên nhiên liệu, do các sự cố,...

+ Khó khăn về nguồn nguyên liệu

Trong thời gian qua do công tác khai thác mỏ và xưởng tuyển không cung cấp đủ nguyên liệu phục vụ sản xuất nên CISCO đã phải mua bổ sung thêm nguồn quặng từ bên ngoài với khối lượng khá lớn (trung bình 100.000-150.000 tấn/năm). Hiện tại nguồn cung cấp quặng rất khó khăn, chủ yếu mua được quặng limonit hàm lượng thấp và tinh quặng mỏ Sin Quyền (hàm lượng S cao) dẫn tới hiệu quả sản xuất không được cao.

Dự kiến từ năm 2022 sau khi khu Bắc đi vào hoạt động và khai thác quặng với sản lượng trung bình 350.000 tấn/năm sẽ giúp CISCO giải quyết được vấn đề về thiếu hụt nguyên liệu để tập trung vào sản xuất phôi thép, góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

b. Kết quả sản xuất kinh doanh của CISCO giai đoạn 2016 - 2018

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
I	***Chỉ tiêu sản lượng***				
-	Quặng khai thác	Tấn	276.199	325.350	277.816
-	Đất đá bóc	M3	554.868	1.160.405	746.755
-	Tinh quặng	Tấn	2.017	57.999	41.895

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
-	Quặng 0-8	Tấn		92.132	99.572
-	Quặng 8-38	Tấn		99.734	61.498
-	Phôi thép	Tấn			
+	Sản xuất	Tấn	81.154	190.169	185.538
+	Tiêu thụ	Tấn	61.628	213.703	146.484
II	*Chỉ tiêu tài chính*				
-	Doanh thu	Tr.đồng	572.062	2.183.546	1.803.433
-	Lợi nhuận	Tr.đồng	(248.168)	2.300	18.825
-	Nộp ngân sách	Tr.đồng	126.018	74.432	38.581
-	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	47.488	69.842	74.908
-	Lao động bình quân	người	898	898	885
-	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng/th	4,403	6,481	7,05

c. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ SXKD

CISCO thực hiện nhiệm vụ SXKD giai đoạn 2016 - 2018 trong điều kiện có nhiều khó khăn như: giá thành nguyên nhiên liệu chính đầu vào tại khu liên hợp gang thép tăng cao (quặng sắt, than cốc, than cám, điện năng), chất lượng quặng nguyên liệu đầu vào ở mức thấp và không ổn định; CBCNV chưa làm chủ hoàn toàn được dây chuyền thiết bị dẫn đến thiết bị hay xảy ra sự cố, hỏng vặt, thời gian dừng lò sửa chữa nhiều; sản lượng sản xuất không đạt công suất; các chỉ tiêu tiêu hao vật tư, nhiên liệu cao hơn rất nhiều so với thiết kế (nhất là than cốc, vôi,...).

Giá thành sản xuất giai đoạn 2016-2018 cao hơn so với kế hoạch và dự án là do sản lượng sản xuất không đạt làm tăng chi phí cố định trên một đơn vị sản phẩm, song song với đó là tiêu hao các chỉ tiêu chính đều cao hơn kế hoạch (than cốc, quặng sắt,...) Giá than cốc thực hiện cao hơn so với giá dự án (giá bình quân 9 tr.đ/tấn/5,88 tr.đ/tấn giá dự án, tăng 153%). Chi phí than cốc chiếm khoảng 40%-42% giá thành sản xuất làm cho giá thành sản xuất tăng rất cao. Giá thành tiêu thụ tăng so với dự án và kế hoạch là do giá thành sản xuất, các khoản chi phí tài chính (lãi vay, chênh lệch tỷ giá), các chi phí phân bổ phát sinh ngoài kế hoạch tăng.

Chính vì vậy kết quả sản xuất kinh doanh của CISCO từ 2016 - 2018 của CISCO đều không hoàn thành kế hoạch và chưa mang lại hiệu quả kinh tế.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh theo phương án hợp tác khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa

Trên cơ sở tính toán của phương án hợp tác khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa, CISCO đã cân đối kế hoạch SXKD của đơn vị trong toàn bộ thời gian hợp tác với cơ sở tính toán và các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

a. Về quặng nguyên liệu

Theo kế hoạch khai thác tại khu Bắc, năm 2022 sẽ cung cấp cho khu liên hợp luyện gang thép 300.000 tấn, từ năm 2023 sản lượng là 350.000 tấn/năm. Trong đó, khối lượng quặng hợp cách sau khi đập sàng có thể đưa ngay về nhà máy luyện thép khoảng 86%, phần còn lại chuyển xuống tuyển ra tinh quặng. Đơn giá quặng khai thác (bao gồm cả thuế phí) tạm tính theo phương án hợp tác là 1.176.348 đồng/tấn (chưa bao gồm thuế phí là 965.624 đồng/tấn).

Phần quặng thiếu hụt sẽ tổ chức mua bổ sung từ bên ngoài (khoảng 50.000 tấn/năm) với đơn giá tạm tính 1.500.000 đồng/tấn.

b. Về sản xuất phôi thép

Mục tiêu sản lượng phôi thép sản xuất phải đạt và duy trì công suất thiết kế là 220.000 tấn/năm. Năm 2021 và năm 2028 dự kiến dừng 02 tháng để sửa chữa lớn, xây lại Lò cao để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật sản xuất nên sản lượng chỉ đạt 180.000 tấn/năm.

Từ năm 2021 sẽ không phải thuê chuyên gia vận hành tại tất cả các công đoạn sản xuất phôi thép.

Các chỉ tiêu tiêu hao chính gồm: Tiêu hao than cốc 445kg/TGL; Vôi sống 60kg/TQtk; than cám 130kg/TGL; thép phế (liệu nguội) 100kg/T.phôi.

c. Về các yếu tố chi phí

Tính toán giá bán phôi thép, giá mua than cốc và liệu nguội thực hiện tại thời điểm lập kế hoạch (tháng 8/2019), cụ thể:

* Giá bán phôi:

- Dự kiến thực hiện 2019: Ct5: 11.352.000 đ/tấn; SD 295A: 10.307.000 đ/tấn

- Giai đoạn: 2020-2021: Ct5: 11.300.000 đ/tấn; SD 295A: 10.220.000 đ/tấn

- Giai đoạn 2022-2032: Ct5: 11.639.000 đ/tấn; SD 295A: 10.527.000 đ/tấn (tăng 3%).

* Giá than cốc: tạm tính bình ổn trong suốt giai đoạn 2020-2032 ở mức 8.400.000 đ/tấn (lô đấu giá gần nhất là 8.200.000 đ/tấn).

* Giá liệu nguội: tạm tính bình ổn trong suốt giai đoạn 2020-2032 ở mức 8.300.000 đ/tấn (lô đấu giá gần nhất là 8.150.000 đ/tấn).

* Giá điện năng: 1.623 đ/kWh; Giá dầu diezel: 15.809 đ/lít.

* Quặng hợp cách khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa tính toán theo giá QNK khi thực hiện phương án hợp tác đầu tư (tạm tính 1.176.348 đồng/tấn, chưa có VAT nhưng đã bao gồm các lại thuế phí khác theo quy định).

* Giá quặng sắt 0-8mm (63%Fe) mua ngoài: 1,35 triệu đồng/tấn; Giá tinh quặng (64%Fe) mua ngoài: 1,40 triệu đồng/tấn.

* Khấu hao TSCĐ tính theo kế hoạch khấu hao và kế hoạch đầu tư bổ sung duy trì sản xuất hàng năm. Chi phí xây lại lò cao dự kiến phát sinh thêm 100 tỷ và sẽ được phân bổ đều cho các năm theo chu kỳ, cụ thể: Từ năm 2021 chi phí lớn sẽ cộng thêm phát sinh 15 tỷ đồng/năm và năm 2028 đến 2032 sẽ cộng thêm phát sinh 20 tỷ đồng/năm.

* Quỹ lương: Năm 2020: 80,305 tỷ đồng/năm, từ năm 2021 trở đi cứ mỗi năm tăng 1% tổng quỹ tiền lương của năm trước liền kề.

* Lao động sử dụng bình quân hàng năm là 900 người.

Theo kết quả tính toán kế hoạch SXKD, khi triển khai thực hiện phương án hợp tác khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa, cùng với các yếu tố kinh tế dự kiến như trên thì sẽ mang lại cho CISCO lợi nhuận trung bình khoảng 80 tỷ đồng/năm, đồng thời dự kiến đến năm 2023 CISCO sẽ bù đắp hết số lỗ lũy kế và có lợi nhuận để chia cổ tức.

Kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm của CISCO khi hợp tác triển khai phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa cùng với VIMICO, giai đoạn từ năm 2019 - 2032 được cân đối, tính toán và tổng hợp trong bảng dưới đây.

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu của CISCO giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2032

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Năm 2031	Năm 2032	Cộng
I	**Chỉ tiêu sản lượng**																
1	Quặng sắt NK	Tấn	220.000	200.000	65.000	300.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	4.285.000
-	Trong đó: Quặng hợp cách	"	150.000	100.000		260.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	3.510.000
2	Quặng sắt 0-8mm	Tấn	206.000	181.000	138.000	259.000	261.000	261.000	261.000	261.000	261.000	240.000	261.000	261.000	261.000	261.000	3.373.000
-	Sản xuất		94.000	50.000		200.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	2.744.000
-	Mua ngoài		112.000	131.000	138.000	59.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	-	21.000	21.000	21.000	21.000	629.000
3	Quặng sắt 8-38mm (tự SX)	Tấn	76.000	50.000		60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	786.000
4	Tinh quặng sắt <1mm	Tấn	92.000	120.000	96.000	69.000	75.000	71.000	74.000	74.000	71.000	54.000	71.000	74.000	71.000	69.000	1.081.000
-	Sản xuất		50.000	79.000	89.000	30.000	42.000	38.000	41.000	41.000	38.000	38.000	38.000	41.000	38.000	36.000	639.000
-	Mua ngoài		42.000	41.000	7.000	39.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	16.000	33.000	33.000	33.000	33.000	442.000
5	Phôi thép	Tấn															-
-	Sản xuất	"	220.000	220.000	180.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	180.000	220.000	220.000	220.000	220.000	3.000.000
-	Tiêu thụ	"	250.000	220.000	180.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	180.000	220.000	220.000	220.000	220.000	3.030.000
II	**Giá thành**																
1	**Giá thành sản xuất**																
-	Quặng hợp cách	10^3đ/t	298	380	380	1.244	1.234	1.239	1.236	1.235	1.239	1.238	1.238	1.232	1.238	1.241	
-	Tinh quặng sắt <1mm	"	1.040	960	1.047	1.926	1.722	1.832	1.729	1.739	1.849	1.863	1.879	1.762	1.880	2.129	
-	Phôi Ct5	"	10.762	10.479	10.769	10.918	10.823	10.918	10.887	10.892	10.943	11.449	10.983	10.944	11.004	11.084	
-	Phôi SD295A + khác	"	9.455	9.478	9.740	9.875	9.788	9.874	9.847	9.851	9.897	10.355	9.933	9.898	9.953	10.025	
2	**Giá thành tiêu thụ**	10^3đ/t															
-	Phôi Ct5	"	11.505	11.102	11.413	11.391	11.274	11.346	11.302	11.297	11.345	11.827	11.411	11.352	11.406	11.485	
-	Phôi SD295A + khác	"	10.201	10.036	10.319	10.303	10.196	10.262	10.222	10.217	10.261	10.700	10.317	10.267	10.316	10.388	
3	**Giá bán**	10^3đ/t															
-	Phôi Ct5	"	11.352	11.300	11.639	11.988	11.988	11.988	11.988	11.988	11.988	11.988	11.988	11.988	11.988	11.988	
-	Phôi SD295A + khác	"	10.307	10.220	10.527	10.842	10.842	10.842	10.842	10.842	10.842	10.842	10.842	10.842	10.842	10.842	
III	**Chỉ tiêu tài chính**																
1	Doanh thu	Tr.đ	2.673.547	2.342.800	1.991.780	2.484.989	2.484.989	2.484.989	2.484.989	2.484.989	2.484.989	2.484.989	2.484.989	2.484.989	2.484.989	2.484.989	34.343.010
2	Lợi nhuận	Tr.đ	542	46.744	44.040	128.543	152.799	137.905	146.908	148.108	138.045	37.975	124.903	136.671	125.402	109.157	1.477.741

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Năm 2031	Năm 2032	Cộng
3	Lỗ lũy kế	Tr.đ	(272.493)	(225.749)	(181.710)	(53.167)	99.632	237.537	384.444	532.552	670.598	708.573	833.476	970.147	1.095.549	1.204.706	
4	Quỹ tiền lương	Tr.đ	76.044	80.305	81.108	81.919	82.738	83.566	84.401	85.245	86.098	86.959	87.828	88.707	89.594	90.490	
5	Lao động bình quân	Tr.đ	870	900	900	900	900	900	900	900	900	900	900	900	900	900	
6	Tiền lương bình quân	Tr.đ	7,28	7,44	7,51	7,59	7,66	7,74	7,81	7,89	7,97	8,05	8,13	8,21	8,30	8,38	
7	Lãi vay + Tỷ giá	Tr.đ	122.500	100.749	87.090	74.367	67.340	64.317	60.537	58.646	58.646	58.646	58.646	58.646	58.646	58.646	987.424
8	CP quản lý + bán hàng	Tr.đ	21.740	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	346.740
9	Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	120.511	120.511	120.511	120.511	120.511	120.511	120.511	120.511	120.511	120.511	120.511	120.511	120.511	120.511	1.687.148
10	Sửa chữa lớn	Tr.đ	17.975	31.100	47.655	47.655	47.655	47.655	47.655	47.655	50.038	55.038	55.038	55.038	55.038	55.038	660.232
11	Sửa chữa thường xuyên	Tr.đ	27.690	34.985	34.985	34.985	34.985	34.985	34.985	34.985	34.985	34.985	34.985	34.985	34.985	34.985	482.495

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH TỔ CHỨC THỰC HIỆN KHAI THÁC KHU BẮC MỎ SẮT NÀ RỤA CỦA TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI LẬP PHƯƠNG ÁN

Do CISCO gặp khó khăn về tài chính nên không thể tự cân đối vốn/dòng tiền thực hiện mà cần phải tổ chức mời hợp tác đầu tư thực hiện phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa. Chủ trương xã hội hóa đầu tư khai thác tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa đã được HĐQT VIMICO thông qua và chỉ đạo Người đại diện QLPV của VIMICO tại CISCO tổ chức thực hiện từ tháng 7/2017. CISCO đã nhiều lần tổ chức mời các đơn vị tham gia xã hội hóa công tác khai thác mỏ với hình thức nhà đầu tư bỏ vốn để đền bù GPMB, tổ chức bóc đất, khai thác quặng và bán lại cho CISCO theo giá được hai bên thỏa thuận hàng năm. Nhưng đến nay vẫn không có đơn vị quan tâm để thực hiện khai thác tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa một cách độc lập, nguyên nhân chính là do khối lượng và giá trị thực hiện đền bù GPMB của phương án lớn.

Do vậy việc tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho CISCO là rất cần thiết, cấp bách và là trách nhiệm của các cổ đông. Ngày 23/7/2019, các cổ đông lớn của CISCO đã có buổi làm việc và thống nhất chủ trương để VIMICO huy động các nguồn lực tài chính và đứng ra thực hiện phương án hợp tác khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa. Căn cứ vào nội dung đã được các bên thống nhất, VIMICO lập phương án này để báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo và thông qua để làm cơ sở triển khai.

II. CƠ SỞ LẬP VÀ NGUYÊN TẮC KHI TRIỂN KHAI PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở lập phương án

VIMICO xây dựng phương án sản xuất kinh doanh tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa để trình các cấp có thẩm quyền thông qua dựa trên các cơ sở chủ yếu sau:

- Biên bản làm việc ngày 23/7/2019 giữa VIMICO, CISCO và một số cổ đông lớn của CISCO về việc thống nhất chủ trương thực hiện phương án hợp tác khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa;

- Dự án đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa, Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đạt 350.000 tấn/năm đã được HĐQT CISCO phê duyệt;

- Phương án khai thác hợp lý khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa (giai đoạn 1) đã được HĐQT CISCO thông qua;

- Phương án hợp tác đầu tư khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa đạt 350.000 tấn/năm đã được HĐQT CISCO thông qua;

- Các nguồn lực hiện có của VIMICO.

2. Nguyên tắc triển khai

Việc triển khai phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Phương án khai thác tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa được thực hiện theo hình thức hợp tác kinh doanh giữa VIMICO với CISCO, theo đó việc VIMICO đứng ra tổ chức khai thác tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa để cung cấp quặng cho CISCO sản xuất phôi thép tại Nhà máy gang thép Cao Bằng phải đi kèm với điều kiện sau:

i) CISCO cam kết trả cho VIMICO trong thời gian thực hiện phương án hợp tác (13 năm) một lượng phôi thép hàng năm (quy đổi theo số dư nợ hàng năm/giá bán), giá bán phôi thép sẽ được VIMICO và CISCO thống nhất tại các lần tổ chức chào giá tiêu thụ.

ii) CISCO cam kết chuyển giao quyền bán quặng sắt (trong thời gian thực hiện phương án hợp tác) cho VIMICO trong trường hợp CISCO không tiêu thụ số quặng mà VIMICO khai thác theo hợp đồng.

- Quá trình hợp tác thực hiện phải đảm bảo nguyên tắc đồng thuận và hài hòa lợi ích giữa các bên tham gia.

- Trước khi thực hiện phương án phải được HĐQT/ĐHĐCĐ VIMICO thông qua/phê duyệt việc hợp tác thực hiện theo Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy định của pháp luật.

- Hàng năm, hai bên sẽ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch chi phí, giá thành để làm cơ sở xác định chi phí bóc xúc đất đá, giá mua bán quặng nguyên khai,...

- Điều kiện cần để VIMICO triển khai phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa là:

+ ĐHĐCĐ của CISCO có Nghị quyết thông qua các nội dung hợp tác với VIMICO để tổ chức khai thác tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa theo phương án đã được phê duyệt (VIMICO không tham gia biểu quyết).

+ CISCO nhận được sự cam kết/chấp thuận của cấp có thẩm quyền tại tỉnh Cao Bằng trong việc thống nhất phương án đền bù GPMB, tái định cư,... phù hợp với phương án kỹ thuật khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa.

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

Trên cơ sở khối lượng các công việc cần triển khai trong phương án hợp tác khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa, VIMICO sẽ phối hợp với CISCO tổ chức thực hiện phương án với nội dung và trình tự như sau:

1. Hoàn thiện thủ tục pháp lý, dự thảo hợp đồng hợp tác

Hình thức hợp tác thực hiện phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa giữa VIMICO và CISCO là khá đặc thù, nhất là trong điều kiện cả VIMICO và CISCO đều hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đại chúng, vì vậy việc hợp

tác đòi hỏi phải có đảm bảo chặt chẽ và tuân thủ đúng điều lệ tổ chức hoạt động của Luật DN, Luật chứng khoán và Điều lệ cả hai đơn vị.

Để đảm bảo tính chặt chẽ và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, sau khi phương án được các cấp có thẩm quyền thông qua, VIMICO sẽ tiến hành thuê đơn vị tư vấn luật để tư vấn hoàn thiện thủ tục pháp lý và dự thảo hợp đồng hợp tác giữa VIMICO và CISCO.

2. Tìm kiếm đối tác liên danh cùng tham gia thực hiện với VIMICO

Do nguồn vốn bỏ ra ban đầu là lớn cộng với việc VIMICO không có chức năng làm hạ tầng trong công việc XD khu Tái định cư, nên VIMICO đã tổ chức thực hiện tìm kiếm đối tác để cùng hợp tác thực hiện Phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa với CISCO

2.1. Trình tự và kết quả lựa chọn đơn vị hợp tác

Để thực hiện việc tìm kiếm, lựa chọn đơn vị cùng VIMICO tham gia hợp tác thực hiện Phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa, VIMICO đã triển khai các bước như sau:

- Lập Hồ sơ mời hợp tác sản xuất kinh doanh thực hiện phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa; Trình HĐQT VIMICO phê duyệt Hồ sơ mời hợp tác tại Quyết định số 1284/QĐ-VIMICO ngày 31/12/2019.

- Phát hành Thư mời hợp tác sản xuất kinh doanh thực hiện Phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa số 3005/VIMICO-KHZ ngày 31/12/2019; Tổ chức đăng tải thông tin mời hợp tác trên các phương tiện thông tin đại chúng bao gồm: đăng tải trên Thời báo kinh tế Việt Nam (03 số liên tiếp từ ngày 04 đến ngày 07/01/2020), đăng tải trên các website: vinacomin.vn và vimico.vn.

- Tiến hành phát Hồ sơ mời hợp tác và tiếp nhận Hồ sơ đề xuất hợp tác cho các đơn vị quan tâm thực hiện.

- Đánh giá lựa chọn và phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị tham gia hợp tác tại Quyết định số 104/QĐ-VIMICO ngày 31/01/2020, kết quả VIMICO đã lựa chọn được Công ty cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên là đơn vị sẽ cùng VIMICO liên danh để thương thảo ký hợp đồng hợp tác thực hiện Phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa với CISCO.

- Ký kết Thỏa thuận liên danh (có kèm theo) hợp tác thực hiện Phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa giữa VIMICO và Công ty cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

2.2. Nội dung và nguyên tắc hợp tác

VIMICO và Công ty cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên (gọi tắt là đối tác) đã sơ bộ thống nhất nội dung và nguyên tắc hợp tác trong liên danh như sau:

i) Đối với vốn ban đầu:

- VIMICO thực hiện việc huy động vốn để thực hiện toàn bộ công tác bồi thường GPMB khu vực khai trường + bãi thải và GPMB khu tái định cư với dự toán 585 tỷ đồng, tương ứng 68,42% vốn ban đầu.

- Đối tác cùng hợp tác với VIMICO huy động vốn, nhận mặt bằng VIMICO bàn giao để thực hiện các công việc liên quan đến xây dựng ban đầu là: (1) xây dựng hạ tầng khu tái định cư và (2) bóc đất giai đoạn chuẩn bị (02 năm đầu, bao gồm cả chi phí lắp đặt bơm thoát nước khai trường) với giá trị dự toán 270 tỷ đồng, tương ứng 31,58% vốn ban đầu.

TỶ LỆ VỐN THAM GIA (TỶ LỆ VỐN) của các bên sẽ được dựa trên giá trị quyết toán mỗi công việc, được xác định vào thời điểm trước khi thực hiện khai thác quặng.

Đối với mỗi công việc thực hiện, 2 bên sẽ cùng CISCO thống nhất phương thức quyết toán giá trị thực hiện làm cơ sở tính giá khai thác quặng và phân chia các công việc giai đoạn khai thác theo TỶ LỆ VỐN.

Các chi phí bồi thường GPMB và xây dựng TĐC nếu phát sinh trong thời gian khai thác các bên cùng huy động vốn để thực hiện theo TỶ LỆ VỐN.

Việc thu hồi vốn của mỗi bên được thực hiện trong giai đoạn khai thác quặng theo TỶ LỆ VỐN của các bên.

ii) Đối với chi phí sản xuất hàng năm:

Hai bên sẽ thống nhất đơn giá khai thác quặng sắt hàng năm để giao việc khai thác cho 1 trong 2 bên thực hiện và/hoặc phân chia khối lượng công việc thực hiện tương ứng với TỶ LỆ VỐN.

Trường hợp hai bên nhất trí đi thuê ngoài thực hiện việc khai thác, hai bên sẽ thống nhất giá đi thuê và phương thức lựa chọn nhà thầu phù hợp với Luật.

iii) Về quyền lợi:

Quyền lợi của mỗi bên sẽ được tính toán, xác định trên nguyên tắc dựa theo tỷ lệ vốn bỏ ra ban đầu và khối lượng công việc, chi phí thực hiện hàng năm của mỗi bên. Nội dung cụ thể sẽ được hai bên bàn bạc, trao đổi và thống nhất khi ký kết hợp đồng hợp tác.

3. Thực hiện công tác đền bù GPMB, tái định cư

Theo quy định trách nhiệm thực hiện công tác đền bù GPMB, nắn đường giao thông ra khỏi phạm vi mỏ, tái định cư và làm thủ tục thuê đất với chính quyền địa phương,... thuộc về chủ đầu tư là CISCO, VIMICO sẽ phối hợp với CISCO trong việc tổ chức thực hiện thống kê, đền bù GPMB để bàn giao mặt bằng sạch cho VIMICO phục vụ công tác khai thác, đổ thải.

Kế hoạch đền bù GPMB, tái định cư dự kiến như sau:

- Năm thứ nhất đền bù GPMB bao gồm 25ha khai trường khu Bắc và 26,4ha đất bãi thải số 3; triển khai xây dựng khu tái định cư;

- Năm thứ hai đền bù GPMB 19,8ha khai trường khu Bắc;

- Năm thứ ba đền bù GPMB 69,1ha đất bãi thải số 4.

Trên cơ sở quyết định phê duyệt kinh phí đền bù GPMB, tái định cư,... của chính quyền địa phương, VIMICO sẽ cung cấp nguồn tài chính để CISCO tổ chức thực hiện việc đền bù GPMB, tái định cư.

Dự kiến kinh phí và tiến độ thực hiện đền bù GPMB, tái định cư do CISCO xác định như sau:

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Khoản mục chi phí	Năm sản xuất			Cộng
		Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	
1	Chi phí GPMB	320.791.940	211.701.730	53.298.475	**585.792.145**
2	Xây dựng khu tái định cư	103.636.364	-	-	**103.636.364**
	Tổng cộng	**424.428.304**	**211.701.730**	**53.298.475**	**689.428.509**

4. Bóc đất đá chuẩn bị sản xuất

Theo kế hoạch và tiến độ thực hiện phương án khai thác khu Bắc, công tác bóc đất đá chuẩn bị sản xuất sẽ được thực hiện trong hai năm đầu, với khối lượng bóc đất là: 3.000.000 m3. Trong đó: đất đá cấp I chiếm 60%, đất đá cấp II chiếm 40%, cung độ vận chuyển trung bình 1,5 km.

5. Giải pháp kỹ thuật và các chỉ tiêu công nghệ sản xuất hàng năm

Khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa được thiết kế khai thác lộ thiên, đây là mỏ có quy mô ở mức trung bình, nhìn chung hệ thống khai thác khá đơn giản, các công đoạn sản xuất đều sử dụng phương pháp truyền thống nên công tác tổ chức sản xuất không phức tạp. Các giải pháp kỹ thuật, thông số kỹ thuật khai trường,... sẽ được VIMICO triển khai thực hiện theo đúng phương án khai thác hợp lý khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa đã được phê duyệt, như sau:

+ Hệ thống khai thác:

Để đảm bảo cung cấp ổn định nguyên liệu đầu vào cho Nhà máy Gang thép, giảm bớt khối lượng chiếm đất bề mặt, diện tích bãi thải ngoài, tận dụng tối đa bãi thải trong, nâng cao hiệu quả kinh tế cho mỏ là cần thiết khi mỏ khai thác xuống sâu. Do đó, công tác khai thác trong phân kỳ đầu của các phương án được lựa chọn là tiến hành khai thác trên toàn bộ biên giới kết thúc phần kỳ đầu, phát triển công trình mỏ từ trung tâm về hai cánh, hướng bóc đất đá từ trung tâm về cánh Nam và Cánh Bắc.

Trong các năm đầu tiến hành bóc đất từ địa hình phát triển về phía trụ, đưa các tầng phía trên bên trụ về biên giới kết thúc nhằm hoàn trả để xây dựng đoạn đường thuộc tuyến đường nối QL.3 và QL.4A (đoạn tránh qua thị xã Cao Bằng) đi qua bờ trụ của mỏ.

Để phù hợp với điều kiện địa chất, hiện trạng khai trường khu Bắc lựa chọn HTKT khấu theo lớp đứng chia bờ mỏ thành nhiều nhóm tầng, trên mỗi nhóm tầng có thể sử dụng khấu đuổi, vận tải đất đá đổ bãi thải ngoài và bãi thải trong.

Công nghệ làm tơi đất đá và quặng: Đất đá và quặng được làm tơi sơ bộ bằng khoan nổ mìn đường kính D =105-:-165mm sau đó dùng MXTLGN có dung tích gầu E = 2,8÷4,3 m^3 xúc lên ôtô tự đổ có tải trọng q = 15÷36 tấn vận chuyển ra bãi thải và nhà máy tuyển.

Công nghệ đào sâu đáy mỏ áp dụng đáy mỏ bậc thang có đáy moong nghiêng với việc sử dụng máy xúc thủy lực gầu ngược.

+ Công tác vận tải:

Vận tải đất đá: Đất đá thải trong quá trình khai thác được MXTLGN dung tích gầu E = 4,3 m^3 xúc lên ô tô có tải trọng q = 36 tấn đổ ra bãi thải ngoài phía Nam khai trường.

Vận tải quặng: Quặng nguyên khai sau khi khai thác được MXTLGN E = 2,8 m^3xúc lên ô tô tự đổ có tải trọng q = 15 tấn vận chuyển về nhà máy tuyển sau đó chuyển về nhà máy Gang thép.

+ Công tác đổ thải:

Khối lượng đất đá thải hàng năm của mỏ trong phân kỳ đầu của các phương án được đổ ra bãi thải ngoài phía Nam khai trường.

- Bãi thải số 2 (bãi thải trong khai trường khu Nam): Đất đá thải khai trường khu Bắc được vận chuyển về đổ thải trong vào khai trường khu Nam. Quá trình đổ thải từ Bắc xuống Nam, từ thấp lên cao. Khi đổ lên tầng thải +360, bãi thải số 2 phát triển về phía Tây Nam và đổ trùm vào tầng thải +340 của bãi thải số 3. Kết thúc đổ thải tầng +360, mỏ tiếp tục đổ lên các tầng trên. Kết thúc đổ thải tại bãi thải số 2 cốt cao đổ thải mức +380, với khối lượng đổ thải 7.700.000 m3.

- Bãi thải số 3: Đổ thải từ cos +300 đến cos + 340. Được đổ thải từ mức +300, theo trình tự từ Bắc xuống Nam, quá trình đổ từ thấp lên cao. Mỏ tiến hành đổ xong tầng thấp +300 đến giới hạn kết thúc tầng thải thì mới được tiếp tục đổ thải lên các tầng cao. Trong quá trình đổ thải, đê chắn chân bãi thải sẽ được đắp trước khi đổ thải.

- Bãi thải số 4: Đất đá thải khai trường khu Bắc được vận chuyển về đổ thải vào bãi thải số 4. Sau khi đổ thải xong mức +220, tiếp tục đổ lên các tầng cao hơn +240, +260, +280, +300.... Trình tự phát triển từ Bắc xuống phía Nam và Đông Nam, đổ thải từ thấp lên cao. Khối lượng đổ thải là 15.900.000 m3.

+ Công tác thoát nước

Nước mặt: Xây dựng hệ thống thoát nước theo các tầng để thoát nước mặt ra khỏi biên giới.

Nước ngầm: Sử dụng hệ thống bơm có Q= 800÷1.400 (m^3/giờ), chiều cao đẩy H_b = 228÷180 (m), P = 900 kW.

Các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ sản xuất hàng năm của phương án khai thác hợp lý khu Bắc được HĐQT CISCO thông qua như **Phụ lục 1** kèm theo.

6. Tính toán hiệu quả kinh tế khi thực hiện phương án:

a. Chi phí thực hiện:

Chi phí tổ chức thực hiện phương án khai thác khu Bắc bao gồm các chi phí như sau:

- Chi phí đền bù GPMB, tái định cư sẽ được giải ngân theo tiến độ thực hiện của CISCO;

- Chi phí bóc đất chuẩn bị và khai thác hàng năm: Chi phí này được tính toán, xác định trên cơ sở đơn giá các công đoạn của Tập đoàn ban hành, có điều chỉnh theo giá nhiên liệu thời điểm hiện tại và điều kiện khó khăn tại khu vực Cao Bằng (chi tiết như **Phụ lục 2** kèm theo);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Chi phí quản lý của VIMICO (chi phí lãi vay tại **Phụ lục 4,** chi phí bộ máy quản lý,…).

b. Doanh thu, lợi nhuận:

Doanh thu thực hiện hàng năm (từ năm thứ 3) là giá trị thanh toán giữa VIMICO và CISCO trên cơ sở sản lượng quặng nguyên khai và đơn giá khai thác được hai bên thống nhất (theo phương án hợp tác là 965.624 đồng/tấn).

Như vậy ta có bảng tính doanh thu, chi phí và lợi nhuận phương án SXKD tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc tại **Phụ lục 3.**

c. Kế hoạch huy động vốn, trả nợ và cân đối nguồn:

* Kế hoạch huy động vốn và trả nợ:

Theo tiến độ thực hiện phương án khai thác khu Bắc, mỏ sắt Nà Rụa, ngoài phần việc hợp tác với đối tác bên ngoài (xây dựng khu tái định cư và bóc đất chuẩn bị trong 2 năm đầu), VIMICO sẽ cần huy động vốn trong 2 năm đầu để cung cấp tài chính và phối hợp với CISCO thực hiện công tác đền bù GPMB tổng giá trị vốn cần huy động khoảng 585,79 tỷ đồng.

Từ năm thứ 3 trở đi, sau khi có sản phẩm quặng nguyên khai để giao lại cho CISCO thì VIMICO sẽ cân đối được nguồn để trả nợ, theo tính toán số nợ sẽ được VIMICO trả đều qua các năm và đến năm thứ 8 thì số dư nợ bằng 0.

Chi tiết kế hoạch huy động vốn, trả nợ và thời gian hoàn vốn phương án SXKD tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa xem tại **Phụ lục 5.**

* Cân đối nguồn vốn của VIMICO:

Từ nhu cầu và kế hoạch huy động vốn để tổ chức thực hiện phương án SXKD khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa, VIMICO sẽ sử dụng kết hợp vốn tự có và vốn vay đáp ứng yêu cầu giải ngân theo tiến độ thực hiện phương án đối với các phần việc do VIMICO đảm nhận, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ từ các cổ đông, khách hàng, đối tác,… để đáp ứng yêu cầu huy động vốn thực hiện phương án.

d. Hiệu quả kinh tế:

Từ các yếu tố chi phí đầu vào, đầu ra khi thực hiện phương án SXKD tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rùa, ta xác định được các chỉ tiêu NPV, IRR của phương án như **Phụ lục 6** kèm theo. Nhìn chung phương án SXKD tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa có tính khả thi và đảm bảo có hiệu quả.

7. Trách nhiệm của các bên tham gia thực hiện phương án

VIMICO dự kiến, đề xuất trách nhiệm của VIMICO và CISCO khi tham gia hợp tác kinh doanh như sau:

*** VIMICO (bao gồm cả đối tác của VIMICO):**

- Chủ trì quản lý, huy động các nguồn lực để thực hiện phương án khai thác;

- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý/hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng mua bán phôi thép giữa VIMICO với CISCO;

- Tổ chức thi công khai thác và cung cấp quặng nguyên khai cho CISCO chế biến;

- Tổ chức tiêu thụ toàn bộ phôi thép do CISCO sản xuất;

- Hỗ trợ CISCO thực hiện những công việc sau:

+ Đền bù GPMB, xây dựng khu tái định cư;

+ Quản lý kỹ thuật, điều độ sản xuất;

+ Quản trị chi phí, giá thành;

*** CISCO:**

- Hoàn thiện việc điều chỉnh dự án, điều chỉnh ĐTM (nếu có), quyết toán dự án, thuê đất,… theo quy định;

- Nộp thuế tài nguyên, phí môi trường, tiền thuê đất, chi phí quan trắc, tiền ký quỹ môi trường, tiền cấp quyền khai thác và nghĩa vụ khác đối với Nhà nước theo Luật định đối với Chủ giấy phép khai thác mỏ;

- Tổ chức thực hiện công tác đền bù GPMB, tái định cư, hợp đồng thuê đất để bàn giao mặt bằng sạch cho VIMICO phục vụ công tác khai thác, đổ thải;

- Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ GPKT mỏ sắt Nà Rụa, chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động khoáng sản, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự,...;

- Sử dụng quặng nguyên khai để cung cấp, phục vụ sản xuất tại xưởng tuyển và nhà máy luyện gang thép.

8. Thời gian thực hiện

Dự kiến tiến độ thực hiện các công việc chủ yếu của phương án khai thác như sau:

- Lập và trình thông qua Phương án SXKD tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa: Quý I/2020.

- Ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa các bên: Quý II/2020.

- Thống kê, đền bù GPMB, xây dựng tái định cư: Từ Quý IV/2019 đến Quý IV/2020.

- Thống kê, đền bù GPMB, bãi thải và khai trường Khu Bắc: Từ Quý I/2020 đến Quý II/2021.

- Bóc đất đá chuẩn bị: Từ Quý III/2020 đến Quý IV/2021.

- Tổ chức khai thác, cung cấp quặng cho Nhà máy luyện gang thép: Từ Quý I/2022.

IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

Để chủ động cung cấp ổn định nguyên liệu, giúp giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả SXKD của CISCO,... thì việc tổ chức khai thác khu Bắc mỏ Nà Rụa là rất cần thiết và cấp bách. Trong thời gian qua, CISCO đã và đang tổ chức mời các đơn vị tham gia xã hội hóa công tác khai thác mỏ, nhưng đến nay vẫn chưa chọn được đơn vị nào quan tâm cùng phối hợp thực hiện.

Trên cơ sở đề xuất của các cổ động CISCO, VIMICO đã lập phương án SXKD tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa, về mặt kỹ thuật công nghệ hoàn toàn có thể giải quyết được, bên cạnh đó việc hợp tác thực hiện phương án khai thác cũng sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cho VIMICO.

Tổng Giám đốc xin trân trọng báo cáo và kính đề nghị HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV xem xét thông qua để sớm triển khai thực hiện./.

Phụ lục 1: TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT SẢN XUẤT HÀNG NĂM PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH TỔ CHỨC KHAI THÁC KHU BẮC MỎ SẮT NÀ RỤA

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Năm sản xuất													Cộng
			Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm 13	
A	**Khối lượng mỏ**															
1	Khối lượng đất đá	1000m3	1.000	2.000	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.100	2.100	2.100	2.100	28.900
-	Đất bóc	"	600	1.200	1.405	999,7	737,5	430	595	250	250	189	189	147	147	7.139
-	Đá bóc	"	400	800	1.095	1.500,30	1.762,50	2.070	1.905	2.250	2.250	1.911	1.911	1.953	1.953	21.761
2	Quặng nguyên khai	1000Tấn	-	-	300	350	350	350	350	350	350	350	350	350	340	3.790
-	Hàm lượng	% Fe			63,5	61,84	60,58	59,74	59,31	60,12	57,65	58,14	58,48	61,57	59,05	59,95
B	**Khối lượng các công đoạn sản xuất**															
1	Khối lượng xúc bốc	1000m3	1.000	2.000	2.567	2.578	2.578	2.578	2.578	2.578	2.578	2.178	2.178	2.178	2.176	29.744
-	Đất	"	600	1.200	1.405	1.000	738	430	595	250	250	189	189	147	147	7.139
-	Đá	"	400	800	1.095	1.500	1.763	2.070	1.905	2.250	2.250	1.911	1.911	1.953	1.953	21.761
-	Quặng	"	-	-	66,8	78,0	78,0	78,0	78,0	78,0	78,0	78,0	78,0	78,0	75,7	844,1
3	Khối lượng vận chuyển		3.591	7.182	9.876	11.782	12.690	13.449	13.658	14.879	15.787	15.548	17.507	18.626	19.624	174.199
-	Đất	1000Tkm	1.935	3.870	4.622	3.697	2.870	1.720	2.443	1.086	1.150	1.012	1.146	945	996	27.491
-	Đá	"	1.656	3.312	4.624	7.122	8.805	10.627	10.042	12.544	13.289	13.133	14.874	16.117	16.979	133.125
-	Quặng	"	-	-	630	963	1.015	1.103	1.173	1.250	1.348	1.404	1.488	1.565	1.649	13.584
4	Khối lượng nổ mìn	1000m3														
-	Đá	"	160	320	615	902	1.243	1.577	1.577	2.025	2.025	1.739	1.739	1.816	1.816	17.555
-	Quặng	"	-	-	67	78	78	78	78	78	78	78	78	78	76	844
5	Khối lượng san gạt	1000m3	300	600	750	750	750	750	750	750	750	630	630	630	630	8.670
-	Đất thải	"	180	360	422	300	221	129	179	75	75	57	57	44	44	2.142
-	Đá thải	"	120	240	329	450	529	621	572	675	675	573	573	586	586	6.528
C	**Chỉ tiêu công nghệ**															
1	Hệ số bóc	m^3/tấn	-	-	8,33	7,14	7,14	7,14	7,14	7,14	7,14	6,00	6,00	6,00	6,18	7,63
2	Thể trọng															
-	Thể trọng đất đá	tấn/m3	2,39	2,39	2,42	2,52	2,58	2,66	2,61	2,70	2,70	2,71	2,71	2,72	2,72	2,61
+	Đất	"	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15
+	Đá	"	2,76	2,76	2,76	2,76	2,76	2,76	2,76	2,76	2,76	2,76	2,76	2,76	2,76	2,76
-	Thể trọng quặng	"	4,49	4,49	4,49	4,49	4,49	4,49	4,49	4,49	4,49	4,49	4,49	4,49	4,49	4,49
3	Cung độ vận chuyển															1,85
-	Đất bóc	Km	1,5	1,5	1,53	1,72	1,81	1,86	1,91	2,02	2,14	2,49	2,82	2,99	3,15	1,41

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Năm sản xuất													Cộng
			Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm 13	
-	Đá bóc	"	1,5	1,5	1,53	1,72	1,81	1,86	1,91	2,02	2,14	2,49	2,82	2,99	3,15	2,13
-	Quặng	"	-	-	2,1	2,75	2,9	3,15	3,35	3,57	3,85	4,01	4,25	4,47	4,85	3,58
4	Độ cứng đá, quặng															
-	Đá	f	8-9	8-9	8-9	8-9	8-9	8-9	8-9	8-9	8-9	8-9	8-9	8-9	8-9	8-9
-	Quặng	"	9-10	9-10	9-10	9-10	9-10	9-10	9-10	9-10	9-10	9-10	9-10	9-10	9-11	9-10
5	Tỷ lệ nổ mìn	%														
-	Đá	"	40	40	56,2	60,1	70,5	76,2	82,8	90	90	91	91	93	93	80,67
-	Quặng	"	-	-	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100

Phụ lục 2: ĐƠN GIÁ CÔNG ĐOẠN KHAI THÁC PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH TỔ CHỨC THỰC HIỆN KHAI THÁC KHU BẮC MỎ SẮT NÀ RỤA

TT	Danh mục đơn giá	Đơn giá	Trong đó					
			Vật liệu	Nhiên liệu, động lực	Tiền lương	Bảo hiểm	Khấu hao	Chi phí khác
I	**Khoan đường kính ≤ 102 mm, độ cứng f**	**đồng/m3**						
1	f ≤ 7,5	3.676	1.076	1.317	392	69	565	258
2	f ≤ 8,5	4.601	1.348	1.685	451	78	772	267
3	f ≤ 9,5	5.528	1.620	2.054	509	89	978	277
4	f ≤ 10,5	6.309	1.864	2.370	577	101	1.109	287
II	**Nổ mìn đường kính lỗ khoan ≤ 102mm, độ cứng f**	**đồng/m3**						
1	f ≤ 7,5	11.262	10.151	114	456	86	41	414
2	f ≤ 8,5	12.425	11.201	114	512	97	41	460
3	f ≤ 9,5	13.584	12.251	114	568	107	41	504
4	f ≤ 10,5	15.129	13.643	114	645	122	41	564
III	**Xúc đất đá, quặng bằng máy có gầu xúc ≤ 3m3**	**đồng/m3**						
1	Đất	6.316	507	3.386	799	131	986	508
2	Đá	7.574	640	3.784	1.084	177	1.337	552
3	Quặng	8.554	765	3.983	1.342	220	1.654	591
IV	**Vận tải đất đá, quặng bằng xe ô tô có tải trọng ≤ 60 tấn**	**đồng/t.km**						
1	Cung độ 0,2km	16.612	4.120	4.882	1.325	213	5.817	255
2	Cung độ 0,3km	13.103	3.327	4.257	959	154	4.212	194
3	Cung độ 0,4km	11.454	2.963	3.924	793	127	3.482	165
4	Cung độ 0,5km	10.183	2.673	3.712	659	106	2.891	142
5	Cung độ 0,6km	9.402	2.500	3.556	579	93	2.545	129
6	Cung độ 0,7km	8.823	2.372	3.435	521	84	2.291	120
7	Cung độ 0,8km	8.349	2.268	3.335	475	76	2.083	112
8	Cung độ 0,9km	7.996	2.193	3.249	441	71	1.937	106
9	Cung độ 1,0km	7.671	2.124	3.172	410	65	1.800	100
10	Cung độ 1,1km	7.420	2.072	3.102	387	62	1.700	96
11	Cung độ 1,2km	7.172	2.020	3.039	365	58	1.598	91
12	Cung độ 1,3km	6.970	1.978	2.979	347	56	1.521	89
13	Cung độ 1,4km	6.783	1.941	2.923	330	53	1.450	85

TT	Danh mục đơn giá	Đơn giá	Trong đó					
			Vật liệu	Nhiên liệu, động lực	Tiền lương	Bảo hiểm	Khấu hao	Chi phí khác
14	Cung độ 1,5km	6.605	1.906	2.868	315	51	1.382	83
15	Cung độ 1,6km	6.460	1.879	2.816	304	49	1.332	81
16	Cung độ 1,7km	6.343	1.857	2.765	296	47	1.298	80
17	Cung độ 1,8km	6.215	1.833	2.716	286	46	1.255	77
18	Cung độ 1,9km	6.096	1.812	2.669	278	44	1.217	76
19	Cung độ 2,0km	5.987	1.793	2.622	270	44	1.185	74
20	Cung độ 2,5km	5.738	1.734	2.595	241	39	1.060	69
21	Cung độ 3,0km	5.550	1.687	2.578	220	36	964	65
22	Cung độ 3,5km	5.452	1.665	2.564	209	33	917	64
23	Cung độ 4,0km	5.382	1.648	2.554	201	32	883	63
24	Cung độ 4,5km	5.314	1.632	2.548	194	31	848	62
25	Cung độ 5,0km	5.275	1.623	2.542	189	31	830	61
26	Cung độ 5,5km	5.228	1.611	2.537	184	30	806	59
27	Cung độ 6,0km	5.186	1.602	2.532	179	28	785	59
V	**San gạt đất đá**	**đồng/m3**						
1	Đất	3.158	769	1.005	369	69	836	109
2	Đá	3.821	932	1.214	448	83	1.012	132

Ghi chú:

- Đơn giá trên được lập trên cơ sở đơn giá công đoạn ban hành kèm theo QĐ số 199/QĐ-TKV ngày 10/02/2017 của TKV và chưa bao gồm thuế VAT, có điều chỉnh chi phí nhiên liệu theo giá dầu diezel là 17.360 đ/lít.
- Đơn giá trên đã bao gồm các chi phí như: chi phí sản xuất chung, chi phí quản lý doanh nghiệp và được vận dụng với tỷ lệ tương ứng với sản xuất than theo đơn giá công đoạn của TKV.
- Căn cứ vào điều kiện thực tế tại mỏ sắt Nà Rụa, Cao Bằng, đơn giá công đoạn được tính điều chỉnh thêm hệ số khó khăn 1,10 so với đơn giá công đoạn của TKV.

Phụ lục 3: BẢNG TÍNH DOANH THU, CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH TỔ CHỨC THỰC HIỆN KHAI THÁC KHU BẮC MỎ SẮT NÀ RỤA

ĐVT: triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm sản xuất													Cộng
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm 13	
I	**Doanh thu**	-	-	**289.687**	**337.968**	**337.968**	**337.968**	**337.968**	**337.968**	**337.968**	**337.968**	**337.968**	**337.968**	**328.312**	**3.659.715**
-	Sản lượng QNK (1000t)	-	-	300	350	350	350	350	350	350	350	350	350	340	3.790
-	Đơn giá (1000đ/tấn)			965,624	965,624	965,624	965,624	965,624	965,624	965,624	965,624	965,624	965,624	965,624	965,624
II	**Chi phí**	**480.064**	**322.974**	**388.478**	**334.174**	**328.542**	**322.406**	**306.391**	**151.810**	**156.320**	**143.972**	**153.239**	**159.820**	**164.577**	**2.609.728**
1	***Chi phí tái định cư***	***103.636***													
2	***Chi phí đền bù GPMB***	***320.792***	***211.702***	***53.298***											
3	***Chi phí khai thác***	***55.636***	***111.272***	***96.484***	***111.635***	***122.128***	***132.124***	***132.354***	***146.341***	***150.799***	***138.594***	***147.754***	***154.259***	***159.068***	
3.1	Khoan			3.201	4.580	6.148	7.689	7.689	9.749	9.749	8.433	8.433	8.788	8.776	
-	Khối lượng (1000m3)														
	Đá			*615*	*902*	*1.243*	*1.577*	*1.577*	*2.025*	*2.025*	*1.739*	*1.739*	*1.816*	*1.816*	
	Quặng			*67*	*78*	*78*	*78*	*78*	*78*	*78*	*78*	*78*	*78*	*76*	
-	Đơn giá (đ/m3)														
	Đá			*4.601*	*4.601*	*4.601*	*4.601*	*4.601*	*4.601*	*4.601*	*4.601*	*4.601*	*4.601*	*4.601*	
	Quặng			*5.528*	*5.528*	*5.528*	*5.528*	*5.528*	*5.528*	*5.528*	*5.528*	*5.528*	*5.528*	*5.528*	
3.2	Nổ mìn			8.554	12.262	16.498	20.658	20.658	26.220	26.220	22.666	22.666	23.627	23.596	
-	Khối lượng (1000m3)														
	Đá			*615*	*902*	*1.243*	*1.577*	*1.577*	*2.025*	*2.025*	*1.739*	*1.739*	*1.816*	*1.816*	
	Quặng			*67*	*78*	*78*	*78*	*78*	*78*	*78*	*78*	*78*	*78*	*76*	
-	Đơn giá (đ/m3)														
	Đá			*12.425*	*12.425*	*12.425*	*12.425*	*12.425*	*12.425*	*12.425*	*12.425*	*12.425*	*12.425*	*12.425*	
	Quặng			*13.584*	*13.584*	*13.584*	*13.584*	*13.584*	*13.584*	*13.584*	*13.584*	*13.584*	*13.584*	*13.584*	
3.3	Xúc bốc			17.740	18.345	18.675	19.062	18.854	19.288	19.288	16.335	16.335	16.388	16.369	
-	Khối lượng (1000m3)														
	Đất			*1.405*	*1.000*	*738*	*430*	*595*	*250*	*250*	*189*	*189*	*147*	*147*	
	Đá			*1.095*	*1.500*	*1.763*	*2.070*	*1.905*	*2.250*	*2.250*	*1.911*	*1.911*	*1.953*	*1.953*	
	Quặng			*67*	*78*	*78*	*78*	*78*	*78*	*78*	*78*	*78*	*78*	*76*	

TT	Khoản mục	Năm sản xuất												Cộng
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm 13	
-	Đơn giá (đ/m3)														
	Đất			6.316	6.316	6.316	6.316	6.316	6.316	6.316	6.316	6.316	6.316	6.316	
	Đá			7.574	7.574	7.574	7.574	7.574	7.574	7.574	7.574	7.574	7.574	7.574	
	Quặng			8.554	8.554	8.554	8.554	8.554	8.554	8.554	8.554	8.554	8.554	8.554	
3.4	Vận chuyển			64.403	73.781	78.088	81.936	82.406	88.269	92.727	88.791	97.950	103.078	107.949	
-	Khối lượng (1000t.km)														
	Đất			4.622	3.697	2.870	1.720	2.443	1.086	1.150	1.012	1.146	945	996	
	Đá			4.624	7.122	8.805	10.627	10.042	12.544	13.289	13.133	14.874	16.117	16.979	
	Quặng			630	963	1.015	1.103	1.173	1.250	1.348	1.404	1.488	1.565	1.649	
-	Cung độ vận chuyển (km)														
	Đất			1,53	1,72	1,81	1,86	1,91	2,02	2,14	2,49	2,82	2,99	3,15	
	Đá			1,53	1,72	1,81	1,86	1,91	2,02	2,14	2,49	2,82	2,99	3,15	
	Quặng			2,10	2,75	2,90	3,15	3,35	3,57	3,85	4,01	4,25	4,47	4,85	
-	Đơn giá (đ/m3)														
	Đất			6.561	6.317	6.203	6.144	6.085	5.977	5.918	5.743	5.618	5.554	5.521	
	Đá			6.561	6.317	6.203	6.144	6.085	5.977	5.918	5.743	5.618	5.554	5.521	
	Quặng			5.937	5.644	5.588	5.521	5.481	5.442	5.403	5.380	5.348	5.318	5.287	
3.5	San gạt			2.586	2.667	2.719	2.780	2.747	2.816	2.816	2.369	2.369	2.378	2.378	
-	Khối lượng (1000m3)														
	Đất			422	300	221	129	179	75	75	57	57	44	44	
	Đá			329	450	529	621	572	675	675	573	573	586	586	
-	Đơn giá (đ/m3)														
	Đất			3.158	3.158	3.158	3.158	3.158	3.158	3.158	3.158	3.158	3.158	3.158	
	Đá			3.821	3.821	3.821	3.821	3.821	3.821	3.821	3.821	3.821	3.821	3.821	
4	***Chi phí quản lý của VIMICO***	-	-	***78.088***	***61.932***	***45.806***	***29.675***	***13.429***	***5.468***	***5.520***	***5.378***	***5.485***	***5.561***	***5.509***	***261.851***
-	Lãi vay vốn 02 năm đầu			72.273	56.213	40.152	24.091	8.030	-	-	-	-	-	-	200.760
-	Lãi vay vốn lưu động			2.628	2.002	1.937	1.866	1.681	1.751	1.803	1.660	1.767	1.843	1.898	20.835
-	Chi phí bộ máy quản lý (1% doanh thu)			2.897	3.380	3.380	3.380	3.380	3.380	3.380	3.380	3.380	3.380	3.283	36.597
-	Chi khác (10% CPBMQL)			290	338	338	338	338	338	338	338	338	338	328	3.660

TT	Khoản mục	Năm sản xuất													Cộng
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm 13	
5	*Chi phí phân bổ*	-	-	*160.608*	*160.608*	*160.608*	*160.608*	*160.608*		-	-	-	-	-	**803.038**
III	**Lợi nhuận trước thuế**	-	-	(98.791)	3.794	9.427	15.562	**31.578**	**186.159**	**181.649**	**193.996**	**184.730**	**178.149**	**163.735**	**1.049.987**
-	Thuế thu nhập DN (20%)	-	-	-	759	1.885	3.112	6.316	37.232	36.330	38.799	36.946	35.630	32.747	**229.756**
IV	**Lợi nhuận sau thuế**	-	-	**(98.791)**	**3.035**	**7.542**	**12.450**	**25.262**	**148.927**	**145.319**	**155.197**	**147.784**	**142.519**	**130.988**	**820.231**
-	Lợi nhuận của VIMICO (68,42%)	-	-	(67.593)	2.077	5.160	8.518	17.284	101.896	99.427	106.186	101.114	97.511	89.622	561.202
-	Lợi nhuận của đối tác (31,58%)	-	-	(31.198)	959	2.382	3.932	7.978	47.031	45.892	49.011	46.670	45.007	41.366	259.029

Phụ lục 4: TÍNH TOÁN CHI PHÍ LÃI VAY PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH TỔ CHỨC THỰC HIỆN KHAI THÁC KHU BẮC MỎ SẮT NÀ RỤA

I. KẾ HOẠCH TRẢ LÃI VAY VỐN 2 NĂM ĐẦU (5 NĂM)

TT	Các khoản mục	Tỷ lệ	Năm sản xuất													TỔNG
			Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm 13	
I	Vốn vay		480.064	322.974												
II	Trả gốc và lãi vay		-	-												803.038
1	Trả gốc vốn vay		-	-	160.608	160.608	160.608	160.608	160.608	-						200.760
2	Lãi suất vốn vay (%/năm)	10%	-	-	72.273	56.213	40.152	24.091	8.030	-						

II. KẾ HOẠCH TRẢ LÃI VAY VỐN LƯU ĐỘNG

TT	Các khoản mục	Tỷ lệ	Năm sản xuất													TỔNG
			Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm 13	
I	Vốn vay lưu động				37.540	28.594	27.666	26.655	24.017	25.010	25.753	23.719	25.245	26.329	27.113	297.642
II	Trả lãi vay vốn lưu động															
2	Lãi suất vốn vay (%/năm)	7%			2.628	2.002	1.937	1.866	1.681	1.751	1.803	1.660	1.767	1.843	1.898	20.835

Phụ lục 5: KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VỐN, TRẢ NỢ VÀ THỜI GIAN HOÀN VỐN PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH TỔ CHỨC THỰC HIỆN KHAI THÁC KHU BẮC MỎ SẮT NÀ RỤA

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm 13
I	**Vốn đầu tư 2 năm đầu**	**10^3 đồng**	**480.064**	**322.974**											
II	**Các khoản hoàn trả vốn đầu tư**	**10^3 đồng**	**-**	**-**	**160.608**	**163.643**	**168.149**	**173.057**	**185.870**	**148.927**	**145.319**	**155.197**	**147.784**	**142.519**	**130.988**
1	Lợi nhuận ròng	"	-	-	(98.791)	3.035	7.542	12.450	25.262	148.927	145.319	155.197	147.784	142.519	130.988
2	Khấu hao (phân bổ)	"	-	-	160.608	160.608	160.608	160.608	160.608	-	-	-	-	-	-
III	**Dư nợ vốn đầu tư**	**10^3 đồng**	**480.064**	**803.038**	**642.430**	**478.788**	**310.638**	**137.581**							
IV	**Thời gian hoàn vốn**	**5,74**	**1,00**	**1,00**	**1,00**	**1,00**	**1,00**	**0,74**	**-**						

Phụ lục 6: BẢNG TÍNH HIỆU QUẢ KINH TẾ PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH
TỔ CHỨC THỰC HIỆN KHAI THÁC KHU BẮC MỎ SẮT NÀ RỤA

ĐVT: triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm sản xuất													Cộng
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Năm 10	Năm 11	Năm 12	Năm 13	
I	**Dòng tiền thu**	-	-	**289.687**	**337.968**	**337.968**	**337.968**	**337.968**	**337.968**	**337.968**	**337.968**	**337.968**	**337.968**	**328.312**	**3.659.715**
-	Sản lượng QNK (1000t)	-	-	300	350	350	350	350	350	350	350	350	350	340	3.790
-	Đơn giá (1000đ/tấn)			965,624	965,624	965,624	965,624	965,624	965,624	965,624	965,624	965,624	965,624	965,624	965,624
II	**Dòng tiền chi**	**480.064**	**322.974**	**227.870**	**174.326**	**169.819**	**164.911**	**152.099**	**189.042**	**192.649**	**182.771**	**190.185**	**195.449**	**197.324**	**2.839.484**
1	Chi phí tái định cư	103.636													103.636
2	Chi phí đền bù GPMB	320.792	211.702	53.298											585.792
3	Chi phí khai thác	55.636	111.272	96.484	111.635	122.128	132.124	132.354	146.341	150.799	138.594	147.754	154.259	159.068	1.658.448
4	Chi phí QL của VIMICO	-	-	78.088	61.932	45.806	29.675	13.429	5.468	5.520	5.378	5.485	5.561	5.509	261.851
-	Lãi vay vốn 02 năm đầu			72.273	56.213	40.152	24.091	8.030	-	-	-	-	-	-	200.760
-	Lãi vay vốn lưu động			2.628	2.002	1.937	1.866	1.681	1.751	1.803	1.660	1.767	1.843	1.898	20.835
-	Chi phí bộ máy quản lý (1% doanh thu)	-	-	2.897	3.380	3.380	3.380	3.380	3.380	3.380	3.380	3.380	3.380	3.283	36.597
-	Chi khác (10% CPBMQL)	-	-	290	338	338	338	338	338	338	338	338	338	328	3.660
5	Thuế TNDN (20%)	-	-	-	759	1.885	3.112	6.316	37.232	36.330	38.799	36.946	35.630	32.747	229.756
III	**Dòng tiền thuần**	**(480.064)**	**(322.974)**	**61.817**	**163.643**	**168.149**	**173.057**	**185.870**	**148.927**	**145.319**	**155.197**	**147.784**	**142.519**	**130.988**	**820.231**
	Năm thứ	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	Hệ số chiết khấu r=10%	1,00	0,91	0,83	0,75	0,68	0,62	0,56	0,51	0,47	0,42	0,39	0,35	0,32	
IV	**Giá trị hiện tại thực NPV**	**(480.064)**	**(293.612)**	**51.088**	**122.947**	**114.848**	**107.455**	**104.919**	**76.423**	**67.792**	**65.819**	**56.977**	**49.952**	**41.737**	
	Giá trị NPV lũy tiến	(480.064)	(773.677)	(722.588)	(599.641)	(484.793)	(377.338)	(272.419)	(195.996)	(128.204)	(62.385)	(5.408)	44.544	86.281	
V	**Tỷ suất lãi nội tại IRR**	**12,02%**													

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ – ĐIỆN MỎ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/BC-TT

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO
Kết quả thẩm tra Phương án sản xuất kinh doanh tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa

Kính gửi: Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Thực hiện Hợp đồng số 30/HĐ ngày 30/7/2019 giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP (VIMICO) và Trung tâm nghiên cứu Cơ – Điện mỏ - Trường Đại học mỏ Địa chất về việc thẩm định tra Phương án sản xuất kinh doanh tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa.

Trên cơ sở Phương án sản xuất kinh doanh tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa, các tài liệu liên quan do VIMICO cung cấp và các hướng dẫn, quy định có liên quan. Trung tâm nghiên cứu Cơ – điện mỏ - Trường Đại học Mỏ địa chất đã tiến hành thẩm tra Phương án sản xuất kinh doanh do VIMICO lập, kết quả thẩm tra được tổng hợp như sau:

I. NỘI DUNG THẨM TRA

1. Mục tiêu xây dựng Phương án sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Phương án sản xuất kinh doanh tổ chức thực hiện khai thác tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa được thực hiện theo hình thức hợp tác kinh doanh giữa VIMICO với Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng (viết tắt là CISCO, đây là Công ty con của VIMICO và do VIMICO nắm giữ cổ phần chi phối). Theo đó VIMICO sẽ đứng ra tổ chức khai thác tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa, Cao Bằng để cung cấp quặng cho CISCO phục vụ sản xuất phôi thép tại Nhà máy gang thép Cao Bằng.

Trên cơ sở các nguồn lực có thể huy động của VIMICO và các giải pháp kỹ thuật kinh tế, nhìn chung Phương án sản xuất kinh doanh tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa đã được lập theo quy định và đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu đặt ra.

2. Cơ sở và căn cứ lập phương án

VIMICO xây dựng phương án sản xuất kinh doanh tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa để trình các cấp có thẩm quyền thông qua dựa trên các cơ sở chủ yếu sau:

- Biên bản làm việc ngày 23/7/2019 giữa VIMICO, CISCO và một số cổ đông lớn của CISCO về việc thống nhất chủ trương thực hiện phương án hợp tác khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa;

- Dự án đầu tư khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rụa, Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng đạt 350.000 tấn/năm đã được HĐQT CISCO phê duyệt;

- Phương án khai thác hợp lý khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa (giai đoạn 1) đã được HĐQT CISCO thông qua;

- Phương án hợp tác đầu tư khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa đạt 350.000 tấn/năm đã được HĐQT CISCO thông qua;

- Đơn giá các công đoạn sản xuất của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-TKV ngày 10/02/2017;

- Các nguồn lực hiện có của VIMICO.

3. Các giải pháp kỹ thuật tổ chức thực hiện phương án

Khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa được thiết kế khai thác lộ thiên, đây là mỏ có quy mô ở mức trung bình, nhìn chung hệ thống khai thác khá đơn giản, các công đoạn sản xuất đều sử dụng phương pháp truyền thống nên công tác tổ chức sản xuất không phức tạp. Các giải pháp kỹ thuật, thông số kỹ thuật khai trường được VIMICO thực hiện triển khai theo đúng phương án khai thác hợp lý khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa đã được CISCO phê duyệt và mời VIMICO hợp tác, trong đó các khâu công nghệ chính của mỏ như sau:

+ Hệ thống khai thác:

Để đảm bảo cung cấp ổn định nguyên liệu đầu vào cho Nhà máy Gang thép, giảm bớt khối lượng chiếm đất bề mặt, diện tích bãi thải ngoài, tận dụng tối đa bãi thải trong, nâng cao hiệu quả kinh tế cho mỏ là cần thiết khi mỏ khai thác xuống sâu. Do đó, công tác khai thác trong phân kỳ đầu của các phương án được lựa chọn là tiến hành khai thác trên toàn bộ biên giới kết thúc phần kỳ đầu, phát triển công trình mỏ từ trung tâm về hai cánh, hướng bóc đất đá từ trung tâm về cánh Nam và Cánh Bắc.

Trong các năm đầu tiến hành bóc đất từ địa hình phát triển về phía trụ, đưa các tầng phía trên bên trụ về biên giới kết thúc nhằm hoàn trả để xây dựng đoạn đường thuộc tuyến đường nối QL.3 và QL.4A (đoạn tránh qua thị xã Cao Bằng) đi qua bờ trụ của mỏ.

Để phù hợp với điều kiện địa chất, hiện trạng khai trường khu Bắc lựa chọn HTKT khấu theo lớp đứng chia bờ mỏ thành nhiều nhóm tầng, trên mỗi nhóm tầng có thể sử dụng khấu đuổi, vận tải đất đá đổ bãi thải ngoài và bãi thải trong.

Bảng các chỉ tiêu cơ bản của hệ thống khai thác

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng		
	- Khi sản xuất (h_{sx})	m	10
	- Khi kết thúc (h_{kt})	,,	20
2	Chiều cao phân tầng quặng	,,	5
3	Chiều rộng mặt tầng công tác		
	- Đất đá làm tơi bằng nổ mìn	,,	32

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
	- Đất đá không cần làm tơi	,,	20
4	Chiều rộng mặt tầng vận tải	,,	14÷15
5	Chiều rộng dải khấu A	,,	
	- Đất đá làm tơi bằng nổ mìn	,,	16
	- Đất đá mềm, xúc trực tiếp	,,	20
6	Chiều rộng đáy hào chuẩn bị	,,	2÷20
7	Góc dốc sườn tầng (α)	độ	60
8	Góc nghiêng bờ công tác (φ)	,,	24÷28
9	Số nhóm tầng công tác đồng thời trên bờ công tác	bờ	3÷4
10	Số tầng trong một nhóm	tầng	2÷3

Công nghệ làm tơi đất đá và quặng: Đất đá và quặng được làm tơi sơ bộ bằng khoan nổ mìn đường kính D =105÷165 mm sau đó dùng MXTLGN có dung tích gầu E = 2,8÷4,3 m^3 xúc lên ôtô tự đổ có tải trọng q = 15÷36 tấn vận chuyển ra bãi thải và nhà máy tuyển.

Công nghệ đào sâu đáy mỏ áp dụng đáy mỏ bậc thang có đáy moong nghiêng với việc sử dụng máy xúc thủy lực gầu ngược.

+ Công tác vận tải:

Vận tải đất đá: Đất đá thải trong quá trình khai thác được MXTLGN dung tích gầu E = 4,3 m^3 xúc lên ô tô có tải trọng q = 36 tấn đổ ra bãi thải ngoài phía Nam khai trường.

Vận tải quặng: Quặng nguyên khai sau khi khai thác được MXTLGN E = 2,8 m^3xúc lên ô tô tự đổ có tải trọng q = 15 tấn vận chuyển về nhà máy tuyển sau đó chuyển về nhà máy Gang thép.

+ Công tác đổ thải:

Khối lượng đất đá thải hàng năm của mỏ trong phân kỳ đầu của các phương án được đổ ra bãi thải ngoài phía Nam khai trường.

- Bãi thải số 2 (bãi thải trong khai trường khu Nam): Đất đá thải khai trường khu Bắc được vận chuyển về đổ thải trong vào khai trường khu Nam. Quá trình đổ thải từ Bắc xuống Nam, từ thấp lên cao. Khi đổ lên tầng thải +360, bãi thải số 2 phát triển về phía Tây Nam và đổ trùm vào tầng thải +340 của bãi thải số 3. Kết thúc đổ thải tầng +360, mỏ tiếp tục đổ lên các tầng trên. Kết thúc đổ thải tại bãi thải số 2 cốt cao đổ thải mức +380, với khối lượng đổ thải 7.700.000 m3.

- Bãi thải số 3: Đổ thải từ cos +300 đến cos + 340. Được đổ thải từ mức +300, theo trình tự từ Bắc xuống Nam, quá trình đổ từ thấp lên cao. Mỏ tiến hành đổ xong tầng thấp +300 đến giới hạn kết thúc tầng thải thì mới được tiếp tục đổ thải lên các tầng cao. Trong quá trình đổ thải, đê chắn chân bãi thải sẽ được đắp trước khi đổ thải.

- Bãi thải số 4: Đất đá thải khai trường khu Bắc được vận chuyển về đổ thải vào bãi thải số 4. Sau khi đổ thải xong mức +220, tiếp tục đổ lên các tầng cao hơn

+240, +260, +280, +300.... Trình tự phát triển từ Bắc xuống phía Nam và Đông Nam, đổ thải từ thấp lên cao. Khối lượng đổ thải là 15.937.096 m3.

+ Công tác thoát nước

Nước mặt: Xây dựng hệ thống thoát nước theo các tầng để thoát nước mặt ra khỏi biên giới.

Nước ngầm: Sử dụng hệ thống bơm có Q= 800÷1.400 (m^3/giờ), chiều cao đẩy H_b = 228÷180 (m), P = 900 kW.

4. Tính toán hiệu quả kinh tế

a. Chi phí thực hiện:

Chi phí tổ chức thực hiện phương án khai thác khu Bắc bao gồm các chi phí như sau:

- Chi phí đền bù GPMB, tái định cư sẽ được giải ngân theo tiến độ thực hiện của CISCO;
- Chi phí bóc đất chuẩn bị và khai thác hàng năm: Chi phí này được tính toán, xác định trên cơ sở đơn giá các công đoạn của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ban hành, có điều chỉnh theo giá nhiên liệu thời điểm hiện tại và điều kiện khó khăn tại khu vực Cao Bằng;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Chi phí quản lý của VIMICO.

b. Doanh thu, lợi nhuận:

Doanh thu thực hiện hàng năm (từ năm thứ 3) là giá trị thanh toán giữa VIMICO và CISCO trên cơ sở sản lượng quặng nguyên khai và đơn giá khai thác được hai bên thống nhất (theo phương án hợp tác là 965.624 đồng/tấn).

c. Hiệu quả kinh tế:

Từ các yếu tố chi phí đầu vào, đầu ra khi thực hiện phương án SXKD tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rùa, VIMICO đã tính toán hiệu quả kinh tế (chỉ tiêu NPV, IRR) theo đúng quy định.

II. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Các thủ tục pháp lý liên quan trong triển khai dự án về cơ bản đầy đủ và phù hợp theo quy định (Giấy phép khai thác mỏ; ĐTM; Phương án Cải tạo PHMT sau khai thác,...).

2. Các giải pháp về mở via, khối lượng đất bóc, quặng khai thác, vận tải, đổ thải, thoát nước, khối lượng đền bù, GPMB-TĐC... là phù hợp với dự án và phương án mời hợp tác của CISCO.

3. Các yếu tố chi phí được xác định cơ bản phù hợp, trong đó khối lượng đền bù, GPMB-TĐC đã được thống kê, kiểm đếm làm cơ sở xác định chi phí. Nhìn chung phương án SXKD tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa do VIMICO lập có tính khả thi và đảm bảo có hiệu quả kinh tế.

4. Một số kiến nghị:

- Việc khai thác khu Bắc tác động đến đời sống dân cư và phải đền bù, GPMB-TĐC trên diện rộng, do vậy VIMICO và CISCO cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của địa phương trong quá trình triển khai phương án để đảm bảo tiến độ thực hiện.

- VIMICO và CISCO cần khẩn trương phối hợp với địa phương tổ chức đền bù, thu hồi đất kịp thời, nhằm hạn chế phát sinh chi phí do thay đổi chế độ chính sách, đơn giá bồi thường,...

- Quá trình thực hiện phương án phát sinh các hợp đồng hợp tác giữa VIMICO và các bên, do đó VIMICO cần có đơn vị tư vấn luật để hỗ trợ các thủ tục pháp lý liên quan trong thỏa thuận hợp tác nhằm đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của VIMICO và các bên tham gia do đây là trường hợp hợp tác đặc thù.

5. Phương án sản xuất kinh doanh tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa do Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP lập cơ bản đã tổng hợp được các nội dung, khối lượng và tiến độ công việc cần triển khai thực hiện. Việc thực hiện phương án sản xuất kinh doanh này ngoài việc tháo gỡ khó khăn trong việc cung cấp nguyên liệu phục vụ sản xuất phôi thép của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng cũng mang lại hiệu quả kinh tế và góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm tra Phương án sản xuất kinh doanh tổ chức thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa của Trung tâm nghiên cứu Cơ – điện mỏ - Trường Đại học Mỏ địa chất. Trên cơ sở kết quả thẩm tra này, đề nghị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP xem xét trình các cấp có thẩm quyền thông qua/phê duyệt để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (b/c);
- Lưu VP, LT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CƠ ĐIỆN MỎ

Nguyễn Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC
Về việc thống nhất chủ trương thực hiện phương án hợp tác khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa

Căn cứ Báo cáo số 1190 ngày 17/7/2019 của Giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng (CISCO) gửi HĐQT CISCO; Báo cáo số 1118/BC-GTCB ngày 17/7/2019 của Người đại diện QLPV của Tổng công ty Khoáng sản – TKV (VIMICO) tại CISCO gửi VIMICO về tình hình phát hành hồ sơ mời hợp tác đầu tư khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa;

Căn cứ Phương án mời hợp tác đầu tư khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa đã được HĐQT CISCO thông qua;

Hôm nay, ngày 23/7/2019, tại VP Tổng công ty Khoáng sản – TKV, số 193 Nguyễn Huy Tưởng, TP.Hà Nội, Tổng công ty Khoáng sản – TKV (VIMICO) cùng với đại diện một số cổ đông lớn của CISCO đã tiến hành làm việc để ghi nhận ý kiến các cổ đông lớn về việc VIMICO thực hiện phương án hợp tác khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa, cụ thể như sau:

A. THÀNH PHẦN

I. Tổng công ty Khoáng sản - TKV

- Ông Trịnh Văn Tuệ — Chức vụ: Tổng giám đốc
- Ông Ngô Quốc Trung — Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
- Ông Bùi Tiến Hải — Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
- Ông Trần Minh Tuấn — Chức vụ: Trưởng phòng QTK
- Ông Cao Anh Hào — Chức vụ: Phó phòng KHZ

II. Đại diện các cổ đông Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

1. Công ty cổ phần xây lắp điện I:

- Người đại diện: Ông Trịnh Văn Tuấn — Chức vụ: Tổng giám đốc

2. Cổ đông cá nhân ông Phạm Thành Đô:

- Người đại diện: Ông Phạm Thành Đô — Số CMND: 012006390

III. Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

- Ông Nguyễn Văn Phương — Chức vụ: Giám đốc
- Ông Đỗ Ngọc Hải — Chức vụ: Kế toán trưởng

B. NỘI DUNG LÀM VIỆC

1. Các bên đã nghe Giám đốc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng báo cáo kết quả thực hiện mời hợp tác đầu tư khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa, theo đó qua 4 lần CISCO tổ chức thông báo mời hợp tác, nhưng đến nay không có đơn vị nào tham gia nộp hồ sơ đề xuất hợp tác thực hiện phương án khai thác tại khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa.

Trên cơ sở tính cấp thiết của việc triển khai phương án khai thác khu Bắc để phục vụ nhu cầu nguyên liệu đầu vào cho Nhà máy luyện gang thép từ sau năm 2020 và thực hiện các cam kết của CISCO với chính quyền địa phương trong quá trình triển khai dự án, VIMICO đang tiến hành các công việc để thực hiện phương án hợp tác khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa với các điều kiện trong phương án đã được HĐQT CISCO phê duyệt, cùng các điều kiện kèm theo dưới đây:

i) CISCO cam kết trả cho VIMICO trong thời gian thực hiện phương án hợp tác (13 năm) một lượng phôi thép hàng năm (quy đổi theo chi phí vốn ban đầu hàng năm + Chi phí khai thác hàng năm/giá bán kế hoạch). Giá bán phôi thép để bù trừ nợ là giá thị trường do VIMICO và/hoặc CISCO xác định bằng hình thức tổ chức chào giá rộng rãi. Trường hợp CISCO thanh toán cho VIMICO bằng tiền thì không sử dụng biện pháp lấy phôi thép để trừ nợ.

ii) CISCO cam kết chuyển giao quyền bán quặng sắt (trong thời gian thực hiện phương án hợp tác) cho VIMICO trong trường hợp CISCO không tiêu thụ hết số quặng mà VIMICO khai thác theo hợp đồng.

iii) CISCO nhận được sự cam kết/chấp thuận của cấp có thẩm quyền tại tỉnh Cao Bằng trong việc thống nhất phương án đền bù GPMB, tái định cư,... phù hợp với phương án kỹ thuật khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa.

2. CISCO có trách nhiệm báo cáo HĐQT và ĐHĐCĐ để thông qua Nghị quyết các nội dung hợp tác với VIMICO như trên tại ĐHĐCĐ bất thường trong thời gian sớm nhất (tháng 8/2019), trong đó cổ đông VIMICO không có quyền biểu quyết.

3. Các nội dung khác sẽ được VIMICO và CISCO đàm phán và dự thảo trong hợp đồng hợp tác để trình các cấp có thẩm quyền thông qua theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của mỗi đơn vị trước khi triển khai thực hiện.

Ý kiến các cổ đông CISCO: Nhất trí các nội dung hợp tác giữa CISCO và VIMICO để thực hiện phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa theo các nội dung do VIMICO đề xuất như trên để các bên triển khai các bước tiếp theo.

Biên bản đã được các bên tham gia nhất trí tán thành và được lập thành 08 bản có giá trị như nhau để làm cơ sở cho các bên triển khai thác thực hiện./.

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV
Tổng giám đốc

Trịnh Văn Tuệ

ĐẠI DIỆN CÁC CỔ ĐÔNG CISCO
1. Công ty CP Xây lắp điện I
Tổng giám đốc

Trịnh Văn Tuấn

CTY CP GANG THÉP CAO BẰNG
Giám đốc

Nguyễn Văn Phương

2. Cổ đông Phạm Thành Đô

Phạm Thành Đô

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

Số: 3005 /VIMICO – KHZ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2019

THƯ MỜI HỢP TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH
Thực hiện Phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa

Kính gửi: Các đơn vị, đối tác quan tâm

Đầu tiên, Tổng công ty Khoáng sản – TKV (VIMICO) xin gửi đến Quý đối tác lời chào trân trọng, lời chúc may mắn và thành công.

VIMICO là đơn vị có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Hiện nay, VIMICO đang mong muốn tìm kiếm đối tác với phương châm đôi bên cùng có lợi, để hợp tác sản xuất kinh doanh thực hiện Phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa thuộc Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

VIMICO kính mời đại diện Quý đối tác là các doanh nghiệp có chức năng và nhu cầu tham gia hợp tác đến tìm hiểu, nhận Hồ sơ mời hợp tác và chuẩn bị Hồ sơ đề xuất hợp tác, cụ thể như sau:

1. Thời gian, địa điểm nhận Hồ sơ mời hợp tác:

Thời gian: Từ 9h00 ngày 06/01/2020 đến 9h00 ngày 15/01/2020.

Địa điểm nhận Hồ sơ mời hợp tác: Phòng Kế hoạch Giá thành – Tổng công ty Khoáng sản – TKV, số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

2. Thời gian, địa điểm nộp Hồ sơ đề xuất hợp tác:

Thời gian: Trước 10h00 ngày 15/01/2020.

Địa điểm nộp Hồ sơ đề xuất hợp tác: Phòng Kế hoạch Giá thành – Tổng công ty Khoáng sản – TKV, số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Hồ sơ đề xuất hợp tác sẽ được mở công khai vào hồi 10h30 ngày 15/01/2020 tại Văn phòng VIMICO, số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3. Thư mời hợp tác sản xuất kinh doanh này được đăng tin công khai trên Thời báo kinh tế Việt Nam, các trang website điện tử www.vinacomin.vn và www.vimico.vn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, P.KHZ.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100103087 - C.T.C. TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV VIMICO

Trịnh Văn Tuệ

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV

Số: 104 /QĐ -VIMICO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị hợp tác sản xuất kinh doanh thực hiện Phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1146/QĐ-VIMICO ngày 27/11/2017 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc ban hành chức năng nhiệm vụ của các phòng ban;

Căn cứ Quyết định số 1284/QĐ-VIMICO ngày 31/12/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt Hồ sơ mời hợp tác sản xuất kinh doanh thực hiện Phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa;

Căn cứ Quyết định số 1317/QĐ-VIMICO ngày 31/12/2019 của Tổng Giám đốc Tổng công ty về việc thành lập Tổ đánh giá lựa chọn đơn vị hợp tác sản xuất kinh doanh thực hiện Phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa;

Căn cứ Hồ sơ đề xuất hợp tác thực hiện phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa của Công ty cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên ngày 14/01/2020;

Xét đề nghị của Tổ đánh giá lựa chọn đơn vị hợp tác tại Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất hợp tác sản xuất kinh doanh thực hiện Phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa ngày 22/01/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị hợp tác sản xuất kinh doanh thực hiện phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa như sau:

1. Tên đơn vị tham gia hợp tác: Công ty cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên.

Địa chỉ: Xóm Bến Giềng, xã Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Khối lượng và giá trị tham gia hợp tác theo Phương án sản xuất kinh doanh thực hiện khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa:

* Tổng công ty Khoáng sản – TKV thực hiện toàn bộ công tác đền bù GPMB với giá trị dự kiến: 585.792.145.000 đồng.

* Công ty cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên thực hiện các nội dung công việc:

- San gạt mặt bằng, xây dựng khu tái định cư: Giá trị dự kiến 103.636.364.000 đồng.

- Bóc đất đá chuẩn bị sản xuất 02 năm đầu: Giá trị dự kiến 166.908.000.000 đồng.

- Bóc đất đá, khai thác quặng hàng năm đạt 350.000 tấn QNK/năm (từ năm thứ 3 trở đi).

Khối lượng, đơn giá sẽ được các bên xem xét thống nhất khi đàm phán hợp đồng liên danh hợp tác với Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Điều 2. Giao cho các phòng ban liên quan thông báo và phối hợp với đơn vị tham gia hợp tác hoàn thiện Thỏa thuận liên danh, đồng thời tổ chức thực hiện các bước tiếp theo để triển khai phương án.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng ban chức năng của Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (e-copy);
- HĐQT, BKS (e-copy, b/c);
- BGĐ Tcty (e-copy);
- Các phòng: TCKT, QTK, MĐC, ĐTXD (e-copy);
- Lưu VP, KHZ.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN THƯƠNG MẠI VIMICO

Trịnh Văn Tuệ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----*-----**

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2020.

THỎA THUẬN LIÊN DANH
HỢP TÁC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC KHU BẮC MỎ SẮT NÀ RỤA

Căn cứ Hồ sơ hợp tác sản xuất thực hiện phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa được HĐQT Tổng công ty Khoáng sản – TKV phê duyệt tại Quyết định số 1317/QĐ-VIMICO ngày 31/12/2019;

Căn cứ Hồ sơ đề xuất hợp tác thực hiện phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa của Công ty cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên ngày 14/01/2020;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-VIMICO ngày 31/01/2020 của Tổng công ty Khoáng sản – TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị hợp tác sản xuất kinh doanh thực hiện Phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa;

Căn cứ Thông báo kết quả lựa chọn đơn vị hợp tác sản xuất kinh doanh thực hiện Phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa số 203/VIMICO-KHZ ngày 31/01/2020 của Tổng công ty Khoáng sản – TKV;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

1. Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Đại diện là ông: Trịnh Văn Tuệ

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.62876666

Fax: 024.62883333

Tài khoản số: 170114851000017 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần XNK Việt Nam - Chi nhánh Long Biên.

Mã số thuế: 0100103087

2. Công ty cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên

Đại diện là ông: Đào Văn Lương - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Xóm Bến Giềng, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 0208 6552 198

E-mail: kstmthainguyen@gmail.com

Tài khoản: 39010000966150 tại ngân hàng BIDV Thái nguyên

Mã số thuế: 4601337887

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên thống nhất hình thành liên danh để tham gia đàm phán, thương thảo hợp đồng hợp tác thực hiện Phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa do Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng mời hợp tác.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến phương án thực hiện khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa là: Liên danh Tổng công ty Khoáng sản - TKV và Công ty cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên.

3. Công ty cổ phần Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên cam kết trường hợp được lựa chọn sẽ không từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng, trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Hình thức xử lý khác.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện phương án khai thác khu Bắc mỏ sắt Nà Rụa đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh: Tổng công ty Khoáng sản - TKV

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị (Tỷ lệ % so với giá trị trong PA)
A	**Đối với công việc thực hiện ban đầu (02 năm đầu)**		
1	Tổng công ty Khoáng sản - TKV	-Bồi thường GPMB	68,42%
2	Công ty CP Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên	- Xây dựng hạ tầng khu tái định cư - Bóc đất giai đoạn chuẩn bị	31,58%

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị (Tỷ lệ % so với giá trị trong PA)
	Tổng cộng	**Toàn bộ công việc của PA**	**100%**
B	**Đối với công việc thực hiện hàng năm (sau 02 năm đầu)**		
1 2	Tổng công ty Khoáng sản - TKV Công ty CP Khoáng sản và Thương mại Thái Nguyên	- Bóc đất đá thải - Khai thác QNK 350.000 tấn/năm	Hai bên sẽ xem xét phân chia trách nhiệm và quyền lợi khi ký hợp đồng hợp tác

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Liên danh không được lựa chọn;

- Hủy việc lựa chọn đơn vị tham gia hợp tác.

Thỏa thuận liên danh được lập thành 08 bản, mỗi bên giữ 04 bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THÁI NGUYÊN **GIÁM ĐỐC**	**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV** **TỔNG GIÁM ĐỐC**
Đào Văn Lương	**Trịnh Văn Tuệ**

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP
Số: 522 /TTr -VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v thông qua hợp đồng phối hợp kinh doanh và cơ chế mua bán sản phẩm năm 2020 với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345. /QĐ-VIMICO ngày 11.4.2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP,

Hội đồng quản trị báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua các nội dung sau:

I. Về hợp đồng phối hợp kinh doanh và cơ chế mua bán sản phẩm đồng tấm:

1. Thông qua Hợp đồng phối hợp kinh doanh năm 2020 giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP và cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với những nội dung điều khoản như bản dự thảo Hợp đồng kèm theo.

2. Thông qua cơ chế mua bán sản phẩm đồng tấm với Tập đoàn theo quy chế quản trị chi phí kinh doanh trong Tập đoàn các Công ty TKV ban hành tại Quyết định số 212/QĐ-TKV ngày 12/02/2019 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, theo đó: Tập đoàn ban hành giá bán đối với sản phẩm đồng tấm do Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP sản xuất trong năm 2020 để giao cho Tập đoàn tiêu thụ.

II. Về tinh quặng đồng

Theo kế hoạch sản xuất năm 2020, Nhà máy luyện đồng số 2 sẽ hoàn thành và đưa vào chạy thử, sản xuất từ quý III/2020 với nguồn nguyên liệu là tinh quặng đồng được SX từ Mỏ đồng Sin Quyền và Mỏ đồng Tả Phời. Do tình hình dịch Covid - 19 còn diễn biến phức tạp, dẫn đến khả năng Dự án Nhà máy Luyện đồng công suất 20.000 tấn/năm sẽ bị chậm tiến độ, khi đó Công ty mẹ - Tổng công ty sẽ tồn kho một lượng tinh quặng đồng (ước khoảng 16.000 đến 50.000 tấn).

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định: trong quá trình triển khai thực hiện SXKD 2020 sẽ căn cứ diễn biến của thị trường, diễn biến dịch Covid 19 để chủ động phối hợp với cổ đông TKV thực hiện việc dự trữ nguyên liệu/mua bán sản phẩm phù hợp với cơ chế phối hợp kinh doanh đã ký kết giữa Vimico và TKV, nhằm đảm bảo đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra, duy trì sản xuất ổn định, bảo toàn và phát triển vốn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP, HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

Nguyễn Văn Hải

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(DỰ THẢO)

HỢP ĐỒNG
KHAI THÁC, SÀNG TUYỂN, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NĂM 2020
Số: /2020/HĐKD

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG

Luật thương mại được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08/08/2018 của Chính phủ về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV);

Căn cứ Quyết định số 2166/QĐ-TKV ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2020 của Tập đoàn các công ty TKV (Tổ hợp công ty mẹ - Công ty con Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam);

Căn cứ thỏa thuận chung ngày 26/12/2019 về thực hiện Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2020,

Hôm nay, ngày tháng năm 2020, tại ....., Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) là Công ty TNHH 1 TV do Nhà nước làm chủ sở hữu, được Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện chức năng chủ thể quản lý tài nguyên khoáng sản than,... với mục tiêu phát triển công nghiệp than và các ngành, nghề khác một cách bền vững; đáp ứng nhu cầu than của nền kinh tế; hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà nước giao. Trong Hợp Đồng này TKV là ***Bên A***.

Địa chỉ: Số 226, đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại số: (84)4.5180141-(84)4.8510780, Fax (84) 4.510724

Tài khoản số: 102010000011613 mở tại Ngân hàng công thương Hoàn Kiếm Hà Nội.

Mã số thuế doanh nghiệp: 5700100256

Đại diện là Ông: Đặng Thanh Hải. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

2. Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP (VIMICO) là một công ty có tư cách pháp nhân Việt Nam, chuyên ngành khai thác mỏ, chế biến và kinh doanh các sản phẩm Khoáng sản tự nguyện tham gia hợp đồng phối hợp kinh doanh; trong Hợp Đồng này Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP được gọi là ***Bên B***.

Địa chỉ: Số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84)4.62876666, Fax : (84)4.62883333

Mã số thuế doanh nghiệp: 0100103087
Tài khoản: 012010000029980
Đại diện là Ông: Trịnh Văn Tuệ Chức vụ: Tổng Giám đốc.

II. HAI BÊN THOẢ THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung

1.1. Bên B đồng ý nhận khai thác, sàng tuyển, chế biến sản phẩm khoáng sản năm 2020 và giao cho Bên A với khối lượng, chất lượng và giá cả được quy định trong hợp đồng này (có Phụ lục kèm theo) và các văn bản hướng dẫn, quy định của TKV trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

Bên A ủy quyền cho Bên B ký các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm Tinh quặng sắt, Vàng, Bạc, A xít H2SO4, Thạch cao với các khách hàng. Bên B xây dựng phương án tiêu thụ, xác định giá báo cáo TKV xem xét thẩm định và phê duyệt để áp dụng cho cả năm 2020.

1.2. Bên B có trách nhiệm hoàn thành tiến độ các công trình ĐTXD theo kế hoạch, đảm bảo năng lực khai thác, chế biến khoáng sản cho Bên A và bảo vệ môi trường.

Điều 2. Giá cả và giá trị thanh toán

2.1. Hai bên thỏa thuận và thống nhất rằng: Đối với sản phẩm: đồng tấm, Tinh quặng đồng giao nhận (mua bán) theo tiến độ, khối lượng và chất lượng trong Điều 1, bên A thanh toán trả cho bên B chi phí thực hiện các công đoạn sản xuất trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, bao gồm cả lợi nhuận định mức kế hoạch.

2.2. Điều chỉnh giá: Căn cứ tình hình thực hiện, hai bên thống nhất điều chỉnh giá mua bán theo Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của TKV ban hành, được áp dụng thống nhất trong Tập đoàn các công ty TKV và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh bổ sung (nếu có).

- Trường hợp bên B được bên A chi khuyến khích sản lượng, chất lượng khoáng sản, Bên A thực hiện điều chỉnh giá mua khoáng sản tương ứng số tiền khuyến khích sản lượng, chất lượng khoáng sản Bên B được hưởng.
- Việc điều chỉnh giá được hai bên thống nhất bằng Phụ lục hợp đồng đính kèm Hợp đồng này.

2.3. Bên B phải tổ chức quản trị chi phí, giá thành, giá bán theo các quy định hiện hành của Tập đoàn, có cơ chế điều tiết nội bộ lợi thế chênh lệch giữa các đơn vị khai thác tài nguyên có các điều kiện tự nhiên khác nhau nhằm tạo sự bình đẳng cho các đơn vị đồng thời tăng cường tích tụ vốn để đầu tư phát triển.

Điều 3. Phương thức nghiệm thu sản phẩm và thanh toán

3.1. Sản phẩm được công nhận là đã giao nộp cho bên A khi đã bốc trên phương tiện của khách hàng, phương tiện của bên A tại kho bên B; hoặc giao tại kho, bãi của Bên A và được bên A (hoặc đơn vị được bên A ủy quyền) chấp nhận.

3.2. 6 tháng và cả năm Bên A tổ chức kiểm tra, xác nhận tổng sản phẩm mà bên B đã giao nhận và các chỉ tiêu khác như đã thống nhất trong các phụ lục Hợp đồng này.

3.3. Bên A thanh toán tiền mua sản phẩm cho bên B theo điều khoản của Hợp đồng mua/bán với Khách hàng và với bên B.

3.4. Kết thúc năm, căn cứ vào khối lượng sản phẩm giao nộp theo quy định và các chỉ tiêu theo hợp đồng đã ký, hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền lợi của các bên

4.1. Bên A

4.1.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.1.1.1. Giao cho Bên B quản lý, sử dụng phần vốn của chủ sở hữu tại công ty để kinh doanh.

4.1.1.2. Thống nhất quản lý, hỗ trợ về công nghệ, quản lý và điều hành của Tập đoàn, bao gồm nhưng không giới hạn các công tác sau đây:

a. Tổ chức nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ mới trong khai thác, chế biến khoáng sản và các sản phẩm khác.

b. Nghiên cứu hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý, áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại. Hướng dẫn, ban hành các quy chế, quy trình, quy định, định mức KTKT và đơn giá áp dụng trong phạm vi toàn Tập đoàn.

c. Giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Bên B trong các lĩnh vực đầu tư XDCB; an toàn lao động, quản lý lao động, tiền lương; công tác tổ chức cán bộ; công tác kế toán, tài chính và các công tác khác theo đúng Điều lệ TKV, quy chế, quy định hiện hành.

4.1.1.3. Hướng dẫn các công ty tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh thực hiện các cam kết trong các hợp đồng về cung ứng vật tư, hàng hoá, dịch vụ, xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ và chăm lo sức khỏe người lao động trong toàn Tập đoàn.

4.1.1.4. Các quyết định, văn bản hướng dẫn về điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh, giá bán sản phẩm, cơ chế khuyến khích sản xuất - tiêu thụ, các văn bản hướng dẫn, quy định nội bộ có liên quan của Tổng Giám đốc TKV và/hoặc người được Tổng Giám đốc uỷ quyền đều được coi là phụ lục của Hợp đồng này.

4.1.2. Các quyền lợi:

4.1.2.1. Sử dụng các công cụ quản lý, điều tiết toàn ngành về tài nguyên, vốn, lao động, công nghệ, thị trường nhằm đảm bảo tăng trưởng, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh chung toàn Tập đoàn.

4.1.2.2. Tăng cường tích luỹ vốn, đầu tư phát triển sản xuất, ...

4.1.2.3. Tổng Giám đốc TKV tự mình và/hoặc uỷ quyền cho các Phó Tổng Giám đốc, các viên chức thuộc bộ máy quản lý điều hành của TKV kiểm tra tiến độ thực hiện hợp đồng.

4.2. Bên B

4.2.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.2.1.1. Bên B cam kết sử dụng mọi nguồn lực và các giải pháp quản lý trong phạm vi quyền hạn của mình được Pháp luật quy định để bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ đã được Bộ Tài nguyên - Môi trường cấp phép và được bên A giao nhằm không để thất thoát khoáng sản hoặc để khai thác, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trái phép trong phạm vi ranh giới mỏ, kho, bến cảng được giao quản lý.

4.2.1.2. Tuân thủ quy phạm kỹ thuật, quy trình công nghệ, cải thiện điều kiện kỹ thuật, điều kiện làm việc cho người lao động; là chủ thể chịu trách nhiệm chính đảm bảo an toàn lao động, an toàn về máy móc thiết bị, an toàn về vốn, bảo vệ môi trường.

4.2.1.3. Chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi đầu tư máy móc, thiết bị, chuẩn bị đủ nguồn nhân lực... để hoàn thành các chỉ tiêu đã cam kết tại Điều 1 và đảm bảo sự phát triển bền vững của đơn vị. Chủ động đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, giảm tổn thất trong khai thác và tăng giá trị sản phẩm thu được sau chế biến so với năm trước.

4.2.1.4. Quản trị chặt chẽ khối lượng mỏ và chỉ tiêu công nghệ, chi phí theo Quy chế của HĐTV TKV ban hành và chịu trách nhiệm trước Tập đoàn và trước Pháp luật về số liệu do đơn vị tổng hợp, báo cáo. Trường hợp, Bên B báo cáo không đúng số liệu thực tế thực hiện thì sẽ phải tự chịu trách nhiệm theo quy định của TKV, của Nhà nước và tự chịu các chi phí phát sinh tăng, giảm nếu có theo quy định pháp luật hiện hành.

4.2.1.5. Đảm bảo các chế độ về ăn ca, ăn định lượng, bồi dưỡng độc hại, thu nhập của người lao động và lợi nhuận không giảm so với kế hoạch.

4.2.1.6. Thực hiện đầy đủ các quy định về điều hành sản xuất, tiêu thụ, chế độ báo cáo thống kê, các quy chế, quy định khác của TKV và Nhà nước đã ban hành. Duy trì tất cả các báo cáo và hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này, và giữ an toàn tất cả các bản vẽ, tài liệu liên quan đến thực hiện Hợp Đồng này.

4.2.1.7. Cho phép tiếp cận và cung cấp các thông tin hợp lý cho Đại diện của Bên A cũng như tất cả các đại diện được uỷ quyền hợp lệ của các cơ quan Nhà nước Trung ương hay Địa phương, trong quá trình mà những cán bộ này tiến hành giám sát một cách hợp lý sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4.2.1.8. Nộp thuế vào ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành.

4.2.2. Các quyền lợi:

4.2.2.1. Toàn quyền sử dụng tổng chi phí mà bên A thanh toán để chi trả theo yêu cầu sản xuất và theo chế độ quy định.

4.2.2.2. Chủ động điều hành quá trình sản xuất kinh doanh trên cơ sở thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

Điều 5. Thủ tục giải quyết các vướng mắc và trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng

5.1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai bên (có biên bản ghi toàn bộ nội dung đó).

5.2. Trường hợp cần sửa đổi hợp đồng: khi cần thay đổi quy cách, chất lượng sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng,....

5.3. Bên nào đã ký hợp đồng mà không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như đã thống nhất trong hợp đồng sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng và bên vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường cho bên kia những thiệt hại do vi phạm hợp đồng gây ra.

Trong đó:

a. Trường hợp Bên B để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trong ranh giới mỏ và/hoặc để thất thoát sản phẩm trong quá trình khai thác, vận chuyển, tiêu thụ thì: Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị sản phẩm bị thất thoát và các chi phí liên quan khác.

b. Bên B phải chịu phạt vi phạm hợp đồng bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm cho mỗi lần vi phạm (thực hiện theo quy định tại Điều 301-Luật thương mại năm 2005).

Điều 6. Thời hạn có hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng có giá trị hiệu lực từ ngày 01/01/2020 và thực hiện trong năm 2020. Hợp đồng được lập thành 6 bản mỗi bên 03 bản có giá trị ngang nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN B **TỔNG GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN A** **TỔNG GIÁM ĐỐC TKV**
Trịnh Văn Tuệ	**Đặng Thanh Hải**